



Quản lý Nguồn Tài nguyên Thiên nhiên
vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng

Đồng quản lý tại Ấp Âu Thọ B

**Một thử nghiệm thí điểm cho vùng ven biển
tỉnh Sóc Trăng**

Richard Lloyd

Từ 01 tháng 01 năm 2011:

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

gtz



Ủy Ban Nhân Dân
Tỉnh Sóc Trăng

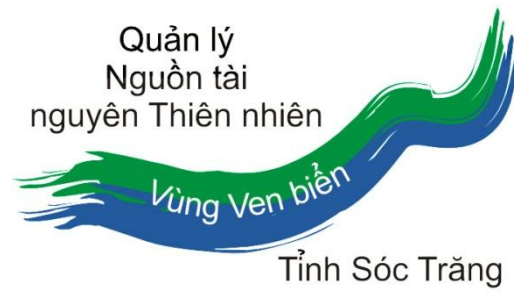
Xuất bản
Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ)
Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển
Tỉnh Sóc Trăng

Tác giả
Richard Lloyd

Trang bìa
Hợp tổ tại Âu Thọ B, R. Lloyd 2008

Thiết kế
Golden Sky
Email: info@goldenskyvn.com

© gtz, tháng 05/2010



Đồng quản lý tại Ấp Âu Thọ B

Một thử nghiệm thí điểm cho vùng ven biển Tỉnh Sóc Trăng

Richard Lloyd

Tháng 05/2010

Giới thiệu chung về GTZ

Là một cơ quan hợp tác quốc tế thuộc Chính phủ CHLB Đức có phạm vi hoạt động toàn cầu vì mục đích Phát triển Bền vững, Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) có nhiệm vụ hỗ trợ Chính phủ CHLB Đức trong việc thực hiện các mục tiêu về chính sách phát triển. Trong một thế giới toàn cầu hóa, GTZ cung cấp những giải pháp thực tiễn và dài hạn cho các vấn đề phát triển về mặt chính sách, kinh tế, sinh thái và xã hội. GTZ hỗ trợ những quá trình cải cách và đổi mới toàn diện thích ứng với các điều kiện khó khăn của các nước sở tại với mục tiêu cải thiện bền vững điều kiện sống của người dân các nước này.

Các hoạt động của GTZ được tài trợ chính bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ). Ngoài ra, GTZ cũng thực hiện sứ mệnh của mình dưới sự ủy nhiệm của các Bộ khác của Đức, của Chính phủ các nước khác và các tổ chức quốc tế như Ủy ban Châu Âu (European Commission), Liên Hợp Quốc (United Nations), Ngân hàng Thế giới (World Bank), cũng như của các tổ chức tư nhân. GTZ hoạt động trên nguyên tắc vì lợi ích cộng đồng, mọi khoản lợi nhuận thu được đều được tái sử dụng cho các dự án hợp tác phát triển bền vững của GTZ.

Từ năm 1993, GTZ đã và đang cùng với các cơ quan đối tác tại Việt Nam tích cực triển khai các dự án phát triển bền vững trong ba lĩnh vực ưu tiên: Phát triển Kinh tế Bền vững, Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên bao gồm cả Cung cấp Nước sạch, Xử lý Nước thải và Chất thải Rắn và Chăm sóc Sức khỏe. Ngoài ra, GTZ còn có một số dự án khác trong lĩnh vực Giảm Nghèo, dự án được thực hiện theo ủy nhiệm của các Bộ khác của CHLB Đức hoặc thông qua bộ phận Dịch vụ Quốc tế (IS) của GTZ. Trung tâm Di trú và Phát triển Quốc tế (CIM) là một cơ quan được phối hợp điều hành giữa GTZ và Trung tâm Giới thiệu Việc làm Quốc tế (ZAV) của Cục Lao động Liên bang Đức (BA) hiện đang cử 29 chuyên gia đảm nhiệm các công việc có chuyên môn cao tại các cơ quan đối tác tại Việt Nam.

Lời tựa

Mục tiêu tổng thể của dự án “Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển Tỉnh Sóc Trăng” là bảo vệ và sử dụng bền vững đất ngập nước ven biển của tỉnh Sóc Trăng vì lợi ích của người dân địa phương. Điều này có thể thực hiện được thông qua việc khôi phục và quản lý rừng ngập mặn với nhấn mạnh vào khả năng phục hồi đối với các tác động của biến đổi khí hậu và các hoạt động hỗ trợ sinh kế liên quan.

Là một trong những chiến lược hướng tới việc đạt được mục tiêu, và là một phần của phương pháp quản lý tổng hợp vùng ven biển, dự án đã và đang thí điểm mô hình đồng quản lý tại một ấp như một phương pháp tiếp cận mới đối với quản lý và bảo vệ rừng ngập mặn.

Mặc dù quá trình đồng quản lý rừng ngập mặn được bắt đầu cách đây chỉ ba năm, kinh nghiệm đầu tiên đã cho thấy đồng quản lý là một cách hiệu quả để duy trì và tăng cường chức năng phòng hộ của đai rừng ngập mặn và đồng thời cung cấp sinh kế cho cộng đồng địa phương.

Báo cáo này mô tả chi tiết quá trình đồng quản lý từ lúc bắt đầu đến lúc có được thỏa thuận; liệt kê bài học kinh nghiệm và đưa ra một vài kinh nghiệm đầu tiên của việc thực hiện đồng quản lý. Một báo cáo thứ hai, được dự kiến vào năm 2011, sẽ tập trung vào bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện đồng quản lý, bao gồm quá trình từ lúc có được thỏa thuận đến thực hiện thỏa thuận.

Báo cáo “Đồng quản lý tại Ấp Âu Thọ B: Một thử nghiệm thí điểm cho vùng ven biển Tỉnh Sóc Trăng” có thể được các nhà quản lý sử dụng như một tài liệu hướng dẫn và sổ tay về cách thực hiện quy trình đồng quản lý.

Klaus Schmitt

Cố Vấn Trưởng

Mục lục

Giới thiệu chung về GTZ	ii
Lời tựa	iii
Mục lục	iv
Danh mục các hình	vi
Danh mục các bảng và Tác giả ảnh chụp	vii
Lời cảm ơn	viii
Từ viết tắt	ix
Tóm tắt báo cáo	10
Giới thiệu	12
1. Bối cảnh	13
1.1 Tỉnh Sóc Trăng	13
1.2 Vùng dự án ven biển	13
1.3 Vị trí và đặc điểm áp Âu Thọ B.....	14
1.4 Tài nguyên thiên nhiên áp Âu Thọ B	15
1.5 Sử dụng tài nguyên thiên nhiên áp Âu Thọ B	15
1.6 Âu Thọ B: các quy định hiện hành chính về sử dụng đất và tài nguyên	16
2. Khái niệm và nguyên tắc đồng quản lý	17
2.1 Đồng quản lý và tầm quan trọng của đồng quản lý.....	17
2.2 Quy trình đồng quản lý và nguyên tắc.....	17
2.2.1 Quy trình đồng quản lý.....	17
2.2.2 Các nguyên tắc chính của quy trình đồng quản lý.....	18
2.2.3 Lợi ích của đồng quản lý rừng ngập mặn	20
3. Tham khảo ý kiến và tổ chức các bên liên quan	22
3.1 Tham khảo ý kiến và tổ chức chính quyền địa phương.....	22
3.1.1 Có được sự hiểu biết và chấp nhận.....	22
3.1.2 Bắt đầu thực hiện quy trình đồng quản lý	23
3.2 Tham khảo ý kiến và tổ chức cộng đồng địa phương.....	24
3.2.1 Có được sự hiểu biết và chấp nhận.....	24
3.2.2 Tổ chức và thành lập nhóm người sử dụng tài nguyên.....	30
3.3 Bài học kinh nghiệm	32
4. Thương lượng và thỏa thuận	34
4.1 Các cuộc họp thương lượng	34
4.1.1 Cuộc họp thương lượng lần đầu.....	34
4.1.2 Các cuộc họp thương lượng lần 2 đến lần 11	35
4.1.3 Phổ biến dự thảo thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên đến thành viên NSDTN.....	41
4.1.4 Cuộc họp thương lượng cuối cùng	41
4.2 Ký kết thỏa thuận.....	42
4.3 Bài học kinh nghiệm	42
5. Thực hiện thỏa thuận	43
5.1 Phân định ranh giới	43
5.1.1 Ranh giới rừng/đất nông nghiệp	43
5.1.2 Ranh giới các khu rừng.....	44
5.2 Phổ biến thông tin.....	46
5.3 Thực thi các quy định của thỏa thuận	46

5.4	Giới thiệu bếp lò đun củ tiết kiệm hơn.....	47
5.5	Bài học kinh nghiệm	47
6.	Giám sát và đánh giá	48
6.1	Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia	48
6.1.1	Mục tiêu và chỉ số.....	48
6.1.2	Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia trong thực tiễn.....	48
6.2	Giám sát các hoạt động trái phép	51
6.3	Đánh giá và quản lý thích ứng	51
6.4	Bài học kinh nghiệm	51
	Tài liệu tham khảo	52
Phụ lục 1	Biểu đồ quy trình đồng quản lý.....	54
Phụ lục 2	Bảng câu hỏi về sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại Âu Thọ B	55
Phụ lục 3	Quy định của nhóm người sử dụng tài nguyên theo Nghị Định 151.....	58
Phụ lục 4	Thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên cho Âu Thọ B	66
Phụ lục 5	Sổ tay tập huấn giám sát sử dụng tài nguyên.....	71

Danh mục các hình

Hình 1: Vị trí và vùng dự án	13
Hình 2: Vị trí ấp Âu Thọ B	14
Hình 3: Lịch mùa vụ đánh bắt sử dụng nguồn lợi	15
Hình 4: Quy hoạch phân vùng của rừng ấp Âu Thọ B theo Quyết Định 116	16
Hình 5: Tổng quan về 4 bước của quy trình đồng quản lý và 4 nguyên tắc chính.	19
Hình 6: Xây dựng bản đồ sử dụng đất ấp Âu Thọ B từ hội thảo thực hành vẽ bản đồ	24
Hình 7: Khu vực các tổ Âu Thọ B	25
Hình 8: Sử dụng ảnh vệ tinh để xác định nhà của những người sử dụng tài nguyên.	26
Hình 9: Tham gia xác định loại hộ giàu nghèo	27
Hình 10: Xếp hạng giàu nghèo các hộ người sử dụng tài nguyên ấp Âu Thọ B.	28
Hình 11: Nhóm thảo luận và viết ra giấy các vấn đề	29
Hình 12: Tập hợp các vấn đề theo nhóm.	29
Hình 13: Tỷ lệ phần trăm người trả lời bảng câu hỏi thu nhật/đánh bắt các loại tài nguyên rừng và bãi bồi khác nhau.	29
Hình 14: Các ứng viên cho vị trí tổ trưởng trình bày phẩm chất năng lực trước các tổ viên	31
Hình 15: Bỏ phiếu bầu tổ trưởng.	31
Hình 16: Đếm phiếu.	31
Hình 17: Ban lãnh đạo nhóm người sử dụng tài nguyên.	32
Hình 18: Vẽ bản đồ các khu	36
Hình 19: Dự thảo bản đồ phân khu rừng	37
Hình 20: Củi nhật từ rừng để nấu ăn	38
Hình 21: Thả lưới đánh bắt cá kèo con khi nước lớn.	39
Hình 22: Đẩy xip đánh bắt	39
Hình 23: Xúc cá kèo con với vợt tay	39
Hình 24: Giải thích thuật ngữ sử dụng trong dự thảo thỏa thuận cho các tổ trưởng	41
Hình 25: Phổ biến dự thảo thỏa thuận đến thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên.	41
Hình 26: Lễ ký thỏa thuận nhóm người sử dụng tài nguyên	42
Hình 27: Ranh giới giữa rừng và đất nông nghiệp Âu Thọ B.	44
Hình 28: Đánh dấu ranh giới các khu trong rừng	44
Hình 29: Cọc ranh giới đánh dấu ranh giới rừng/đất bãi bồi	45
Hình 30: Ranh giới khu phục hồi (bên trong rừng) khu phục hồi (bên ngoài rừng) theo hàng cây tự nhiên	45
Hình 31: Bản đồ phân khu sau cùng cho rừng ngập mặn Âu Thọ B	45
Hình 32: Bảng thông báo tại lối vào đường vào rừng	46
Hình 33: Lò ba chân hiện được sử dụng tại Âu Thọ B.	47
Hình 34: Bếp lò đun củi tiết kiệm tại Âu Thọ B.	47
Hình 35: Phát triển phiếu dữ liệu giám sát	49
Hình 36: Một 'tác' củi khô.	49
Hình 37: Phiếu dữ liệu giám sát sử dụng tài nguyên	50
Hình 38: Tập huấn giám sát cho thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên.	50
Hình 39: Chu trình quản lý thích ứng	51

Danh mục các bảng

Bảng 1: Số liệu thống kê dân số chính của vùng dự án (2005).....	14
Bảng 2: Sơ đồ trình bày khái niệm đồng quản lý (Schmitt 2009).	17
Bảng 3: Số người tham dự tại các cuộc họp tham khảo ý kiến cộng đồng	25
Bảng 4: Người tham dự cuộc họp xây dựng tiêu chí giàu nghèo.....	27
Bảng 5: Xếp hạng giàu nghèo các hộ người sử dụng tài nguyên theo khu vực tổ	28
Bảng 6: Số thành viên theo tổ nhóm người sử dụng tài nguyên (12/2008).....	30

Tác giả ảnh chụp

Tất cả ảnh trình bày trong các hình do tác giả chụp (2008-2009) ngoại trừ: Hình 21 của Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản (2008), Hình 22, 23 và 29 của ông Dominic Meinardi (2009), Hình 32 và 34 của Ts. Klaus Schmitt (2010), Hình 33 và hình 36 (phỏng theo) của ông Nguyễn Dũng (2009-2010).

Lời cảm ơn

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ của dự án GTZ Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Sóc Trăng, Ban Điều hành Dự án và Chi Cục Kiểm Lâm Sóc Trăng.

Tác giả xin bày tỏ lời cảm ơn đặc biệt đến Ts. Klaus Schmitt, Cố Vấn Trưởng dự án GTZ, về ý kiến xây dựng của ông trong thời gian dự thảo báo cáo này, và đến tất cả đại diện chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện và xã, cộng đồng ấp Âu Thọ B và nhân viên dự án GTZ đã tham gia vào việc thành lập đồng quản lý tại Âu Thọ B. Xin bày tỏ lời cảm ơn đặc biệt đến ông Xê, Giám đốc Dự án và Chi Cục Trưởng Chi Cục Kiểm Lâm; ông Hiệp, Chi Cục Kiểm Lâm; ông Nhịn, Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Xã Vĩnh Hải; ông Vũ, Đội Dự án Huyện; ông Triều, Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản và ông Soal, Nhóm Trưởng Nhóm người Sử dụng Tài nguyên ấp Âu Thọ B. Lời cảm ơn cũng dành cho nhân viên văn phòng dự án GTZ đã hỗ trợ rất nhiều trong thời gian tôi ở Sóc Trăng: ông Dũng, bà Thủy, bà Kiều và ông Bình và cả các phiên dịch viên ông Nhấn, ông Đàm, và ông Hiền được GTZ hợp đồng để hỗ trợ tôi tại thực địa.

Từ viết tắt

UBND Xã	Ủy Ban Nhân Dân Xã
CWPDP	Dự án Bảo vệ và Phát triển những vùng Đất ngập nước Ven biển
CZM	Quản lý Vùng Ven biển
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TN-MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
CCKL	Chi Cục Kiểm Lâm
GPS	Máy Định vị Toàn cầu
GTZ	Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức
GTZ CZM	Dự án Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng ven biển Tỉnh Sóc Trăng
ICAM	Quản lý Tổng hợp Vùng Ven biển
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Ban QLDA	Ban Quản lý Dự án
UBND Tỉnh	Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh
Ban ĐHDA	Ban Điều hành Dự án
NSDTN	Nhóm người sử dụng tài nguyên
CCKT&BV NLTS	Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản
USD	Đô-la Mỹ

Tóm tắt báo cáo

Báo cáo này mô tả công việc do dự án GTZ Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển tỉnh Sóc Trăng, miền nam Việt Nam, thực hiện trong việc xây dựng đồng quản lý tại vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng thông qua một thử nghiệm thí điểm thực hiện tại ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu.

Báo cáo này có sáu chương bao gồm một chương bối cảnh về vùng dự án và chi tiết về ấp Âu Thọ B, một mô tả về khái niệm và nguyên tắc đồng quản lý làm nền tảng cho việc giới thiệu đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B và một mô tả cách thực hiện mỗi bước của bốn bước của quy trình đồng quản lý cùng với bài học kinh nghiệm.

Vùng dự án GTZ có đường bờ biển dài 72 km rất năng động và bao gồm một đai rừng ngập mặn hẹp hầu như cùng chiều dài với đường bờ biển. Ấp Âu Thọ B có đường bờ biển dài 2,76 km bao gồm rừng ngập mặn với bãi bồi và bãi cát liền kề. Rừng ngập mặn do Chi Cục Kiểm Lâm quản lý và bãi bồi và bãi cát do Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản quản lý.

Ấp Âu Thọ B có dân số là 3.638 người với thành phần dân tộc 1,2% người Kinh, 41% người Hoa và 57,8% người Khmer. Tình trạng nghèo nàn thì phổ biến với 33% người nghèo¹. Nhiều người dân trong ấp, đặc biệt là người nghèo, vào rừng ngập mặn, bãi bồi và bãi cát đánh bắt nguồn lợi thủy sinh như cá kèo con, cá thòi lòi, ốc, cua, cá và nghêu cũng như thu nhặt củi rừng làm nhiên liệu nấu ăn. Rừng bị thiệt hại do người dân vào rừng thu nhặt tài nguyên và đi qua rừng để đến bãi bồi và bãi cát. Đối với những người nghèo nhất, nguồn lợi thủy sinh từ các khu vực này là nguồn thu nhập chính.

Đồng quản lý dựa trên nền tảng thương lượng, lấy quyết định chung, mức độ chia sẻ quyền hạn và phân phối công bằng lợi ích giữa tất cả các bên liên quan. Khái niệm chính của đồng quản lý trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên là người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương chia sẻ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý một khu vực tài nguyên thiên nhiên nhất định thông qua một thỏa thuận có thương lượng. Mục đích của đồng quản lý là cung cấp lợi ích cho các cộng đồng địa phương qua việc tiếp cận hợp pháp và được đảm bảo tài nguyên thiên nhiên trong rừng phòng hộ và đồng thời đảm bảo việc sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ hiệu quả rừng ngập mặn.

Để đồng quản lý thành công, điều cần thiết là có sự hỗ trợ chính trị đầy đủ của tất cả các cấp (tỉnh qua huyện đến xã) và sự thoả thuận của tất cả các bên liên quan.

Quy trình đồng quản lý tiến hành theo bốn bước:

Bước 1 bao gồm các cuộc điều tra (khảo sát), thông tin về quy trình đồng quản lý, có được sự chấp nhận quy trình, xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức (tham khảo ý kiến) và một nhóm khởi động tổ chức cả hai nhóm người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương sao cho họ ở vào vị thế có khả năng thương lượng việc sử dụng tài nguyên (tổ chức). Việc thành lập chính thức nhóm người sử dụng tài nguyên tiến hành trong bước này.

Bước 2 bao gồm một loạt các cuộc họp thương lượng được kết thúc với một thỏa thuận chính thức giữa chính quyền địa phương và nhóm người sử dụng tài nguyên. Thỏa thuận nói rõ ai có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và bao nhiêu.

Bước 3 là bước thực hiện thỏa thuận đã qua thương lượng.

Bước 4 liên quan đến giám sát và đánh giá đưa đến đường vòng phản hồi để thương lượng lại (quản lý thích ứng) và phải được áp dụng trong quá trình thực hiện.

Quy trình đồng quản lý cũng phải áp dụng bốn nguyên tắc: quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM), sự tham gia, phân khu và giám sát. Việc áp dụng các nguyên tắc vào quy trình đồng quản lý đảm bảo việc đồng quản lý nguồn tài nguyên được xem xét từ góc độ cảnh quan/hệ sinh thái chứ không phải một quan điểm thuần túy về việc thích hợp với điều kiện cụ thể của địa điểm (ICAM), tất cả các bên liên quan được tiếp tục tham gia vào quy trình đồng quản lý (sự tham gia), tính hiệu quả của việc quản lý và bảo vệ rừng được gia tăng thông qua việc chia rừng thành các khu trong đó áp dụng các chế độ quản lý khác nhau (phân khu), và có thể xác lập được các can thiệp đã thành công hay không (giám sát).

Chỉ khi mà bốn bước đồng quản lý đã được thực hiện và các nguyên tắc được áp dụng, mới có thể đạt được các lợi ích chính của đồng quản lý. Các lợi ích bao gồm: bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn, cải thiện sinh kế của cộng đồng địa phương thông qua sử dụng bền vững và được đảm bảo tài nguyên, người sử dụng tài nguyên được tham gia quyết định việc quản lý tài nguyên, giảm

¹ Thu nhập ít hơn 150.000 đồng/người/tháng - tiêu chuẩn 2005 (Joffe và Lưu 2007). Tỷ giá bình quân trong tháng tư năm 2010 là 18.800 đồng/USD.

bớt khối lượng công việc cho chính quyền và chia sẻ lợi ích như một phần của cách tiếp cận Quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM).

Các khái niệm và quy trình đồng quản lý đầu tiên được thảo luận với chính quyền địa phương để được họ chấp nhận và tạo ra môi trường thuận lợi để có thể bắt đầu quy trình đồng quản lý.

Kể đó nhóm khởi động được thành lập để hỗ trợ việc thực hiện bước đầu tiên của quy trình. Nhóm gồm đại diện chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện và xã và đại diện cộng đồng địa phương. Nhóm này xúc tiến đồng quản lý đến cộng đồng Ấu Thọ B và hỗ trợ người sử dụng tài nguyên tự tổ chức họ thành nhóm người sử dụng tài nguyên (NSDTN) chính thức. Nhóm khởi động cũng tiến hành họp với chính quyền địa phương liên quan để thông báo cho họ biết về các hoạt động đồng quản lý đang được thực hiện và tổ chức họ để chuẩn bị cho việc thương lượng.

12 cuộc họp thương lượng đã được tổ chức trong khoảng thời gian sáu tháng là nơi đại diện NSDTN và chính quyền địa phương thảo luận và thống nhất các quy định sử dụng tài nguyên cho rừng ngập mặn. Trong các cuộc họp thương lượng đã đồng ý xây dựng bốn khu trong rừng ngập mặn và một bộ quy định được phát triển về ai, có thể làm gì, khi nào, thế nào và sử dụng bao nhiêu trong mỗi khu. Một khi các khu và các quy định được thống nhất, một thỏa thuận sử dụng tài nguyên chính thức được chuẩn bị và được đại diện UBND xã Vĩnh Hải và NSDTN cùng ký kết.

Việc thực hiện thỏa thuận bắt đầu với việc chính quyền địa phương và NSDTN cùng phân định ranh giới rừng và các khu bên trong rừng. Việc phổ biến thông tin về các quy định của thỏa thuận cũng đã bắt đầu và tiến hành liên tục trong và xung quanh ấp Ấu Thọ B; và các bảng thông báo thông tin bằng tiếng Việt được đặt tại các điểm chiến lược dọc theo ranh giới rừng. Việc thực thi các quy định do NSDTN và chính quyền địa phương đang cùng phối hợp thực hiện. Các bếp lò đun củi tiết kiệm hơn cũng đang được giới thiệu đến các thành viên NSDTN với sự hỗ trợ của dự án GTZ để trợ giúp các thành viên NSDTN giảm bớt lượng củi mà họ sử dụng để nấu ăn. Ngoài ra, cuộc họp hàng tháng được tổ chức bởi Ban đồng quản lý là một ban quản trị nhiều thành phần bao gồm NSDTN, chính quyền địa phương, các bên liên quan khác và các ban ngành chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý rừng ngập mặn để thảo luận và cùng lấy quyết định về các vấn đề về đồng quản lý.

Dự án cũng đã xây dựng việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên có sự tham gia và giám sát các hoạt động trái phép để xác minh xem việc thu nhặt củi và đánh bắt nguồn lợi thủy sinh đang tiến hành có bền vững không và các hoạt động trái phép có đang được giảm bớt theo thời gian không.

Một vài bài học kinh nghiệm chính rút ra trong quá trình thực hiện đồng quản lý tại ấp Ấu Thọ B bao gồm: điều kiện tiên quyết để bắt đầu quy trình đồng quản lý là sự chấp nhận quy trình đồng quản lý của chính quyền địa phương các cấp, thông điệp về đồng quản lý phải đơn giản và được lặp đi lặp lại một cách liên tục bởi vì khái niệm mới sẽ không được tất cả các bên liên quan hiểu ngay lập tức, thích ứng và sử dụng các cơ chế lập pháp hiện hành đối với việc thành lập chính thức NSDTN đảm bảo chính quyền địa phương công nhận nhóm, cần có thúc đẩy viên độc lập để tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc họp thương lượng, các thảo luận và thỏa thuận đưa ra trong bước thương lượng cần được viết bằng tiếng Khmer cũng như bằng tiếng Việt, phải bắt đầu thực hiện thỏa thuận ngay sau khi đạt được thỏa thuận, cần thiết tiến hành tập huấn liên tục cho lãnh đạo NSDTN để hoạt động của NSDTN có hiệu quả, và cần thiết có giám sát và đánh giá như một phần của quản lý thích ứng để nhận ra và thích ứng với hoàn cảnh đang thay đổi.

Giới thiệu

Việc thành lập đồng quản lý tại Ấp Âu Thọ B là một phần của dự án GTZ về *Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển Tỉnh Sóc Trăng* tại Đồng bằng sông Cửu Long, phía Nam Việt Nam. Dự án được thiết kế để cung cấp các giải pháp thí điểm để giải quyết mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và phát triển các chiến lược có thể làm tăng khả năng phát triển của rừng ngập mặn bằng cách tăng cường khả năng phục hồi của rừng đối với các tác động của biến đổi khí hậu.

Mục tiêu tổng thể của dự án là: các vùng đất ngập nước ven biển của tỉnh Sóc Trăng sẽ được bảo vệ và sử dụng bền vững vì lợi ích của người dân địa phương. Đối với giai đoạn đầu (2007-2010), mục tiêu là thúc đẩy đồng quản lý vùng ven biển giữa người sử dụng tài nguyên và chính quyền.

Báo cáo này mô tả công việc được thực hiện trong việc xây dựng đồng quản lý tại vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng qua một thử nghiệm thí điểm tại ấp Âu Thọ B. Ấp này được chọn để thử nghiệm như là kết quả của một số cuộc điều tra và phân tích được thực hiện vào năm 2007 (Schmitt 2009), và cũng vì đường đi đến ấp thì dễ dàng, ấp có mức độ mâu thuẫn thấp về sử dụng đất và mức độ sẵn lòng cộng tác cao. Các điều kiện như thế cung cấp một cơ hội tốt để phát triển một mô hình thành công cho các người khác thực hiện theo.

Chương 1 trình bày phần giới thiệu vùng dự án GTZ và vị trí, số liệu thống kê dân số, sử dụng tài nguyên và quy chế của ấp Âu Thọ B. Các khái niệm và nguyên tắc đồng quản lý làm nền tảng cho việc giới thiệu đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B được mô tả trong chương 2. Chương 3 đến chương 6 mô tả cách thực hiện mỗi bước của bốn bước kết hợp với bốn nguyên tắc tại ấp Âu Thọ B cùng với bài học kinh nghiệm rút ra từ mỗi bước.

Theo các chính sách quản lý rừng của chính phủ, đất lâm nghiệp tại Việt Nam được giao dọc theo bờ biển cho các nông dân cá thể và hợp đồng bảo vệ được chi trả theo ha/năm. Các đánh giá khác nhau về chính sách này như đã được áp dụng dọc theo đai rừng ngập mặn hẹp của tỉnh Sóc Trăng cho thấy việc này không có tác động như mong muốn (Schmitt 2009). Đồng quản lý dựa trên các hợp đồng tiến hành với các nhóm người chứ không phải với các hộ riêng lẻ (cùng tác giả như trên) và nó đã được sử dụng thành công trên toàn thế giới đối với việc quản lý tài nguyên thiên nhiên (Borrini-Feyerabend *et al.* 2004a). Dự án GTZ do đó đang thí điểm đồng quản lý như một phương pháp tiếp cận mới cho quản lý rừng ngập mặn tại tỉnh Sóc Trăng và có khả năng phát triển cho cả Việt Nam.

Borrini-Feyerabend *et al.* 2004 định nghĩa đồng quản lý như sau:

'một tình huống trong đó hai hoặc hơn hai bên tham gia thương lượng, xác định và đảm bảo với nhau một chia sẻ công bằng về các chức năng quản lý, lợi ích, nhiệm vụ và trách nhiệm cho một khu vực hay một tập hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên nào đó'.

Định nghĩa này có thể được xem là khái niệm đồng quản lý được quốc tế chấp nhận, đã được khảo sát kỹ trong thực tiễn trên khắp thế giới trong khoảng 20 năm qua (Swan 2009), và đồng quản lý được mô tả trong báo cáo này là sự biến đổi thích ứng theo bối cảnh của quá trình đồng quản lý cơ bản theo mô tả của Borrini-Feyerabend *et al.* 2004.

Các bài học từ kinh nghiệm đồng quản lý của Ấp Âu Thọ B nên được xem xét một cách chủ động khi thực hiện sáng kiến đồng quản lý tiếp theo tại tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, trong khi việc phát triển các cải cách hành chính công và lập pháp trong 10 năm qua tại Việt Nam đã tạo ra một môi trường thuận lợi đối với việc chuyển giao quyền quản lý, bảo vệ và sử dụng sản xuất tự nhiên và rừng phòng hộ ít quan trọng hơn đến cộng đồng nông thôn (Swan 2009), kinh nghiệm thu được từ thử nghiệm thí điểm này có thể được sử dụng để khuyến khích các nhà hoạch định chính sách và làm luật lồng ghép đầy đủ hơn nữa quy trình đồng quản lý vào khung lập pháp quốc gia.

Kinh nghiệm Ấp Âu Thọ B đã được trình bày tại hội thảo quốc gia về Đồng quản lý: Khái niệm và thực tiễn tại Việt Nam (Sóc Trăng, 17-19/03/2010)). Thông báo kết luận của hội thảo khuyến khích việc nhân rộng hơn nữa đồng quản lý tại Việt Nam thông qua các kinh nghiệm thí điểm.

Sau cùng, mặc dù quá trình đồng quản lý cho Ấp Âu Thọ B đã tiến triển tốt và đạt được nhiều kết quả trong hai năm từ khi bắt đầu, điều được thừa nhận là vẫn còn nhiều việc phải làm. Đồng quản lý thì mới đối với tất cả các bên liên quan tại tỉnh Sóc Trăng và quá trình này, đặc biệt là việc thực hiện thỏa thuận, cần được mọi người tiếp tục thực hiện một cách liên tục. Đó là một lời nhắc nhở rằng đồng quản lý là một quá trình dài hạn và cần có thời gian để thực hiện.

1. Bối cảnh

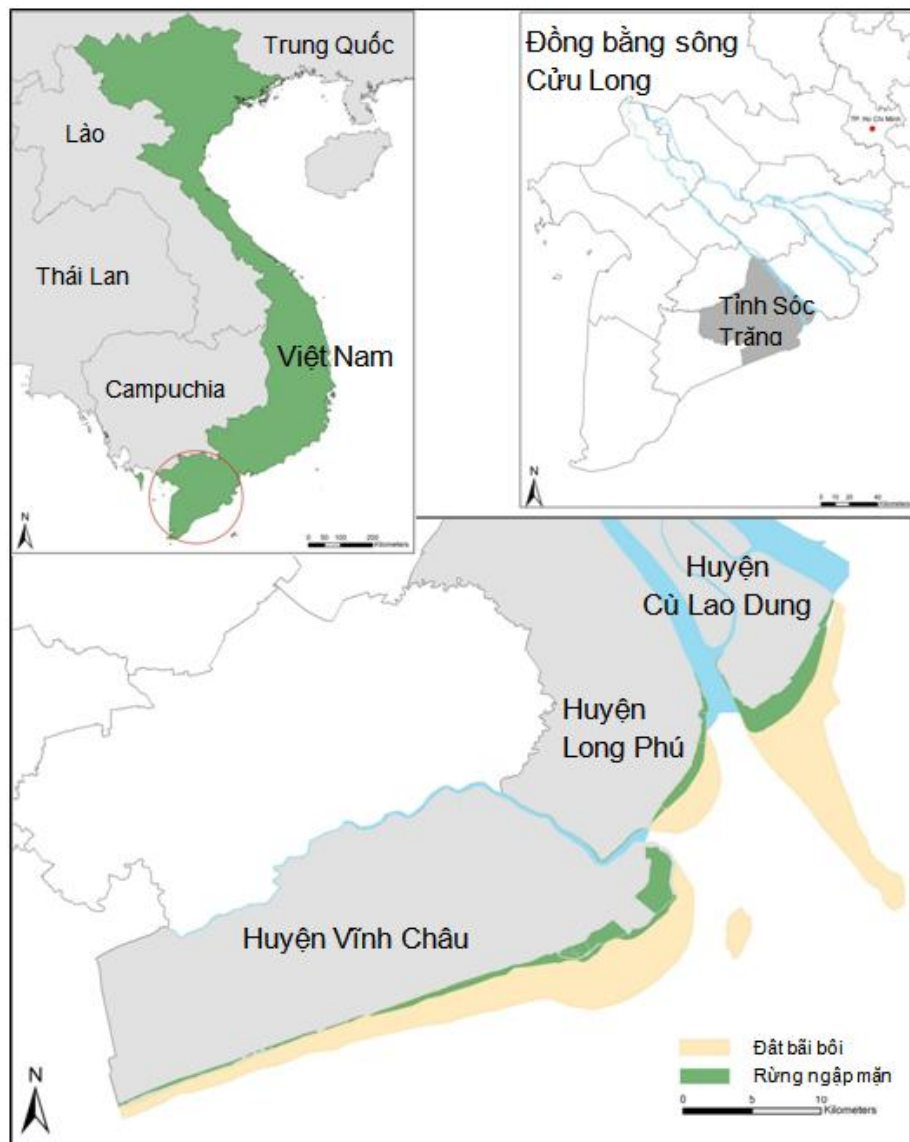
Chương này cung cấp thông tin cơ bản về tỉnh Sóc Trăng, vùng dự án GTZ, vị trí của ấp Âu Thọ B và các đặc điểm của ấp bao gồm số liệu thống kê dân số của ấp, mô tả tài nguyên thiên nhiên hiện có và thu nhập, đánh bắt được trong rừng ngập mặn, khu vực bãi bồi và bãi cát gần kề ấp và phác thảo các quy định chính hiện hành về sử dụng đất và tài nguyên áp dụng cho các khu vực này của Âu Thọ B.

1.1 Tỉnh Sóc Trăng

Tỉnh Sóc Trăng là một trong 13 tỉnh của khu vực Đồng bằng sông Mekong và nằm ở phía nam sông Hậu là nhánh cực nam của sông Mekong hình thành tại khu vực đồng bằng này. Trong tiếng Việt Đồng bằng sông Mekong được gọi là Đồng bằng sông Cửu Long nghĩa là chín con rồng. Tỉnh có tổng diện tích là 331.000 ha, trong đó 220.000 ha được sử dụng cho nông nghiệp, 12.000 ha cho lâm nghiệp và 44.000 ha cho nuôi trồng thủy sản. Tỉnh được chia thành 8 đơn vị hành chính gồm 7 huyện và một thị xã Sóc Trăng. Dân số của tỉnh là 1,2 triệu người trong đó 350.000 là người Khmer và hơn 80.000 là người Hoa (PMU CZM 2008a).

1.2 Vùng dự án ven biển

Vùng dự án bao gồm ba huyện ven biển của tỉnh Sóc Trăng là Vĩnh Châu, Long Phú và Cù Lao Dung. Tổng chiều dài đường bờ biển của ba huyện là 72 km. Tổng diện tích vùng dự án là 1.153 km² và gồm 12 xã (Joffre và Lưu 2007). Hình 1 thể hiện vị trí của vùng dự án. Đường bờ biển rất năng động và bao gồm một đai rừng ngập mặn hẹp dọc theo hầu như cùng chiều dài của bờ biển.



Hình 1: Vị trí và vùng dự án (Một phần Huyện Long Phú hiện nay đã trở thành một phần Huyện Trần Đề).

Một vài số liệu thống kê chính của ba huyện được thể hiện trong Bảng 1³. Dân số của vùng dự án khoảng 188.567 người gồm 38.149 hộ trong đó 32% được chính thức coi là nghèo⁴ (Joffre và Lưu 2007). Thành phần dân tộc cho ba huyện là 63% người Kinh⁵, 17% người Hoa và 20% người Khmer mặc dù tỷ lệ thay đổi đáng kể trong từng huyện. Ví dụ như tại huyện Vĩnh Châu người Khmer chiếm phần lớn dân số.

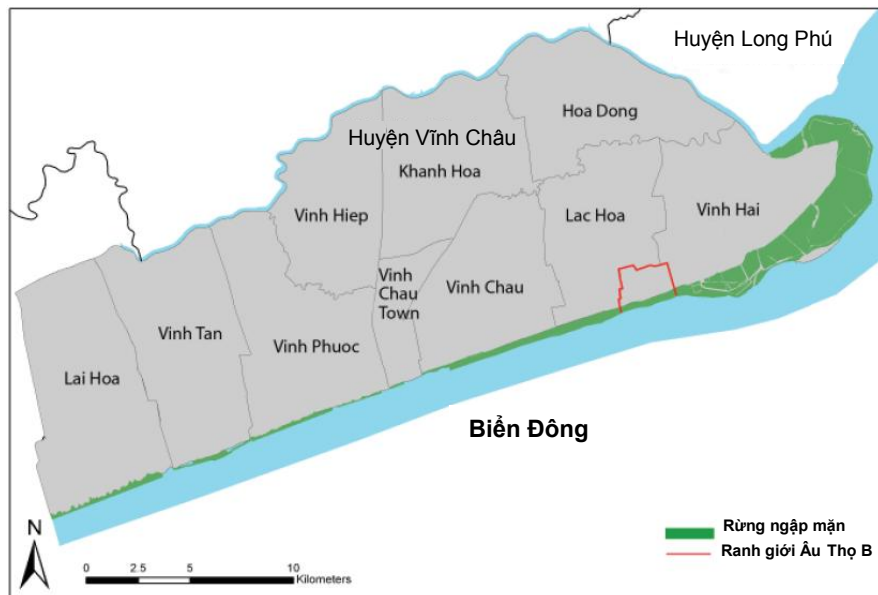
Bảng 1: Số liệu thống kê dân số chính của vùng dự án (2005).

Huyện Xã	Dân số	Hộ	Hộ nghèo (%)	Các nhóm dân tộc (% Hộ)		
				Kinh	Hoa	Khmer
Cù Lao Dung	63.928	13.526	27,3	94	0,1	6
An Thạnh Nam	6.577	1.513	34,5	77,4*	0,1*	22,4*
An Thạnh Ba	10.357	2.197	21,0	94,4*	0*	5,5*
Long Phú	186.125	39.233	26,7	64	33	3
Trung Bình	25.152	5.145	23,3	64	30	2
Lịch Hội Thượng	21.527	4.216	26,9	49	38	13
Vĩnh Châu	149.752	30.642	34,4	30	18	52
Vĩnh Hải	19.014	3.819	22,1	25,5	27,5	47
Vĩnh Châu	20.530	4.156	34,8	4	23	73
Thị trấn Vĩnh Châu	15.850	3.058	14,6	38	42	20
Vĩnh Phước	21.535	4.423	44,5	18	17	65
Vĩnh Tân	14.018	2.845	56,1	29,5	6,5	64
Lạc Hòa	14.091	2.747	37,1	17	30	53
Lai Hòa	19.916	4.030	38,3	20	12	69

* số liệu 2004 (nguồn: Joffre và Lưu 2007)

1.3 Vị trí và đặc điểm ấp Âu Thọ B

Ấp Âu Thọ B thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, phía đông giáp với ấp Âu Thọ A và phía tây giáp với xã Lạc Hòa (Hình 2). Ấp có quy mô dân số là 3.638 bao gồm 727 hộ và là ấp lớn nhất thứ hai của xã Vĩnh Hải (Eucker 2009). Tổng diện tích ấp Âu Thọ B là 439,28 ha (Sở TN-MT 2009), và chiều dài đường bờ biển là 2,76 km. Một con đê bảo vệ đất liền chạy song song với rừng ngập mặn dọc theo toàn bộ chiều dài đường bờ biển của ấp.



Hình 2: Vị trí ấp Âu Thọ B.

³ Chỉ các xã của mỗi huyện trong vùng dự án được bao gồm trong Bảng. Tổng số số liệu thống kê của huyện in đậm bao gồm con số từ các xã của huyện cả trong và ngoài vùng dự án.

⁴ Thu nhập ít hơn 150.000 đồng/người/tháng - tiêu chuẩn 2005 (Joffre và Lưu, 2007). Tỷ giá hối đoái trung bình trong tháng 04/2010 là 18.000 đồng/USD.

⁵ Người Kinh tạo thành phần lớn dân tộc Việt Nam và bao gồm khoảng 86% tổng dân số. Họ được gọi là người Kinh để phân biệt với các nhóm dân tộc khác tại Việt Nam.

Có 169 hộ sống trong khu vực giữa đê và rừng ngập mặn, trong đó 160 hộ là người Khmer và 9 hộ là người Hoa (PMU CZM 2008c).

Thành phần dân tộc của ấp là 1,2% người Kinh, 41% người Hoa và 57,8% người Khmer (PMU CZM 2008c). Tình trạng nghèo nàn thì phổ biến với 33% người nghèo. Tình trạng nghèo nàn tập trung nhiều hơn trong 169 hộ sinh sống phía trước đê trong đó có 120 hộ nghèo (Eucker 2009).

Ấp có 342 ha đất trồng trọt. Hành tím, ớt, gạo và khoai lang là các nông sản quan trọng nhất. 97 ha đất được sử dụng để nuôi tôm và tất cả các ruộng tôm thuộc về các chủ nhân địa phương. Không có hoạt động nuôi tôm tiến hành gần hay trong rừng ngập mặn ấp Âu Thọ B. Điều này là do đất nông nghiệp tốt gần rừng và nuôi tôm không phải là một hoạt động được đề nghị cho khu vực này (Sở NN&PTNT 2007). Nuôi tôm cũng bị cấm trong rừng ngập mặn (Chính phủ Việt Nam 1999).

Người dân cả ấp, nhưng đặc biệt là người nghèo và những người sống phía trước đê, đi vào rừng ngập mặn, ra bãi bồi và bãi cát để đánh bắt nguồn lợi thủy sinh như cá kèo con, ốc, cá, cua và nghêu cũng như thu nhặt củi từ rừng để nấu ăn. Đối với những người dân nghèo nhất, nguồn lợi thủy sinh từ các khu vực này là nguồn thu nhập chính. Khu rừng ngập mặn được người dân địa phương xem là ổn định. Tuy nhiên, có những dấu hiệu rõ ràng là các phương pháp khai thác không bền vững đã dẫn đến sự tàn phá rừng ngập mặn, đặc biệt là các khu vực mới trồng. Chặt gỗ rừng ngập mặn bị cấm, nhưng các trường hợp phá rừng trái phép được báo cáo (Eucker 2009).

1.4 Tài nguyên thiên nhiên ấp Âu Thọ B

Đường bờ biển Âu Thọ B gồm có khoảng 158,3 ha rừng ngập mặn với chiều rộng thay đổi từ 230 m đến 460 m (CCKL 2009), 280 ha đất bãi bồi và 610 ha đất bãi cát (Chi Cục KT&BV NLTS 2009). Rừng ngập mặn gồm chủ yếu là loài Mắm và Đước (*Avicennia* and *Rhizophora spp*) (Joffe và Lưu 2007), và các loài động vật biển bao gồm cá kèo, cua, ốc, rần, sò và cá thòi lòi. Các loài động vật biển được tìm thấy trên bãi bồi bao gồm sò, cua, cá kèo, tôm và cá, và nghêu và cá trên bãi cát phía ngoài bãi bồi.

1.5 Sử dụng tài nguyên thiên nhiên ấp Âu Thọ B

240 hộ ban đầu đã được xác định đang sử dụng và phụ thuộc vào tài nguyên rừng ngập mặn cũng như nguồn lợi bãi bồi và bãi cát liền kề⁶. Tất cả các hộ được xác định là người dân tộc Khmer với 50% hộ không có đất để trồng trọt và 40% hộ chỉ có đến 1.000 m² đất trồng trọt. Các hộ này do đó đặc biệt phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên trong vùng ven biển.

Các tài nguyên chính thu nhặt được trong các khu rừng ngập mặn bao gồm củi để nấu ăn, cua giống, cá kèo giống, ba khía và ốc leng. Các nguồn lợi đánh bắt được trên bãi bồi bao gồm cua giống, cá kèo giống, sò, tôm và cá. Nguồn lợi chủ yếu đánh bắt được trên bãi cát là nghêu và cá. Hình 3 cho thấy lịch mùa vụ đánh bắt các nguồn lợi này.

Tên địa phương	Tên tiếng Anh	T. 1	T. 2	T. 3	T. 4	T. 5	T. 6	T. 7	T. 8	T. 9	T. 10	T. 11	T. 12
Củi	Fuel Wood												
Nghêu cám	Juvenile Clam												
Nghêu thịt	Adult Clam												
Sò huyết cám	Juvenile Cockle												
Sò huyết	Adult Cockle												
Cua giống	Juvenile Crab												
Ba khía	Sesamid crab												
Tép	Various shrimp species												
Cá kèo giống	E. Goby fry												



Hình 3: Lịch mùa vụ đánh bắt sử dụng nguồn lợi (Joffe và Lưu 2007).

⁶ Trong các cuộc họp tham khảo lấy ý kiến lúc bắt đầu quy trình đồng quản lý trong tháng 11-12/2008, đã xác định được 240 hộ là người sử dụng tài nguyên (xem Chương 3). Vào cuối tháng 08/2009, số hộ đăng ký là thành viên NSDTN đã tăng đến 289 hộ.

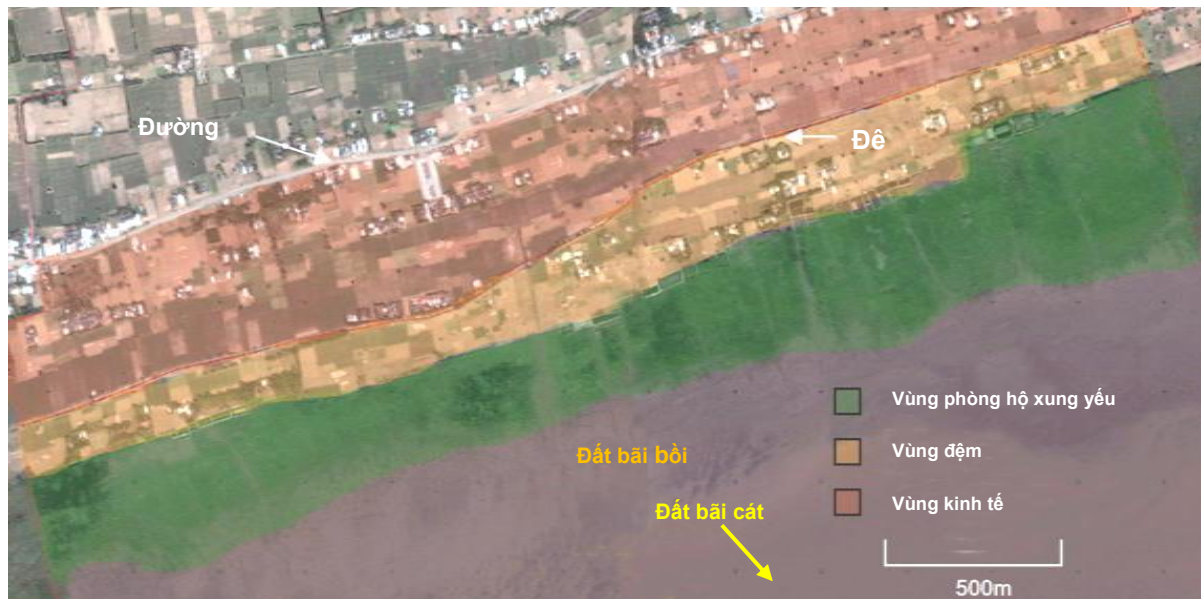
Minh họa các nguồn lợi này có thể thấy trên Hình 37.

Củ sử dụng như nhiên liệu được sử dụng chủ yếu cho mục đích sinh sống trong khi nguồn lợi thủy sinh, đặc biệt là cá kèo giống và cua giống hầu hết được bán trên thị trường thông qua các người trung gian (thương lái).

1.6 Âu Thọ B: các quy định hiện hành chính về sử dụng đất và tài nguyên

Quy định chính về sử dụng đất và tài nguyên trong rừng ngập mặn áp Âu Thọ B bắt nguồn từ Quyết Định của Thủ Tướng Chính Phủ số 116 về việc phê duyệt quy hoạch phân vùng khôi phục rừng ngập mặn thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Trà Vinh (Chính phủ Việt Nam 1999). Quy hoạch phân vùng bao gồm ba vùng: vùng phòng hộ xung yếu, vùng đệm và vùng kinh tế.

Tại Âu Thọ B vùng phòng hộ xung yếu là khu vực rừng ngập mặn hiện hữu, vùng đệm là khu vực giữa rừng và đê, và vùng kinh tế là khu vực giữa đê và đường (Hình 4).



Hình 4: Quy hoạch phân vùng của rừng ngập mặn Âu Thọ B theo Quyết Định 116 (chồng lấp trên ảnh vệ tinh QuickBird).

Các hoạt động thu nhặt tài nguyên được phép trong vùng phòng hộ xung yếu bao gồm: đánh bắt các sản phẩm biển nhỏ bao gồm ốc, cua nhỏ, cá thòi lòi và động vật có vỏ, đánh bắt sản phẩm biển trong khu vực đất bồi ở biển dưới sự kiểm soát của Chi Cục Kiểm Lâm và củi khô tùy thuộc vào giấy phép của Sở NN&PTNT/UBND Tỉnh. Các hoạt động bị nghiêm cấm bao gồm: chặt cây, thu nhặt thực vật sống, đánh bắt thủy sản thương mại với lưới và bẫy, săn bắn và bẫy trái phép động vật hoang dã (CWPDP 1999).

Trong vùng đệm 60% diện tích được dành để phát triển rừng ngập mặn và 40% dành cho phát triển thủy sản và nông nghiệp (Chính phủ Việt Nam 1999). Tại Âu Thọ B vùng đệm bao gồm đất nông nghiệp được sử dụng cao độ, hầu hết được đăng ký hợp pháp với các cá nhân tư nhân.

Vùng kinh tế cho phép các hoạt động kinh tế mà không có hạn chế về sử dụng đất (Joffre và Lưu 2007).

Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản quy định việc đánh bắt nguồn lợi thủy sinh trên bãi bồi và bãi cát phía ngoài rừng chủ yếu theo Luật Thủy sản 2003. Luật quy định loài thủy sinh nào có thể được đánh bắt khi nào, phương pháp đánh bắt nào bị cấm và nơi nào và khi nào việc đánh bắt các loài thủy sinh bị cấm. (Chính phủ Việt Nam 2003).

2. Khái niệm và nguyên tắc đồng quản lý

Có một số khái niệm và nguyên tắc đồng quản lý cần được áp dụng để đồng quản lý thành công và lợi ích từ đó do đồng quản lý có thể tạo ra là đáng kể. Đồng quản lý thành công tại áp Âu Thọ B sẽ dẫn đến việc tăng cường chức năng phòng hộ của rừng và cải thiện khả năng phục hồi của rừng khi bị tác động của biến đổi khí hậu và sinh kế của người sử dụng tài nguyên.

Chương này mô tả đồng quản lý, tầm quan trọng của đồng quản lý, quy trình đồng quản lý, và các nguyên tắc và lợi ích.

2.1 Đồng quản lý và tầm quan trọng của đồng quản lý

Đồng quản lý dựa trên nền tảng thương lượng, lấy quyết định chung, mức độ chia sẻ quyền hạn và phân phối công bằng lợi ích giữa tất cả các bên liên quan. Bảng 2 cho thấy các hình thức khác nhau về kiểm soát và chia sẻ quyền hạn trong đồng quản lý so với quản lý nhà nước và quản lý cộng đồng.

Bảng 2: Sơ đồ trình bày khái niệm đồng quản lý (Schmitt 2009)⁷.

Quản lý nhà nước	Đồng quản lý		Quản lý cộng đồng
Cơ quan chính quyền kiểm soát	Chia sẻ kiểm soát (cơ quan chính quyền và các bên liên quan)		Cộng đồng kiểm soát
	Thương lượng các thỏa thuận cụ thể	Chia sẻ thẩm quyền và trách nhiệm một cách chính thức	

Người sử dụng tài nguyên và chính quyền (và các bên liên quan) chia sẻ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý một khu vực hoặc một tập hợp tài nguyên thiên nhiên đã xác định. Người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương cùng nhau thương lượng một thỏa thuận chính thức về vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên trong quản lý.

Mục đích đồng quản lý là cung cấp lợi ích cho cộng đồng địa phương thông qua việc tiếp cận hợp pháp và được đảm bảo tài nguyên thiên nhiên trong rừng phòng hộ và đồng thời đảm bảo việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn.

Đồng quản lý đặc biệt quan trọng tại vùng ven biển Sóc Trăng bởi vì thỏa thuận có được giữa người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương tạo khả năng quản lý một cách bền vững các khu rừng ngập mặn và các nguồn thức ăn thủy sinh liên quan để đảm bảo các khu rừng ngập mặn tiếp tục bảo vệ các vùng đất ven biển khỏi xói lở và cung cấp thức ăn đặc biệt cho người nghèo.

2.2 Quy trình đồng quản lý và nguyên tắc

Trước khi bắt đầu quy trình đồng quản lý, một số cuộc khảo sát phải được tiến hành. Trong trường hợp của vùng ven biển Sóc Trăng, các cuộc khảo sát này bao gồm một phân tích các bên liên quan và các điều tra về sử dụng tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội (Joffre và Lưu 2007). Dựa trên các cuộc khảo sát này, áp Âu Thọ B được chọn làm thí điểm cho đồng quản lý (Schmitt 2009).

Quy trình đồng quản lý theo một quy trình bốn bước, trong đó bốn nguyên tắc phải được áp dụng.

- Bốn bước:
- Tham khảo ý kiến và tổ chức
 - thương lượng và thỏa thuận
 - thực hiện
 - giám sát và đánh giá

- Bốn nguyên tắc:
- quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM)
 - sự tham gia
 - phân khu
 - giám sát

2.2.1 Quy trình đồng quản lý

Hình 5 thể hiện quy trình đồng quản lý. Một biểu đồ chi tiết hơn được trình bày trong phụ lục 1. Thực hiện mỗi bước như thế nào được minh họa từ kinh nghiệm của áp Âu Thọ B trong chương 3 đến chương 6. Mỗi bước đòi hỏi cả hai bên người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương: hiểu

⁷ Phỏng theo Borrini-Feyerabend *et al.* 2004.

và chấp nhận quy trình đồng quản lý và thành lập các nhóm trong bước lấy ý kiến và tổ chức; thảo luận các vấn đề một cách công khai và thẳng thắn trong bước thương lượng với một ý muốn thỏa hiệp và thỏa thuận; tuân thủ thỏa thuận trong bước thực hiện; và đánh giá các kết quả giám sát để thích ứng và thay đổi cho phù hợp. Cần phải có đủ thời gian cho đồng quản lý được thành lập, đặc biệt trong hai bước đầu tiên.

2.2.2 Các nguyên tắc chính của quy trình đồng quản lý

Quy trình đồng quản lý cần kết hợp bốn nguyên tắc chính vào việc áp dụng quy trình để tối đa hoá tiềm năng thành công (Schmitt 2009).

Quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM)

Quản lý tổng hợp vùng ven biển, tương phản với cách tiếp cận quản lý theo ngành truyền thống, là một cách tiếp cận tổng thể, liên ngành, đa lĩnh vực qua đó các khu vực đất và biển của vùng ven biển được quản lý như một đơn vị hợp nhất (Schmitt 2009).

Để thực hiện được việc bảo vệ và quản lý hiệu quả đai rừng ngập mặn cũng như tạo thu nhập cho cộng đồng địa phương, dự án sẽ áp dụng Phương pháp tiếp cận Hệ sinh thái, một chiến lược quản lý tổng hợp đất, nước và tài nguyên sinh vật để thúc đẩy bảo tồn và sử dụng bền vững một cách công bằng (Shepherd 2004). Phối hợp và hợp tác của chính quyền địa phương từ cấp tỉnh qua huyện đến xã và áp và sự tham gia của tất cả các bên liên quan bị ảnh hưởng là một điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công Phương pháp tiếp cận Hệ sinh thái trong quản lý vùng ven biển.

Như vậy, đồng quản lý tài nguyên phải được xem xét từ góc độ cảnh quan/hệ sinh thái và không phải là một quan điểm thuần túy về tính thích hợp với từng địa điểm cụ thể. Đồng quản lý cần xem xét việc sử dụng hay kiểm soát đất/tài nguyên khác hiện có trong vùng lân cận của chính địa điểm và sự tương tác của chúng với đồng quản lý. Đồng quản lý cũng phải là một phần của chiến lược quản lý tổng hợp vùng ven biển xem vùng ven biển như một tổng thể và xem xét các phương án quản lý khác nhau tùy thuộc vào điều kiện địa điểm cụ thể. Ví dụ như một giải pháp quản lý duy nhất sẽ không thích hợp cho toàn thể vùng ven biển Tỉnh Sóc Trăng (Schmitt 2009).

Một ví dụ cho việc xem xét việc sử dụng đất/tài nguyên trong vùng lân cận của địa điểm đồng quản lý là việc nuôi nghêu thương phẩm trên bãi cát cạnh rừng ngập mặn. Ở đây điều chủ yếu là xem xét cách người dân đi ra bãi cát qua rừng ngập mặn và cách các cấp chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về bãi cát tham gia vào quá trình đồng quản lý và lập kế hoạch làm đường ra bãi cát như thế nào.

Ngoài ra, cần thực hiện chia sẻ lợi ích như một phần của cách tiếp cận tổng hợp vùng ven biển (ICAM) trong bối cảnh như thế (xem chương 2.3).

Sự tham gia

Quy trình đồng quản lý phải được thực hiện có sự tham gia với tất cả các bên liên quan được tham gia một cách liên tục. Việc loại trừ bất kỳ các bên liên quan nào sẽ làm suy yếu đáng kể bất kỳ thỏa thuận sử dụng tài nguyên nào có được. Cố gắng xây dựng và thực hiện một thỏa thuận tài nguyên cho rừng ngập mặn mà không có sự tham gia ví dụ như hoặc của một nhóm người sử dụng tài nguyên hoặc của chính quyền địa phương chủ chốt có nguy cơ làm thỏa thuận không hiệu quả bởi vì bên bị loại trừ chắc sẽ không chú ý nhiều đến thỏa thuận.

Phân khu

Đồng quản lý, tương phản với hợp đồng dựa trên hộ gia đình, bao gồm các vùng đất khá rộng có thể chia được thành các khu (khu vực) trong đó các chế độ quản lý khác nhau được áp dụng. Điều này làm tăng tính hiệu quả của quản lý và bảo vệ.

Một vài khu vực có thể được dành để bảo vệ để thúc đẩy tái sinh tự nhiên. Việc tái sinh các loài thủy sinh sẽ góp phần gia tăng loài đối với việc đánh bắt bền vững trong các khu khác của khu vực đồng quản lý. Hơn nữa, bảo vệ rừng ngập mặn trong các khu cụ thể sẽ góp phần bảo vệ bờ biển tốt hơn khỏi các tác động tiêu cực của các cơn bão, lũ lụt và xói lở.

Các khu phải được các người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương xác định trong bước thương lượng của quy trình đồng quản lý. Các bên liên quan phải bảo đảm họ phác họa các khu vực nơi có các tài nguyên nào đó đang cần một vài mức độ bảo vệ, khôi phục hay có thể được sử dụng bền vững.

Các quy định cụ thể được gắn liền với mỗi một khu về việc ai có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và bao nhiêu, để đảm bảo đạt được mục đích chính của khu và tạo điều kiện cho việc bảo vệ, khôi phục được hiệu quả và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên.

Việc phân khu không phải là một khái niệm tĩnh. Giám sát tính bền vững của việc sử dụng tài nguyên do người dân địa phương thực hiện và giám sát tình trạng các khu rừng ngập mặn do Chi Cục Kiểm Lâm (CCKL) đảm nhiệm sẽ cung cấp thông tin quan trọng về các thay đổi có thể trong việc phân khu qua thời gian. Danh sách dưới đây cho một ví dụ về những việc được phép và những việc cấm trong khu phục hồi (bên ngoài rừng) tại ấp Âu Thọ B.

Được phép:

- Chỉ thành viên của nhóm mới được vào đánh bắt
- Bắt cua con, cá kèo con và sò huyết lúc thủy triều thấp và nổi rõ mặt bùn
- Chỉ được đánh bắt bằng tay hoặc với vợt (đường kính nhỏ hơn 50 cm)
- Sử dụng móc dài để bắt cua
- Sử dụng chum tre để bắt cá thòi lòi

Cấm:

- Người ngoài nhóm vào
- Đi vào rừng khi mặt bùn chưa lộ rõ
- Làm tổn hại cây con
- Sử dụng hóa chất và các dụng cụ đánh bắt bằng điện
- Sử dụng vợt lưới đường kính lớn hơn 50 cm
- Sử dụng lưới đăng

Giám sát

Giám sát là một nguyên tắc chính của quy trình đồng quản lý. Đồng thời giám sát là một phần của 4 bước của quy trình đồng quản lý.

Để đảm bảo tính bền vững của bất kỳ chương trình giám sát nào, điều chủ yếu là các dữ liệu giám sát được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu dễ tiếp cận và có sẵn các giao thức rõ ràng cho việc thu thập dữ liệu và các công cụ phân tích dữ liệu để sử dụng. Ngoài ra, các kết quả giám sát phải được báo cáo thường xuyên cho tất cả các bên liên quan và được sử dụng trong việc lấy quyết định cho quản lý thích ứng (Schmitt 2009).

Tóm tắt 4 bước và 4 nguyên tắc cho đồng quản lý

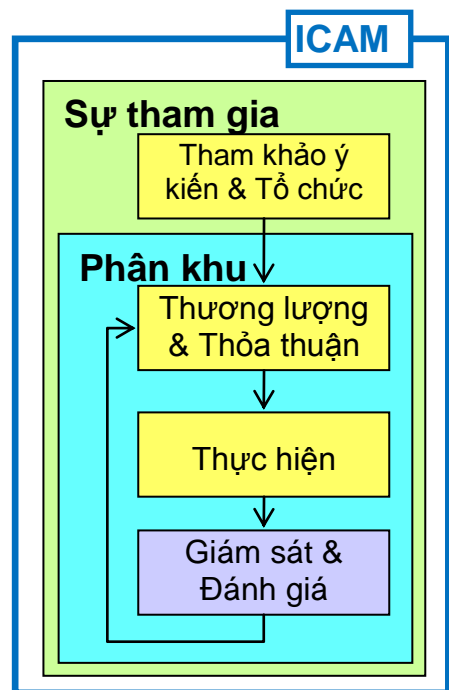
Hình 5 trình bày tổng quan 4 bước của quy trình đồng quản lý và 4 nguyên tắc chính phải được áp dụng trong khi thực hiện quy trình. Tất cả mọi việc phải xảy ra trong khuôn khổ cách tiếp cận quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM) và bất cứ việc gì được tiến hành phải tiến hành theo cách có sự tham gia (Sự tham gia).

Bước 1: lấy ý kiến (bao gồm các cuộc khảo sát, thông tin về quy trình, có được sự chấp nhận cho đồng quản lý, xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức) và tổ chức. Bước này sẽ kết thúc với việc thành lập chính thức nhóm người sử dụng tài nguyên theo nghị định 151⁸.

Bước 2: một loạt các cuộc họp thương lượng sẽ kết thúc với một thỏa thuận chính thức giữa chính quyền địa phương và người sử dụng tài nguyên. Thỏa thuận xác định ai có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và bao nhiêu, và phải áp dụng các nguyên tắc chính yếu phân khu (vùng) và giám sát.

Bước 3: thực hiện thỏa thuận.

Bước 4: giám sát và đánh giá đòi hỏi phải có đường vòng phản hồi thông tin để thương lượng lại (quản lý thích ứng) và phải được áp dụng xuyên suốt quy trình đồng quản lý.



Hình 5: Tổng quan về 4 bước của quy trình đồng quản lý và 4 nguyên tắc chính (Schmitt 2009).

⁸ Nghị Định về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác (Chính phủ Việt Nam năm 2007).

2.2.3 Lợi ích của đồng quản lý rừng ngập mặn

Những lợi ích chính của đồng quản lý rừng ngập mặn là:

- Bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn
- Cải thiện sinh kế qua việc đảm bảo sử dụng bền vững tài nguyên
- Người sử dụng tài nguyên được tham gia quyết định việc quản lý tài nguyên
- Giảm khối lượng công việc cho chính quyền
- Chia sẻ lợi ích như một phần của cách tiếp cận Quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM)

Bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn

Thông qua các quy định đồng quản lý được thống nhất chung, người sử dụng tài nguyên được cho quyền người sử dụng được thống nhất rõ ràng và đảm bảo để sử dụng bền vững tài nguyên và trách nhiệm quản lý bền vững tài nguyên và bảo vệ các khu rừng ngập mặn. Điều này làm tăng ý thức làm chủ tài nguyên của người sử dụng tài nguyên và dẫn đến việc bảo vệ tài nguyên được cải thiện và hiệu quả hơn.

Trong đồng quản lý, người sử dụng tài nguyên quản lý một khu vực đủ rộng để cho phép thực hiện một chiến lược quản lý hiệu quả sử dụng việc phân khu để áp dụng các chế độ quản lý tài nguyên khác nhau trong các khu vực khác nhau. Các điều lệ cụ thể được gắn liền với mỗi một khu về việc ai có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và sử dụng bao nhiêu để tạo điều kiện cho việc bảo vệ, khôi phục hiệu quả và sử dụng bền vững tài nguyên.

Việc sử dụng chương trình giám sát có hệ thống góp phần thêm vào việc quản lý và bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn miễn là kết quả giám sát này được sử dụng cho việc lấy quyết định cho quản lý thích ứng.

Quyền, trách nhiệm, ý thức làm chủ, phân khu và giám sát là các yếu tố chính của đồng quản lý sẽ đảm bảo việc quản lý và bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn (Schmitt 2009).

Một ví dụ ngắn gọn về cách đồng quản lý được sử dụng trong bảo vệ trồng rừng ngập mặn như sau:

Bước đầu tiên là xác định các khu vực mà việc khôi phục rừng ngập mặn đã không được thành công do người dân vô tình làm tổn hại cây con rừng ngập mặn khi đánh bắt nguồn lợi, đặc biệt dùng lưới kéo khi bắt cua và động vật có vỏ khác và lưới dăng để bắt cá kèo con. Sau đó xây dựng các quy định cho khu vực hay khu này để đảm bảo cây con được bảo vệ và được tạo điều kiện tăng trưởng mà không bị xáo trộn trong một thời gian thông qua một số hạn chế bao gồm giới hạn ai có thể vào khu, khi nào có thể vào và các loại dụng cụ đánh bắt nào có thể được sử dụng.

Một khi các cây con đã lớn đủ để khỏi bị các hoạt động đánh bắt đe dọa, lúc đó khu có thể được phân khu lại có thể là khu sử dụng bền vững trong đó các quy định sử dụng tài nguyên ít bị hạn chế hơn. Việc giám sát phát triển cây con và tăng trưởng rừng sẽ cho thấy khi nào đạt được mục tiêu phục hồi khu vực rừng.

Cải thiện sinh kế qua việc đảm bảo sử dụng bền vững tài nguyên

Việc bảo vệ hiệu quả hơn các khu rừng ngập mặn và việc loại trừ sử dụng tài nguyên trong khu phòng hộ dẫn đến việc gia tăng cả tài nguyên gỗ (củi) và nguồn lợi thủy sinh⁹. Điều này đảm bảo sự sẵn có lâu dài của tài nguyên thiên nhiên nếu được kết hợp với việc sử dụng bền vững tài nguyên theo thỏa thuận đã thương lượng.

Bên cạnh sự gia tăng tài nguyên cho thu hoạch, đó là một lợi ích rõ ràng và hữu hình của đồng quản lý, việc giới hạn tiếp cận hợp pháp chỉ dành cho các thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên góp phần thêm vào việc giảm khai thác quá mức nếu được kết hợp với việc các người sử dụng tài nguyên tăng ý thức làm chủ và giám sát (Schmitt 2009).

Người sử dụng tài nguyên được tham gia quyết định việc quản lý tài nguyên

Đồng quản lý tạo điều kiện cho người sử dụng tài nguyên được trực tiếp tham gia ra quyết định qua thương lượng và thỏa thuận với chính quyền địa phương. Người sử dụng tài nguyên có thể

⁹ Ví dụ như, 1 ha rừng ngập mặn bị tàn phá tương đương với việc mất hơn 1 tấn cá thu hoạch mỗi năm (nguồn: áp phích của Hợp tác Phát triển GTZ-Phi Luật Tân).

bày tỏ quan điểm của họ về cách nên quản lý tài nguyên mà họ sử dụng như thế nào và có thể thương lượng nội dung của thỏa thuận sử dụng tài nguyên. Việc lấy quyết định quản lý phải được dựa trên các kết quả giám sát (Schmitt 2009).

Giảm khối lượng công việc cho chính quyền

Cần đến ít hơn nguồn nhân lực và tài chính của chính quyền để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên khi việc quản lý và kiểm soát tài nguyên ngày càng do người sử dụng tài nguyên đảm nhận nhiều hơn thông qua mối quan tâm của họ về tài nguyên. Mối quan tâm này phát triển khi các cá nhân trở nên quan tâm đến không chỉ với mảnh đất của chính họ mà còn đến nguồn tài nguyên chung quanh họ với ý thức làm chủ và trách nhiệm lớn hơn, do đó cải thiện việc quản lý và bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên.

Cũng có ít hơn nhu cầu giải quyết mâu thuẫn khi các quy định sử dụng tài nguyên rõ ràng bao gồm việc giám sát toàn diện sử dụng tài nguyên đã được người sử dụng tài nguyên và chính quyền cùng đồng ý.

Chia sẻ lợi ích

Mục đích của đồng quản lý rừng ngập mặn là đảm bảo việc sử dụng bền vững tài nguyên vì lợi ích của dân cư địa phương với việc bảo vệ hiệu quả các khu rừng ngập mặn. Người sử dụng tài nguyên quản lý các khu rừng ngập mặn làm việc này chủ yếu với mục đích bảo vệ thông qua việc sử dụng bền vững tài nguyên gỗ (củi) cho sinh hoạt và nguồn lợi thủy sinh cho thương mại và sinh hoạt.

Người sử dụng tài nguyên do đó có các sự lựa chọn bị hạn chế để có được lợi ích tài chính từ đồng quản lý rừng ngập mặn. Cùng lúc các người khác hưởng lợi từ dịch vụ hệ sinh thái do rừng ngập mặn được quản lý và bảo vệ có hiệu quả cung cấp. Điều này bao gồm việc bảo vệ cho mọi người sống trong vùng ven biển khỏi bị bão, lũ lụt và xói lở cũng như cung cấp thức ăn, nơi trú ẩn và bãi đẻ cho các loài thủy sinh (Schmitt 2009).

Dự án do đó đang thí điểm một kế hoạch tổ chức chia sẻ lợi ích cho việc tạo nguồn tài chính bền vững cho việc bảo vệ rừng ngập mặn thông qua đồng quản lý sử dụng lợi ích từ hợp tác xã nghề trên bãi cát ở phía trước các khu rừng ngập mặn

Làm theo các nguyên tắc của quản lý tổng hợp vùng ven biển (ICAM) đòi hỏi xem xét các khu rừng ngập mặn (và từ đó đồng quản lý) và các bãi cát và quản lý nghề cùng với nhau. Cả hai là một phần của vùng ven biển và lợi ích phi tiền tệ (có nghĩa là các dịch vụ hệ sinh thái) chảy từ các khu rừng ngập mặn được quản lý và bảo vệ tốt đến những người sử dụng bãi cát một cách thương mại để nuôi nghêu. Để đổi lại, lợi ích tài chính phải chảy từ việc nuôi nghêu thương phẩm đến những người quản lý rừng ngập mặn là những người, qua bảo vệ rừng ngập mặn, hạn chế các lựa chọn của họ đối với việc thu được lợi ích tài chính trực tiếp từ rừng (Schmitt 2009).

Một tỷ lệ phần trăm của những lợi ích từ hợp tác xã nghề sẽ được dùng để trả cho chi phí hoạt động của đồng quản lý rừng ngập mặn. Điều này có thể được coi như là chi trả của địa phương, của khu vực tư nhân cho các dịch vụ môi trường. Sự tham gia của khu vực tư nhân sẽ không chỉ giảm gánh nặng cho ngân sách các huyện (ví dụ như chi trả các hợp đồng bảo vệ rừng), mà còn góp phần vào sự bền vững của việc chi trả (Trang tin điện tử GTZCZM 2010).

Mục tiêu chính của đồng quản lý rừng ngập mặn tại Sóc Trăng, nơi chỉ có một đai rừng ngập mặn hẹp dọc theo một đường bờ biển hết sức năng động, là duy trì chức năng phòng hộ của rừng ngập mặn trong khi cùng lúc cho phép sử dụng bền vững nguồn tài nguyên. Bởi vì các thành viên nhóm đồng quản lý rừng ngập mặn không thể hưởng lợi từ việc thu hoạch gỗ, do đó điều quan trọng là họ tất cả có thể trở thành xã viên hợp tác xã nghề để cũng có thể thu được lợi ích tài chính trực tiếp (Trang tin điện tử GTZCZM 2010).

Để có được tất cả lợi ích chính của đồng quản lý, việc cộng tác, hợp tác và phối hợp liên tục giữa tất cả các bên liên quan trong quá trình đồng quản lý là cần thiết. Các người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương các cấp phải làm việc cùng với nhau và tôn trọng triệt để quy trình đồng quản lý, đặc biệt là các quy định đã được thống nhất trong quá trình thương lượng, để cho toàn bộ quy trình thành công.

3. Tham khảo ý kiến và tổ chức các bên liên quan

Đồng quản lý là một khái niệm mới cho tỉnh Sóc Trăng do đó cần phải tham khảo ý kiến để xây dựng cho tất cả các bên liên quan sự hiểu biết tổng quát và chấp nhận các khái niệm, nguyên tắc và quy trình đồng quản lý đã là bước đầu tiên có tính quyết định. Bắt đầu với việc tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương bởi vì việc họ chấp nhận các khái niệm và quy trình là một điều kiện tiên quyết trước khi có thể tiến hành có hiệu quả công việc với cộng đồng. Đồng quản lý phải có sự hỗ trợ liên tục của cả chính quyền địa phương và cộng đồng để thành công. Tham khảo ý kiến và điều tra cũng đã được thực hiện với cộng đồng ấp Âu Thọ B để thúc đẩy đồng quản lý và đạt được sự hiểu biết tốt hơn về sử dụng đất và tài nguyên của ấp. Điều này đảm bảo việc áp dụng nguyên tắc chính của đồng quản lý: sự tham gia. Thông qua tham khảo ý kiến các người sử dụng tài nguyên Âu Thọ B tự tổ chức họ thành một nhóm chính thức để đặt họ vào vị trí thương lượng một thỏa thuận sử dụng tài nguyên với chính quyền địa phương. Cũng cần một trình độ tổ chức giữa các cơ quan chính quyền địa phương để đến được giai đoạn thương lượng.

Chương này mô tả quá trình tham khảo ý kiến và tổ chức cả chính quyền địa phương và các người sử dụng tài nguyên Âu Thọ B bao gồm các cuộc họp, tham quan học tập, hội thảo và huấn luyện.

3.1 Tham khảo ý kiến và tổ chức chính quyền địa phương

Có hai giai đoạn đối với việc tham khảo ý kiến và tổ chức chính quyền địa phương. Giai đoạn đầu tiên là có được sự hiểu biết tổng quát và chấp nhận quy trình đồng quản lý và giai đoạn thứ hai là thực hiện chính quy trình. Việc hiểu biết chung và chấp nhận quy trình của chính quyền địa phương hữu quan các cấp là cần thiết như bước tham khảo ban đầu để cho mọi người được rõ là cách tiếp cận đã được chính quyền, đặc biệt là UBND Tỉnh, chấp nhận.

3.1.1 Có được sự hiểu biết và chấp nhận

Dự án Quản lý Nguồn tài nguyên Thiên nhiên Vùng Ven biển Tỉnh Sóc Trăng đã sử dụng cấu trúc liên ngành liên quan đến dự án để hỗ trợ có hiệu suất và hiệu quả chính quyền địa phương có được sự hiểu biết và chấp nhận đồng quản lý thông qua các hội thảo, tham quan học tập, các cuộc họp và huấn luyện. Điều này đã cung cấp một môi trường cần thiết cho chính quyền địa phương chấp nhận và hỗ trợ việc thí điểm đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B.

Để đồng quản lý thành công, điều chủ yếu là có sự hỗ trợ chính trị đầy đủ của tất cả các cấp (tỉnh qua huyện đến xã) và có sự thỏa thuận của tất cả các bên liên quan

Hội thảo, tham quan học tập, hội họp và huấn luyện

Vào tháng 04/2007, không lâu sau khi dự án bắt đầu, Ban Quản lý Dự án (Ban QLDA) xây dựng Kế hoạch Hoạt động Hằng năm của dự án cho năm 2007 tại một hội thảo với chính quyền địa phương. Trong hội thảo này, đã thấy rõ là các sáng kiến xây dựng năng lực để xây dựng hiểu biết về đồng quản lý như các hội thảo, tham quan học tập, hội họp và huấn luyện là cần thiết và các hoạt động này đã được đưa vào Kế hoạch Hoạt động Hằng năm.

Vào tháng 06/2007 một hội thảo để giới thiệu khái niệm đồng quản lý được tổ chức như một sáng kiến xây dựng năng lực đầu tiên. Hội thảo đã có sự tham gia của các bên liên quan hữu quan từ tất cả các cấp chính quyền. Hội thảo phác thảo các khái niệm về đồng quản lý cũng như sự khác nhau giữa các khái niệm và thực tiễn quản lý rừng hiện hành trong nước và các vấn đề trong thực tiễn. Hội thảo cũng đã kiến nghị một giải pháp hữu hiệu đối với các vấn đề hiện tại thông qua khuôn khổ đồng quản lý (Primmer 2007).

Những vấn đề được xác định liên quan đến hợp đồng được giao cho các tổ chức, cộng đồng và cá nhân nhằm mục đích bảo vệ và khôi phục rừng. Những vấn đề chính là: 1) có ít sự khuyến khích cho quản lý rừng tốt khi tất cả quyền ra quyết định và quyền sở hữu đất và tài nguyên nằm trong tay Chính phủ và hoàn toàn phụ thuộc vào việc thực thi còn yếu của Chính phủ; 2) năng lực quản lý tài nguyên rừng bị giới hạn khi Chính phủ có nguồn lực giới hạn để xây dựng năng lực quản lý cho tất cả các chủ rừng; 3) người dân địa phương thường được hỗ trợ với nguồn lực không đáng kể để phát triển các khu vực có rừng; và 4) ngay cả khi các khu rừng này được khôi phục và có thể cung cấp các tài nguyên cần thiết cho người dân địa phương, việc này thường đòi hỏi một khoảng thời gian từ 10 – 15 năm trước khi các khu rừng có thể làm được như vậy và do đó trong giai đoạn chuyển tiếp, họ tiếp tục thu hoạch các nguồn lợi từ các khu rừng phòng hộ (Primmer 2007).

Vào tháng 10/2007, một chuyến tham quan học tập được tổ chức cho 12 đại diện chính quyền tỉnh và huyện đến thăm khu vực ngập mặn tại Campuchia, nơi đồng quản lý đang được thực hiện. Các đại biểu biết được giá trị tài nguyên rừng ngập mặn, các xu hướng và các vấn đề của rừng ngập

mặn tại Campuchia, sự tham gia quản lý rừng ngập mặn và bài học kinh nghiệm (Ban QLDA CZM 2008).

Khái niệm đồng quản lý cũng đã được giải thích trong một số hội thảo và các cuộc họp khác với các bên liên quan của chính quyền để thảo luận các vấn đề liên quan. Đặc biệt quan trọng là các cuộc họp bao gồm thành viên Ban Điều hành Dự án (Ban ĐHDA). Sự hiểu biết và chấp nhận đồng quản lý của các thành viên Ban ĐHDA là cần thiết để có được sự chấp nhận ban đầu khái niệm của các sở ngành cấp tỉnh và phòng ban cấp huyện và xã.

3.1.2 Bắt đầu thực hiện quy trình đồng quản lý

Thành lập nhóm khởi động

Một khi chính quyền địa phương đã chấp nhận và hỗ trợ một thử nghiệm thí điểm đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B (và cộng đồng địa phương cũng thế, xem chương 3.2), một nhóm khởi động chính thức được bổ nhiệm vào tháng 11/2008 ở cấp huyện bao gồm đại diện chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện và xã và cũng có một vài đại diện cộng đồng địa phương. Vai trò của nhóm khởi động là hỗ trợ việc thực hiện bước tham khảo ý kiến và tổ chức đặc biệt với cộng đồng địa phương ấp Âu Thọ B.

Vai trò và trách nhiệm chính của nhóm khởi động

1. Thu thập thông tin về các vấn đề sinh thái và xã hội
2. Xác định khu vực quản lý tài nguyên thiên nhiên
3. Xác định các bên liên quan tham gia đồng quản lý
4. Cung cấp thông tin về đồng quản lý để có được sự hiểu biết và cam kết của các bên liên quan
5. Hỗ trợ các bên liên quan tự tổ chức họ để thương lượng quyền sử dụng tài nguyên

Xin lưu ý: Nhóm khởi động chỉ cần thiết cho bước tham khảo ý kiến và tổ chức và gồm có tối đa năm thành viên.

(Phỏng theo Borrini-Feyerabend 2000)

Các cuộc họp với chính quyền địa phương

Một số cuộc họp do thành viên nhóm khởi động cấp huyện tổ chức để đảm bảo chính quyền hữu quan được thông báo về các hoạt động đồng quản lý đang thực hiện với cộng đồng địa phương tại Ấu Thọ B. Các cuộc họp cũng hỗ trợ việc tổ chức chính quyền địa phương. Là một phần của bước tổ chức, các đại diện khác của chính quyền địa phương, những người sẽ tham gia vào quá trình đồng quản lý do chính quyền chỉ định. Nhóm khởi động nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có càng nhiều cùng một số người tham gia trong suốt quá trình càng tốt; có những người tham dự các cuộc họp khác nhau phá vỡ tính liên tục và sự hiểu biết về công việc.

Chuẩn bị cho thương lượng

Tiếp theo việc tổ chức chính quyền địa phương, một cuộc họp được tổ chức để xem lại công việc được thực hiện cho đến hiện nay và cũng để làm cho chính quyền quen với bước tiếp theo của quy trình đồng quản lý: thương lượng, trước khi hợp chính thức với các người sử dụng tài nguyên. Khái niệm thương lượng được phác thảo có nhấn mạnh đến thương lượng là gì, tại sao nó lại quan trọng, điều gì làm cho thương lượng thành công và thủ tục cần được làm theo. Những vấn đề chính của chính quyền địa phương đối với việc quản lý rừng ngập mặn và các nguồn tài nguyên khác cũng được xác định và xếp loại thông qua thảo luận. Những vấn đề này sau đó sẽ được thảo luận trong bước tiếp theo của của quy trình đồng quản lý.

Những vấn đề chính về quản lý tài nguyên do chính quyền địa phương xác định

Các vấn đề chính mà chính quyền địa phương phải đối mặt trong việc quản lý tài nguyên rừng ngập mặn và bãi bồi được xác định như sau:

- Không đủ tài nguyên cho tất cả người sử dụng
- Không đủ nhân viên để tuần tra rừng ngập mặn
- Khó kiểm soát việc sử dụng tài nguyên
- Đánh bắt quá nhiều nghêu con

3.2 Tham khảo ý kiến và tổ chức cộng đồng địa phương

Có hai giai đoạn cho việc tham khảo ý kiến và tổ chức cộng đồng địa phương. Giai đoạn đầu tiên là có được sự hiểu biết tổng quát và chấp nhận quy trình đồng quản lý và giai đoạn thứ hai là để cho các người sử dụng tài nguyên trong cộng đồng thành lập một nhóm người sử dụng tài nguyên chính thức để có thể thương lượng một thỏa thuận người sử dụng tài nguyên với chính quyền địa phương.

3.2.1 Có được sự hiểu biết và chấp nhận

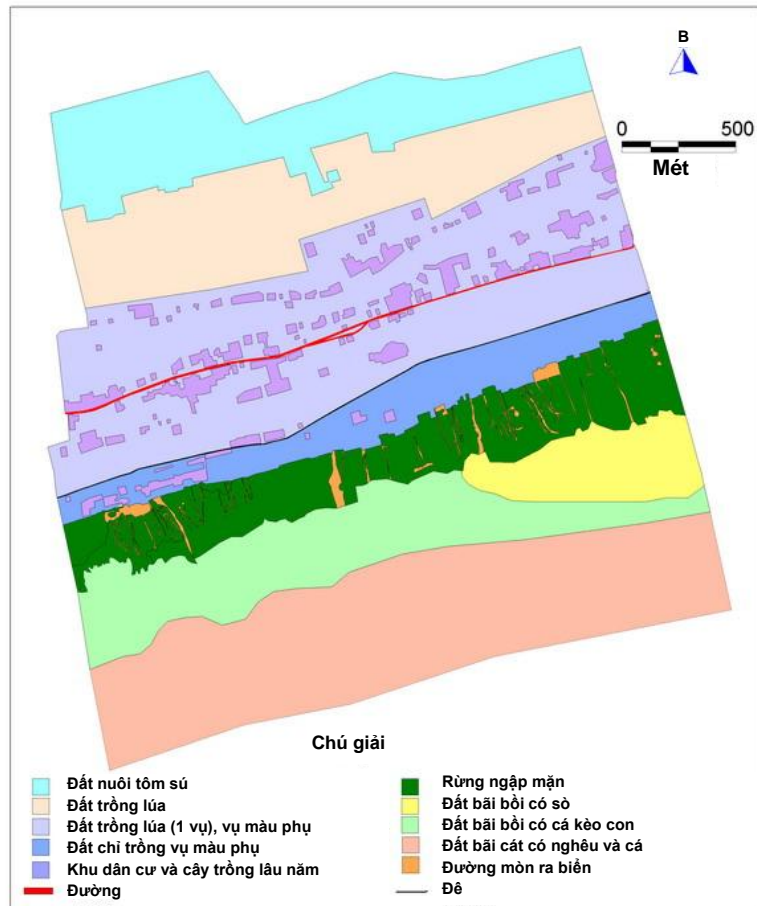
Tham khảo ý kiến ban đầu

Trong khoảng cuối năm 2007 và đầu năm 2008, CCKL đã tham khảo ý kiến cộng đồng Âu Thọ B về việc thực hiện đồng quản lý trong ấp. Một áp phích thông tin về quy trình đồng quản lý được xây dựng và các cuộc họp nâng cao nhận thức được tổ chức bao gồm việc thu thập dữ liệu sử dụng đất và sử dụng tài nguyên thiên nhiên thông qua thực hành vẽ bản đồ sử dụng đất có sự tham gia.

Áp phích nâng cao nhận thức cung cấp thông tin về đồng quản lý đặc biệt nhấn mạnh việc chia sẻ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý tài nguyên thiên nhiên và được sử dụng trong các cuộc họp tham khảo ý kiến ban đầu tại ấp Âu Thọ B.

Các cuộc họp tham khảo ý kiến ban đầu khuyến khích cộng đồng địa phương đồng ý thí điểm đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B.

Việc thực hành vẽ bản đồ sử dụng đất được tiến hành trong một ngày hội thảo với một số nông dân của ấp Âu Thọ B cũng như một vài đại diện chính quyền địa phương tham dự với vai trò quan sát viên/học viên (Đặng 2008). Các loại hình sử dụng đất do các người tham dự hội thảo xác định bao gồm bãi bồi, đất sinh, rừng phòng hộ, trại tôm, lúa và hoa màu khác, cụm dân cư và chùa miếu. Sau đó các người sử dụng tài nguyên xác định cơ sở hạ tầng và vẽ trên ảnh vệ tinh tỷ lệ lớn cùng với các loại hình sử dụng đất đã được xác định. Bản đồ vẽ theo sự xác định của những người tham dự hội thảo cho thấy các loại hình sử dụng đất tại ấp Âu Thọ B (Hình 6).



Hình 6: Xây dựng bản đồ sử dụng đất Âu Thọ B từ hội thảo thực hành vẽ bản đồ.

Thành lập khu vực các tổ

Cuối năm 2008, tiếp theo các cuộc họp tham khảo ý kiến cộng đồng ban đầu, nhóm khởi động quyết định để có được các cuộc họp tham khảo ý kiến quản lý được và hiệu quả cần chia ấp ra thành một số khu vực các tổ. Ấp Âu Thọ B có 736 hộ với hơn 3.500 người và tổ chức họp ấp với nhiều người như thế thì không thích hợp. Do đó, nhóm khởi động tham khảo ý kiến thành viên cộng đồng định rõ ranh giới khu vực các tổ để có thể tổ chức được các cuộc họp có số lượng quản lý được tại từng khu vực được định rõ. Điều này dẫn đến việc thành lập sáu khu vực tổ được thể hiện trong Hình 7.

Các cuộc họp tham khảo ý kiến

Một khi sáu khu vực tổ được thành lập, nhóm khởi động đã tổ chức tổng cộng 12 cuộc họp tham khảo ý kiến trong khoảng thời gian hai tuần trong tháng 11 và 12/2008. Hai cuộc họp được tổ chức tại mỗi khu vực tổ cách nhau khoảng một tuần. Số người tham dự khác nhau với mỗi cuộc họp nhưng nói chung số người tham dự gia tăng giữa cuộc họp lần 1 và cuộc họp lần hai cho biết mức độ quan tâm hợp lý đến những việc đang được thảo luận (Bảng 3).



Hình 7: Khu vực các tổ Âu Thọ B (Ảnh vệ tinh QuickBird).

Bảng 3: Số người tham dự tại các cuộc họp tham khảo ý kiến cộng đồng.

Khu vực tổ	Cuộc họp	Tổng số	Nam	Nữ
1	1	34	22	12
	2	53	35	18
2	1	22	10	12
	2	35	19	16
3	1	35	22	13
	2	45	25	20
4	1	27	22	5
	2	35	25	10
5	1	35	25	10
	2	35	18	17
6	1	35	25	10
	2	36	8	28

Tại các cuộc họp, nhóm khởi động giải thích khái niệm đồng quản lý, đặc biệt là việc thành lập nhóm người sử dụng tài nguyên. Điều quan trọng là khái niệm phải rõ và được các người tham dự cuộc họp hiểu trước khi tiến thêm hơn nữa trong quy trình thực hiện đồng quản lý. Việc trình bày miệng bằng cả tiếng Việt và tiếng Khmer cùng với việc thúc đẩy cuộc họp để hỗ trợ sự hiểu biết và tham gia của cộng đồng. Một số thực hành có sự tham gia cũng đã được tiến hành để xác định những người sử dụng tài nguyên nào quan tâm đến việc trở thành thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên, xếp hạng giàu nghèo và xác định các vấn đề chính.

Sau đây là bản tóm tắt cách các hoạt động này được thực hiện.

Giải thích khái niệm đồng quản lý

Nhóm khởi động đã giải thích rõ ràng và đơn giản về đồng quản lý là gì, tại sao nó lại quan trọng và lợi ích của đồng quản lý; và một bản đồ ảnh vệ tinh lớn đã được sử dụng để chỉ cho các người tham dự cuộc họp thấy áp, rừng ngập mặn và bãi bồi của họ cũng như các khu vực tổ. Việc giải thích bao gồm ý tưởng thành lập một nhóm người sử dụng tài nguyên mà nhóm này sẽ có thể thảo luận và thương lượng các vấn đề với chính quyền địa phương một cách có tổ chức và chính thức. Các người tham dự cuộc họp tiếp nhận tốt các khái niệm mặc dù các khái niệm này phải được nhắc lại trong các cuộc họp tiếp theo do không phải mọi việc đều được hiểu đầy đủ ở lần đầu tiên bởi vì các khái niệm là mới.

Xác định người sử dụng tài nguyên rừng ngập mặn áp Âu Thọ B và mối quan tâm của họ đối với việc hình thành nhóm người sử dụng tài nguyên

Nhóm khởi động đã hỏi người tham dự cuộc họp xem họ đã có sử dụng tài nguyên từ rừng ngập mặn không và nếu có sử dụng, họ có quan tâm đến việc trở thành thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên mà nhóm này sẽ đồng quản lý rừng ngập mặn cùng với chính quyền địa phương. Qua việc giơ tay, nhiều người tham dự cuộc họp tự xác định họ là người sử dụng tài nguyên rừng và quan tâm đến việc là thành viên NSDTN. Các người tham dự cuộc họp cũng đã xác định được các người sử dụng tài nguyên khác không có mặt tại các cuộc họp. Để xác định nơi ở của người sử dụng tài nguyên được xác định, một bản đồ ảnh vệ tinh đã được sử dụng và đã chứng tỏ là một công cụ rất hữu ích cho mục đích này (Hình 8).

Từ các cuộc họp, đã xác định được tổng số 240 hộ sử dụng tài nguyên quan tâm đến việc hình thành NSDTN và số người này đã được trải đều trong sáu khu vực tổ (xem chương 3.2.2 để biết thêm chi tiết về việc thành lập NSDTN).



Hình 8: Sử dụng ảnh vệ tinh để xác định nhà của những người sử dụng tài nguyên.

Xếp hạng giàu nghèo

Số liệu thống kê chính thức của chính quyền căn cứ giàu nghèo trên thu nhập trong khi cộng đồng địa phương có thể xem xét tình trạng giàu nghèo của họ theo các điều kiện khác; do đó việc thực hành xếp hạng giàu nghèo có sự tham gia thì hữu ích cho cộng đồng để xác định tình trạng giàu nghèo như tự họ nhận thấy.

Nhóm khởi động đã tiến hành xếp hạng giàu nghèo trong các cuộc họp tham khảo ý kiến qua việc hỏi các người sử dụng tài nguyên cho biết những gì họ xem nên là tiêu chí xếp hạng giàu nghèo cho các hộ rất nghèo, nghèo, trung bình và khá. Các cuộc họp nhóm khác nhau xây dựng một số tiêu chí nhưng số lượng đất mà một hộ được sử dụng luôn luôn là tiêu chí chính. Bảng 4 cho thấy tiêu chí đề nghị cho các loại giàu nghèo khác nhau. Một khi đã xây dựng xong tiêu chí, mỗi người tham gia được đưa tên của một chủ hộ viết trên một mảnh giấy được chọn một cách ngẫu nhiên (nhưng không phải là tên của chính gia đình họ) và được hỏi cho biết hộ này thuộc loại giàu nghèo nào.

Bảng 4: Người tham dự cuộc họp xây dựng tiêu chí giàu nghèo.

Rất nghèo	Nghèo	Trung bình	Khá
<ul style="list-style-type: none"> • Không đất • Không vốn • Không xe gắn máy • Nhà tranh hoặc nhà tình thương • Đánh bắt tài nguyên để ăn và bán • Làm mướn • Không có nguồn nước sinh hoạt riêng (đi xin) • Lượm củi để đun nấu 	<ul style="list-style-type: none"> • Đất đến 1.000m² • Không vốn • Nhà tình thương cải tiến/nhà có mái tôn • Làm mướn • Có 5-6 con • Đánh bắt tài nguyên để ăn và bán • Xe gắn máy có giá trị dưới 4 triệu Đồng • Một vài hộ xin nước sinh hoạt • Lượm củi để đun nấu 	<ul style="list-style-type: none"> • Đất 1.000m²-5.000m² • Xe gắn máy có giá trị từ 4-7 triệu Đồng • Nhà tự xây • Có nghề (ví dụ thợ mộc, thợ làm tóc) • Đủ ăn • Buôn bán nhỏ • Có nước sinh hoạt • Có 3-4 con • Nuôi tôm quy mô nhỏ • Lượm củi để đun nấu 	<ul style="list-style-type: none"> • Đất hơn 5.000m² • Xe gắn máy có giá trị hơn 7 triệu Đồng • Có TV, bếp ga, nhà vệ sinh • Nhà lát gạch • Không làm mướn • Có 1-2 con • Không lượm củi để đun nấu • Đánh bắt tài nguyên để ăn và bán • Buôn bán lớn



Bốn rổ được mang đến, mỗi rổ cho một loại giàu nghèo và một khi người tham dự đã quyết định tên chủ hộ mà họ nhận được thuộc vào loại giàu nghèo nào, họ sẽ đặt mảnh giấy vào rổ thích hợp (Hình 9). Sau khi mọi người tham dự đã xếp loại xong, các tên trong mỗi rổ sẽ được đọc to lên trong cuộc họp để đảm bảo tất cả người tham dự đồng ý với loại giàu nghèo xếp cho mỗi hộ. Nếu có sự không đồng ý, mọi người sẽ thảo luận thêm, và thông qua thỏa thuận chung tên của chủ hộ sẽ được xếp lại cho đúng loại.

Hình 9: Tham gia xác định loại hộ giàu nghèo.

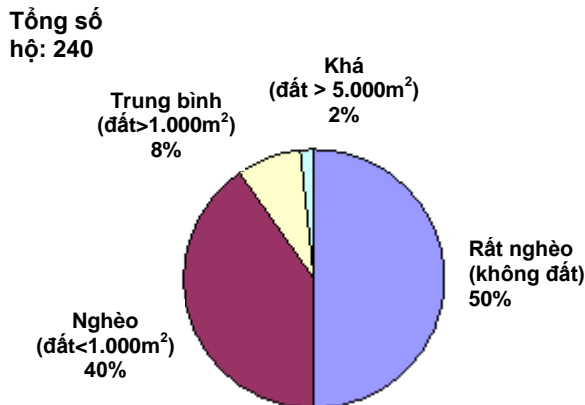
Thông qua quá trình này số lượng và tỷ lệ phần trăm người sử dụng tài nguyên theo các loại giàu nghèo khác nhau được xác định (Bảng 5 và Hình 10). Trong số 240 người sử dụng tài nguyên được xác định, 50% là rất nghèo, 40% là nghèo, 8% là trung bình và 2% là khá. Điều này cho thấy đại đa số (90%) người sử dụng tài nguyên rơi vào hoặc loại rất nghèo hoặc nghèo mà điều này nhấn mạnh sự phụ thuộc của họ vào việc thu nhập tài nguyên thiên nhiên do không đủ sức mua thức ăn hay các loại nhiên liệu khác để nấu ăn.

Tình trạng giàu nghèo của người sử dụng tài nguyên có được từ việc thực hành xếp hạng giàu nghèo đặc biệt hữu ích khi thực hiện các hoạt động của NSDTN do dự án GTZ CZM¹⁰ hỗ trợ vì điều này đảm bảo rằng người nghèo nhất được hỗ trợ trước nhất và các thành viên khác của cộng đồng không tranh cãi về tình trạng giàu nghèo của họ.

¹⁰ Một ví dụ là việc giới thiệu bếp đun tiết kiệm củi hơn (xem Chương 5.4)

Bảng 5: Xếp hạng giàu nghèo các hộ người sử dụng tài nguyên theo khu vực tổ.

Khu vực tổ	Tổng số Hộ	% Rất nghèo (không đất)	% Nghèo (đất <1,000m ²)	% Trung bình (đất >1,000m ²)	% Khá (đất >5,000m ²)
1	54	40.7	50.0	9.3	0
2	34	58.8	38.2	2.9	0
3	45	31.1	46.7	13.3	8.9
4	35	57.1	28.6	14.3	0
5	35	42.9	57.1	0	0
6	36	80.6	13.9	5.6	0



Hình 10: Xếp hạng giàu nghèo các hộ người sử dụng tài nguyên ấp Âu Thọ B.

Xác định các vấn đề chính về sử dụng tài nguyên

Trong các cuộc họp tham khảo ý kiến các người tham dự được hỏi cho biết ý kiến về các vấn đề chính về sử dụng tài nguyên là vấn đề gì. Các người tham dự được mời viết ý tưởng của họ trên mảnh giấy nhỏ mà sau đó mảnh giấy này sẽ được dán lên tường và tập hợp theo nhóm. Dựa vào việc chỉ có một số ít các người tham dự biết viết, các người tham dự hình thành các nhóm trong đó có ít nhất một người biết viết và đưa ra quan điểm của nhóm (Hình 11). Vào cuối buổi thực hành, sẽ có bốn hay năm cột tiêu biểu xác định bốn hay năm vấn đề (Hình 12). Từ tất cả các cuộc họp, các vấn đề chính được xác định là:

- Không đủ củi/nguồn thức ăn để thu nhặt/đánh bắt đáp ứng nhu cầu
- Người ngoài đánh bắt nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là nghêu cám
- Chưa bảo vệ tốt rừng ngập mặn
- Khó đi ra bãi bồi
- Chặt quá nhiều cây lấy củi
- Người dân không có lựa chọn nào khác ngoài việc thu nhặt/đánh bắt tài nguyên vì nghèo
- Đánh bắt quá mức nghêu con, cua con, v.v.
- Một số người không có ngư cụ để bắt cá kèo và cua

Những vấn đề này sau đó sẽ được các tổ trưởng xác định và tập hợp theo nhóm (chương 3.2.2).

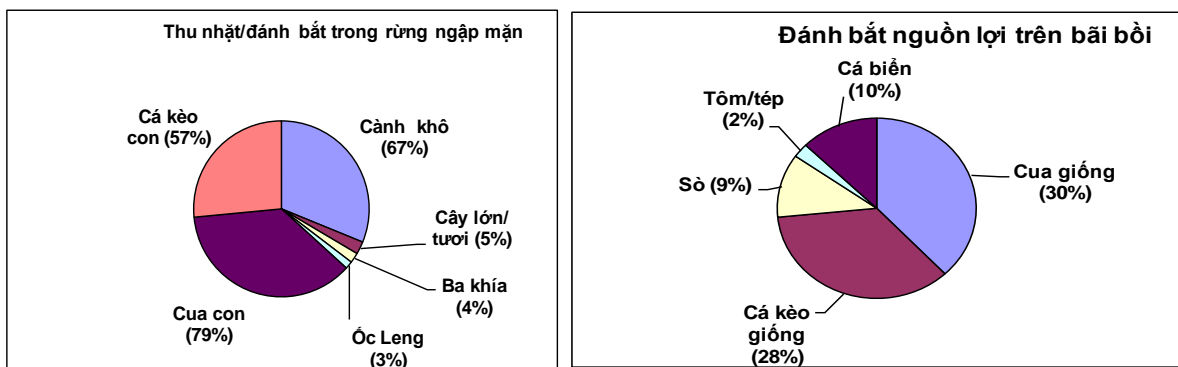


Hình 11: Nhóm thảo luận và viết ra giấy các vấn đề. **Hình 12: Tập hợp các vấn đề theo nhóm.**

Xác định sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Việc xác định chuyên sâu về sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại ấp Âu Thọ B được thực hiện thông qua một bảng câu hỏi phát cho một mẫu đại diện của người sử dụng tài nguyên. (30% người sử dụng tài nguyên được xác định hay 65 hộ). Một bản sao bảng câu hỏi được cung cấp như phụ lục 2. Bảng câu hỏi được chia làm hai phần, một phần cho việc sử dụng tài nguyên trong rừng và phần khác cho sử dụng tài nguyên trên bãi bồi. Bảng câu cũng hỏi thông tin về thu nhập được bao nhiêu, khi nào và thế nào. Thông tin trên được thu thập qua các cuộc phỏng vấn vấn đáp do cán bộ CCKL và CCKT&BV NLTS thực hiện bởi vì nhiều người sử dụng tài nguyên không thể đọc hay viết.

Kết quả cho thấy đối với tài nguyên thu nhập trong rừng ngập mặn 67% người trả lời nhặt củi khô, 5% nhặt củi tươi, 79% bắt cua con, 57% bắt cá kèo con, 4% bắt ba khía và 3% bắt ốc Leng. Đối với tài nguyên đánh bắt trên bãi bồi 30% người trả lời bắt cua con, 28% bắt cá kèo con, 10% bắt cá biển, 9% bắt sò và 2% bắt tôm tép. Những kết quả này được tóm tắt trong Hình 13.



Hình 13: Tỷ lệ phần trăm người trả lời bằng câu hỏi thu nhập/đánh bắt các loại tài nguyên rừng và bãi bồi khác nhau.

Trong các cuộc thảo luận sau này về việc xây dựng phiếu giám sát của người sử dụng tài nguyên (chương 6), các người sử dụng tài nguyên đã xác định một số loài thủy sinh khác mà họ bắt được trong rừng ngập mặn gồm có sò, rắn biển, cá thòi lòi và chuột.

Kết quả từ bảng câu hỏi và thảo luận cho thấy người sử dụng tài nguyên thường giữ lại ba khía, cá thòi lòi, rắn biển và chuột để ăn vì giá trị thị trường của chúng thấp. Tuy nhiên ba khía sẽ được bán nếu người sử dụng tài nguyên bắt được nhiều hơn số họ có thể ăn. Cua con, nghêu, cá kèo con và sò tất cả được bán hết vì chúng có giá cao (Joffre và Schmitt 2010). Các nguồn lợi thủy sinh dễ bán này được bán qua người trung gian (thương lái). Hầu hết các sản phẩm thủy sinh được đánh bắt bằng tay hoặc vợt mặc dù cá kèo con thường được bắt bằng lưới đăng. Các phương pháp này được minh họa trong Hình 21-23. Hầu hết củi được giữ lại để dùng mặc dù một số lượng nhỏ được bán. Thời gian thu nhặt tài nguyên theo sát lịch thời vụ thể hiện trong Hình 3.

Thông tin thu được từ bảng câu hỏi làm nổi bật tầm quan trọng của nguồn tài nguyên đối với sinh kế của người sử dụng tài nguyên và thông tin này sẽ được sử dụng trong các cuộc thương lượng giữa người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương.

3.2.2 Tổ chức và thành lập nhóm người sử dụng tài nguyên

Tổ chức và cấu trúc nhóm người sử dụng

Sự hình thành nhóm người sử dụng tài nguyên cho áp bao gồm tư cách thành viên, cấu trúc và lãnh đạo của nhóm được thảo luận như một phần của các cuộc họp thương lượng. Những người tham dự cuộc họp đồng ý rằng việc thành lập một nhóm như vậy sẽ có ích cho việc bảo vệ tài nguyên rừng đặc biệt khỏi bị người ngoài chặt cây trái phép. Họ cũng đồng ý rằng cấu trúc nhóm sẽ bao gồm sáu tổ dựa trên các khu vực tổ được xác định trước đây và mỗi tổ sẽ có một tổ trưởng với một nhóm trưởng cho cả nhóm. Nhóm trưởng được hỗ trợ bởi các tổ trưởng sẽ đại diện người sử dụng tài nguyên trong các cuộc thương lượng sau này về quyền sử dụng tài nguyên thiên nhiên với chính quyền địa phương.

Tất cả hộ người sử dụng tài nguyên được xác định qua các cuộc họp tham khảo ý kiến quan tâm đến việc gia nhập nhóm và được đăng ký tại các khu vực tổ liên quan của họ. Tổng cộng có 240 hộ người sử dụng tài nguyên đăng ký gia nhập nhóm người sử dụng vào tháng 12/2008. Điều này đại diện cho 32% của tổng số hộ tại ấp Âu Thọ B. Số hộ đăng ký tại mỗi khu vực tổ được thể hiện trong Bảng 6.

Đến khoảng tháng 8/2009 số hộ thành viên đã tăng lên 289 hộ.

Bảng 6: Số thành viên theo tổ nhóm người sử dụng tài nguyên (12/2008).

Khu vực tổ	Số hộ thành viên
1	54
2	34
3	45
4	35
5	35
6	36
Tổng số	240

Xây dựng ban lãnh đạo nhóm người sử dụng tài nguyên

Một khi người sử dụng tài nguyên thống nhất về cấu trúc nhóm, tại các cuộc họp thông tin họ được hỏi ý cho biết người tổ trưởng cần có các phẩm chất năng lực gì. Phẩm chất năng lực đề xuất cho một tổ trưởng bao gồm:

- Biết đọc và viết
- Có uy tín
- Là nam hoặc nữ đều được
- Mạnh dạn phát biểu
- Đạo đức tốt
- Hiểu biết về thủy sản và lâm nghiệp
- Quan tâm đến môi trường

Các người tham dự nào tin rằng họ đáp ứng được các tiêu chí và mong được là tổ trưởng sau đó được mời ứng cử. Một số tổ vui mừng chỉ định tổ trưởng mà không cần bầu cử trong khi các tổ khác đề nghị bầu cử.

Ở những nơi tổ chức bầu cử (tổ 1 và 3) các ứng viên trước hết phải nói với các tổ viên vì sao họ cảm thấy họ phù hợp với công việc (Hình 14). Một cuộc bỏ phiếu kín sau đó đã được tổ chức để xác định người được chọn. Điều này được thực hiện qua việc đặt một trái cây trong giỏ có hình ứng viên dán ở ngoài (Hình 15). Một khi mọi người đã bỏ phiếu xong, số trái cây cho mỗi ứng viên được đếm công khai và công bố người được chọn (Hình 16)¹¹. Một khi các tổ trưởng đã được bầu/chỉ định xong, sau đó chính các tổ trưởng chọn nhóm trưởng và như vậy ban lãnh đạo nhóm người sử dụng tài nguyên được hình thành (Hình 17).

Việc hình thành ban lãnh đạo nhóm người sử dụng tài nguyên là một điều kiện tiên quyết để thành lập chính thức nhóm theo Nghị định 151 (Chính Phủ Việt Nam 2007) và các cuộc họp thương lượng với chính quyền địa phương về quyền sử dụng tài nguyên

¹¹ Một khi thủ tục bầu cử kết thúc, trái cây được chia cho mọi người cùng ăn.



Hình 14: Các ứng viên cho vị trí tổ trưởng trình bày phẩm chất năng lực trước các tổ viên.



Hình 15: Bỏ phiếu bầu tổ trưởng.



Hình 16: Đếm phiếu.

Hình 17: Ban lãnh đạo NSDTN

Thành lập chính thức nhóm người sử dụng tài nguyên theo Nghị định 151

Nhóm trưởng người sử dụng tài nguyên khởi xướng việc thành lập chính thức nhóm theo Nghị định 151 (Chính phủ Việt Nam 2007) bằng việc soạn thảo quy chế hoạt động của nhóm theo Nghị định với sự hỗ trợ của thành viên nhóm khởi động. Quy chế bao gồm mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhóm, chi tiết điều kiện kết nạp tổ viên, quyền và nghĩa vụ của tổ viên, tổ trưởng và nhóm trưởng và phương thức giải quyết tranh chấp (NSDTN 2009). Quy chế sau đó được trình cho UBND Xã Vĩnh Hải để chứng thực theo Nghị định. Vào ngày 20/01/2009, UBND Xã chứng thực quy chế và nhóm người sử dụng tài nguyên ấp Âu Thọ B được chính thức thành lập. Điều này đã tạo điều kiện để bắt đầu các cuộc họp thương lượng với chính quyền địa phương về quyền sử dụng tài nguyên trong rừng ngập mặn Âu Thọ B. Một bản sao quy chế NSDTN được chứng thực theo Nghị định 151 được cung cấp như phụ lục 3.

Chuẩn bị ban lãnh đạo nhóm người sử dụng tài nguyên để thương lượng

Một khi nhóm sử dụng tài nguyên đã được thành lập, một cuộc họp được tổ chức với các tổ trưởng và nhóm trưởng để xem lại tiến độ đạt được đến nay và cũng để cho nhóm làm quen với bước tiếp theo của quy trình đồng quản lý: thương lượng trước khi họp với chính quyền. Các khái niệm của thương lượng đã được phác thảo nhấn mạnh thương lượng là gì, tại sao nó lại quan trọng, những gì làm thương lượng thành công và các thủ tục cần được làm theo. Các vấn đề chính mà người sử dụng tài nguyên đã nhận biết trước đó trong các cuộc họp tham khảo ý kiến cũng đã được thảo luận, khẳng định và xếp hạng.

Các vấn đề sử dụng tài nguyên do nhóm người sử dụng tài nguyên xác định

Các vấn đề chính được xác định qua các cuộc họp tham khảo ý kiến đã được xếp hạng với mỗi tổ trưởng cho điểm trên thang điểm từ 1 đến 5 cho mỗi vấn đề với 5 để chỉ vấn đề là lớn và 1 là không lớn như thế. Tổng số điểm cho mỗi vấn đề sau đó được tính và các vấn đề được xếp hạng như sau:

1. Người ngoài đánh bắt nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là nghêu cám
2. Khó đi ra bãi bồi
3. Người dân không có lựa chọn nào khác ngoài việc thu nhặt/đánh bắt tài nguyên vì nghèo
4. Đánh bắt quá mức nghêu con, cua con, v.v.
5. Chưa bảo vệ tốt rừng ngập mặn
6. Chặt cây lấy củi
7. Không đủ củi/nguồn thức ăn để thu nhặt/đánh bắt đáp ứng nhu cầu
8. Một số người không có ngư cụ để bắt cá kèo và cua

Những vấn đề này sẽ được thảo luận trong bước thương lượng của quy trình đồng quản lý.

Tập huấn tổ trưởng nhóm sử dụng tài nguyên

Các tổ trưởng đã tham dự lớp tập huấn tại xã Vĩnh Hải về truyền thông và quản lý tài nguyên thiên nhiên để hỗ trợ họ trong vai trò của họ như tổ trưởng. Lớp tập huấn do trường Đại học Nông Lâm Tp Hồ Chí Minh tổ chức. Mục tiêu của lớp tập huấn là: hỗ trợ các tổ trưởng sử dụng các công cụ có chọn lọc và kiến thức để nhận biết một cách tổng thể, xác định vị trí và đánh giá tình trạng tài nguyên thiên nhiên của họ và cung cấp các công cụ quan trọng và kiến thức giúp người sử dụng tài nguyên giám sát và đánh giá kết quả của nỗ lực đồng quản lý của họ. Các công cụ được sử dụng và hoạt động thực hiện trong hội thảo bao gồm mốc thời gian lịch sử và xu hướng tài nguyên thiên nhiên, lập bản đồ tài nguyên thiên nhiên, phân tích các bên liên quan, lịch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giám sát và đánh giá có sự tham gia (Phan *et al.* 2009).

3.3 Bài học kinh nghiệm

1. Một điều kiện tiên quyết cho việc bắt đầu quy trình đồng quản lý là sự chấp nhận quy trình của chính quyền địa phương các cấp. Để đảm bảo khái niệm và lợi ích đồng quản lý được hiểu rõ có thể mất nhiều thời gian.
2. Việc sử dụng cơ cấu liên ngành trong quá trình đồng quản lý làm cho việc phổ biến thông tin có hiệu quả.
3. Các thành viên chính của cộng đồng nên được tham gia các chuyến tham quan học tập đến những nơi mà đồng quản lý đang được thực hiện thành công ngay lúc đầu của quy trình để hỗ trợ sự hiểu biết.
4. Các thông điệp về đồng quản lý phải đơn giản và được nhắc lại liên tục vì khái niệm mới sẽ không được tất cả các bên liên quan hiểu ngay. Điều này là quan trọng bởi vì các cuộc họp tham khảo ý kiến cộng đồng sẽ hiếm khi luôn luôn có được cùng một người đại diện tham dự mọi cuộc họp do bận rộn gia đình/công việc.
5. Nhóm khởi động nên được thành lập ngay lúc bắt đầu quy trình đồng quản lý. Nhóm nên có tối đa 5 thành viên và hiểu rõ vai trò của nhóm. Không nên thay đổi thành viên nhóm khởi động để đảm bảo tính liên tục của tiến trình công việc, sự hiểu biết các vấn đề và am hiểu về cộng đồng.
6. Người sử dụng tài nguyên và nhu cầu sử dụng tài nguyên cần được xác định càng sớm càng tốt để xây dựng sự hiểu biết rõ ràng về tình trạng tổng thể tài nguyên.
7. Cần xây dựng khu vực các tổ lúc bắt đầu quá trình tham khảo ý kiến để tổ chức hiệu quả các người sử dụng tài nguyên.
8. Các cuộc họp tham khảo ý kiến cộng đồng phải có sự tham gia của người dân đặc biệt trong việc xác định xếp hạng giàu nghèo, xác định vấn đề và lựa chọn ban lãnh đạo, nếu không sẽ có ít ý thức làm chủ.

9. Xác định ban lãnh đạo thông qua cơ chế bên ngoài như bổ nhiệm chính thức, định ra các tiêu chí lãnh đạo hay bầu cử áp đặt có thể dẫn đến sự kính trọng hạn chế của các nhóm viên đối với nhóm trưởng.
10. Thích ứng và sử dụng cơ chế lập pháp hiện hữu cho việc thành lập chính thức NSDTN (trong trường hợp này là Nghị định 151) đảm bảo nhóm được chính quyền công nhận.
11. Việc thực hiện bước tổ chức và tham khảo ý kiến cần thời gian. Bước này chỉ kết thúc một khi tất cả các bên liên quan có được sự hiểu biết về đồng quản lý rõ ràng và cả người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương được tổ chức đúng mức và có khả năng để bắt đầu các cuộc thương lượng.

4. Thương lượng và thỏa thuận

Tiếp theo các hoạt động thực hiện trong bước tổ chức và tham khảo ý kiến, các người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương có được sự hiểu biết tốt về quy trình và nguyên tắc đồng quản lý và được tổ chức thành các nhóm chức năng có thể đại diện cho quyền lợi của họ. Cả hai bên bây giờ có khả năng thương lượng một thỏa thuận người sử dụng tài nguyên. Chương này mô tả quá trình thương lượng và các vấn đề được thương lượng để đạt đến một thỏa thuận. Quá trình này bao gồm việc xây dựng một tầm nhìn chung cho tài nguyên và việc sử dụng chúng tại ấp Ấu Thọ B, giới thiệu các nguyên tắc đồng quản lý như quản lý tổng hợp vùng ven biển ICAM, phân khu và giám sát và xây dựng các quy định ai có thể làm gì, khi nào, ở đâu, thế nào và sử dụng bao nhiêu trong rừng ngập mặn Ấu Thọ B. Thỏa thuận được chứng thực là kết quả của các cuộc thương lượng được cung cấp như phụ lục 4.

4.1 Các cuộc họp thương lượng

12 cuộc họp thương lượng đã được tổ chức trong khoảng thời gian sáu tháng là nơi đại diện nhóm người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương thảo luận ai sẽ có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và sử dụng bao nhiêu trong rừng ngập mặn Ấu Thọ B.

Nhóm trường và các tổ trường đại diện nhóm người sử dụng tài nguyên. Đại diện chính quyền cấp Xã, Huyện và Tỉnh đại diện chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền Xã bao gồm Chủ tịch UBND Xã Vĩnh Hải, trưởng ấp Ấu Thọ B và đại diện hội Nông dân và hội Phụ nữ; đại diện Huyện bao gồm Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm Vĩnh Hải, một chuyên viên thủy sản của Phòng Nông nghiệp và PTNT và một chuyên viên môi trường của Phòng Tài nguyên-Môi trường; và đại diện Tỉnh bao gồm một chuyên viên thủy sản của CC KT& BV NLTS và một chuyên viên lâm nghiệp của CCKL.

Một tư vấn độc lập thúc đẩy các cuộc họp.

4.1.1 Cuộc họp thương lượng lần đầu

Cuộc họp thương lượng lần đầu được tổ chức như cuộc họp giới thiệu để các đại biểu được giới thiệu với nhau¹². Trong cuộc họp này đã xác định được các đại biểu sẽ có mặt trong các cuộc họp thương lượng sắp tới và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có cùng một số người tham dự trong các cuộc họp thương lượng sắp tới. Các quy định và thủ tục cho các cuộc họp cũng đã được thảo luận và thống nhất cùng với việc xây dựng một tầm nhìn cho tài nguyên ấp Ấu Thọ B và sử dụng chúng trong tương lai.

Quy định và thủ tục cho các cuộc họp đã đồng ý tại cuộc họp thương lượng lần đầu

- Ít nhất 70% của cả đại diện nhóm người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương phải có mặt để tiến hành họp,
- Nói cả hai thứ tiếng Việt và Khmer¹³,
- Các cuộc họp sẽ được tổ chức thường xuyên,
- Các cuộc họp được tổ chức tại cùng một địa điểm,
- CCKL và UBND Xã sắp xếp các cuộc họp.

Xây dựng tầm nhìn

Xây dựng tầm nhìn chung để minh họa cách nhìn của đại diện NSDTN và chính quyền địa phương muốn thấy tài nguyên rừng và việc sử dụng tài nguyên trong tương lai như thế nào là một bài tập thực hành để xây dựng và duy trì trọng tâm vào việc mà mọi người đang cố gắng để đạt được và để tham khảo nếu có nhu cầu phát sinh trong các cuộc thương lượng.

¹² Trong cuộc họp giới thiệu các đại biểu đã được nhắc lại vị trí của bước thương lượng trong bối cảnh tổng thể của quy trình đồng quản lý và việc đạt đến bước này có ý nghĩa như thế nào nhờ vào công việc do tất cả các bên liên quan đảm nhận trong bước tham khảo ý kiến và tổ chức. Điều này mang đến một không khí tích cực cho cuộc họp và đẩy công việc tiến triển.

¹³ Mặc dù các tổ trường có thể đọc và viết tiếng Việt, một số thuật ngữ được sử dụng trong các cuộc họp thương lượng sẽ cần được giải thích không những bằng tiếng Việt mà còn bằng tiếng Khmer vì nhiều thuật ngữ môi trường không phải là một phần từ vựng của cộng đồng người Khmer. Các tổ trường thường nói tiếng Khmer với tổ viên vì nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, không nói được tiếng Việt ở mức độ cao. Do đó điều quan trọng là đảm bảo cho các tổ trường hiểu rõ các vấn đề được thảo luận tại các cuộc họp thương lượng và một phiên dịch tiếng Khmer đã được thuê cho mục đích này.

Để xây dựng tầm nhìn, các đại biểu tham dự cuộc họp đầu tiên được mời suy nghĩ về tầm nhìn cá nhân của họ cho tài nguyên và sử dụng tài nguyên trong tương lai là gì. Tất cả tầm nhìn được ghi nhận trên một bảng trắng. Các đề xuất cho tầm nhìn bao gồm:

- Rừng và thủy sản được phát triển như trước đây và đời sống được cải thiện
- Có nhiều nguồn lợi hơn trên đất bãi bồi
- Có một hợp tác xã nghèo
- Người dân có việc làm tại địa phương do đó họ không phải đi đánh bắt ngoài biển
- Người dân hiểu được tầm quan trọng của tài nguyên và các quy định của chính quyền
- Đai rừng rộng 1.000 m
- Những người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương thống nhất mô hình quản lý rừng
- Phát triển hệ sinh thái cho du lịch sinh thái
- Nhóm sử dụng tài nguyên mạnh và hoạt động
- Thu nhập người dân tăng gấp năm lần
- Phát triển quy vùng để người dân biết rõ họ có thể làm gì, ở đâu
- Nhân rộng mô hình Âu Thọ B ra các ấp khác
- Các loại tài nguyên rừng ngập mặn và nguồn lợi thủy sản khác nhau tồn tại
- Không có ô nhiễm

Các tầm nhìn này sau đó được gom lại với nhau thành một tầm nhìn thống nhất thông qua thảo luận của cả cuộc họp. Để hỗ trợ thảo luận, các tầm nhìn được phân loại liên quan đến lâm nghiệp, thủy sản, xã hội và môi trường. Sau nhiều thảo luận, cuộc họp đã xây dựng và thống nhất được tầm nhìn chung.

‘Rừng và nguồn lợi thủy sản được quản lý, bảo vệ, phát triển tốt và khai thác hợp lý theo quy định của Pháp luật; không còn hộ nghèo, người dân có thu nhập ổn định, trẻ em được học cao hơn; môi trường sạch đẹp, tác hại thiên tai ít hơn’.

Tầm nhìn chung của nhóm người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương đối với tài nguyên ấp Âu Thọ B

4.1.2 Các cuộc họp thương lượng lần 2 đến lần 11

Chín cuộc họp tiếp theo đã diễn ra trong khoảng thời gian bốn tháng để các đại diện NSDTN và chính quyền địa phương thảo luận và thương lượng ai có thể làm gì, ở đâu, khi nào, thế nào và sử dụng bao nhiêu trong rừng ngập mặn. Là một phần của các cuộc thảo luận, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tài nguyên đã được xem xét có sử dụng thông tin thu thập được trong bước tham khảo ý kiến và tổ chức mà các thông tin này đã cung cấp cơ sở cho thảo luận về cách làm thế nào có thể cải thiện việc quản lý tài nguyên. Thông tin thu thập được cũng minh họa sự phụ thuộc của người sử dụng tài nguyên vào việc thu nhập tài nguyên cho sinh kế của họ. Các vấn đề do người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương xác định trước đó cũng tạo thành một phần của các cuộc thảo luận.

Dự án GTZ đã giới thiệu cho các bên khái niệm phân khu như một công cụ quản lý cho việc kiểm soát việc sử dụng tài nguyên và quản lý tài nguyên rừng nói chung và khu vực các khu và các quy định ai có thể làm gì, khi nào, thế nào, v.v. trong mỗi khu đã được xác định. Phần tiếp theo mô tả cách các khu và quy định của chúng được xây dựng và thống nhất như thế nào cũng như việc giám sát sử dụng tài nguyên và thực thi quy định trong các khu.

Xây dựng các khu trong rừng ngập mặn

Các khu đã được giới thiệu bằng việc giải thích rằng rừng có thể được chia thành các khu trong đó áp dụng các chế độ quản lý khác nhau từ đó tăng hiệu quả của quản lý và bảo vệ. Cần có một vài khu vực có thể được dành để bảo vệ để tạo điều kiện cho tái sinh tự nhiên đã được giải thích cũng như việc gắn liền các quy định cụ thể với mỗi một khu về việc ai có thể làm gì, khi nào, thế nào và bao nhiêu, để đảm bảo đạt được mục đích chính của khu và tạo điều kiện cho việc bảo vệ, khôi phục được hiệu quả và sử dụng bền vững tài nguyên. Việc phân khu không phải là một khái niệm tĩnh và giám sát tính bền vững của việc sử dụng tài nguyên trong các khu rừng ngập mặn cung cấp thông

tin quan trọng có thể dẫn đến việc thay đổi các khu qua thời gian cũng đã được nhấn mạnh. Để hỗ trợ giải thích này một bản đồ phân khu rừng đã được trình bày.

Khái niệm phân khu trong các khu vực rừng ngập mặn thì mới đối với cả chính quyền địa phương và NSDTN và đòi hỏi tư vấn thúc đẩy phải giải thích và làm rõ rất lâu trong một số cuộc họp thương lượng đầu tiên. Toàn bộ rừng Âu Thọ B hiện tại là vùng phòng hộ xung yếu theo Nghị định 116 (Chính phủ Việt Nam 1999, cũng xem chương 1.6) và điều này không quy định rừng được chia thành một số khu. Như vậy đại diện chính quyền đặc biệt cấp huyện và xã đã cần khá nhiều thuyết phục để thử nghiệm khái niệm 'hơn-một-khu'. Việc chấp nhận ban đầu để thử nghiệm đồng quản lý tại ấp Âu Thọ B ở cấp tỉnh trong bước 1 của quy trình đồng quản lý đã hỗ trợ rất nhiều tại điểm này.

Một khi cuộc họp đã nhất trí rằng rừng có thể được chia thành các khu, bốn khu đã được đồng ý để thành lập: khu phòng hộ, khu phục hồi (bên trong rừng), khu phục hồi (bên ngoài rừng) và khu sử dụng bền vững. Việc mô tả các khu gồm có gì và mục đích của chúng về mặt tình trạng rừng và tài nguyên đã được thảo luận và đồng ý (xem hộp bên dưới). Thông tin sử dụng tài nguyên thu thập được trong bước tổ chức thì hữu ích trong các cuộc thương lượng này đặc biệt để xác định tình trạng rừng, các khu vực thu nhập tài nguyên và số lượng tài nguyên đang được thu nhập.

Khu phòng hộ: Là khu rừng được, được xác lập nhằm để bảo vệ tốt cho các loài thủy sản có nơi trú ngụ, và sinh sản tự nhiên, duy trì tính đa dạng của hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Khu phục hồi (bên trong rừng): Là 1 phần của đai rừng bên trong, nơi có mật độ thưa, đang được trồng thêm rừng để ngăn cản sóng và làm nơi trú ẩn của sinh vật biển.

Khu phục hồi (bên ngoài rừng): Là khu rừng mới trồng bên ngoài, có bề rộng 90 mét tính từ đai rừng lớn trở ra biển, được xác lập nhằm tăng cường bề rộng đai rừng, để ngăn cản sóng biển và che chở cho các loài sinh vật biển.

Khu sử dụng bền vững: Là phần đai rừng bên trong, nơi có nhiều cây rừng đã phát triển rậm rạp.

Các khu, mô tả và mục đích được thống nhất (NSDTN, 2009)

Khu vực các khu được xác định bằng việc chiếu một ảnh vệ tinh của khu vực rừng lên bức tường của phòng họp và NSDTN và chính quyền địa phương đã vẽ các khu vực của khu theo mô tả của các khu được thống nhất trên ảnh bản đồ được chiếu (Hình 18).



Hình 18: Vẽ bản đồ các khu.

Trong khi xây dựng các khu, câu hỏi về đường ra khu vực bãi bồi và bãi cát phía ngoài rừng đã được đề cập bởi vì người đi thu nhập sẽ đi đến các khu vực này bằng một số cách xuyên qua rừng không chỉ làm tổn hại rừng khi đi qua như thế, đặc biệt các khu vực rừng mới trồng, mà còn thu nhập tài nguyên rừng trên đường đi. Cuộc họp đã đồng ý là người đi thu nhập nên chỉ có thể sử dụng bốn đường mòn chính hiện có để ra bãi bồi và bãi cát để ngăn ngừa tổn hại đến các khu vực khác của rừng và sự thu nhập tài nguyên rừng của các người ngoài NSDTN. Các thành viên NSDTN sẽ có thể đi vào rừng theo quy định về khu sẽ được xây dựng trong các cuộc họp thương lượng tiếp theo.

CCKL đã vẽ vị trí các khu và đường mòn qua sử dụng ảnh vệ tinh (Hình 19). Bản đồ này đã được sử dụng trong các cuộc thảo luận về ai có thể làm gì, khi nào, làm thế nào và sử dụng bao nhiêu trong

từng khu. Cuộc họp nhất trí là sẽ thực hiện một bản đồ các khu chính xác cuối cùng sau khi đã định được ranh giới các khu và cắm cọc phân ranh giới trên mặt đất và được ghi lại bằng máy định vị toàn cầu GPS (xem chương 5 - Thực hiện).



Hình 19: Dự thảo bản đồ phân khu rừng (chồng lấp trên ảnh vệ tinh QuickBird)

Xây dựng quy định các khu

Các cuộc thảo luận về ai có thể làm gì, khi nào, làm thế nào và sử dụng bao nhiêu trong từng khu bắt đầu với việc xem xét hiện trạng của các khu vực khác nhau và sau đó xem xét làm thế nào có thể cải thiện hiện trạng này để tăng cường chức năng phòng hộ của rừng và sử dụng bền vững tài nguyên.

Ai có thể vào các khu và thu nhặt đánh bắt các nguồn tài nguyên?

Cả NSDTN và chính quyền địa phương đều nêu ra vấn đề chính là hiện nay có những người ngoài áp đến chặt cây và đánh bắt người lợi thủy sản dẫn đến tình trạng ít tài nguyên hơn cho người sử dụng tài nguyên áp Âu Thọ B.

Để giải quyết vấn đề này, cuộc họp nhất trí là chỉ có thành viên NSDTN nên được phép vào rừng để thu nhặt tài nguyên, miễn là họ tuân theo các quy định của bốn khu. Những người không phải thành viên chỉ có thể đi ra bãi bồi và bãi cát bằng cách sử dụng bốn con đường mòn xuyên qua rừng được định rõ vị trí nhưng về mặt khác thì không được phép vào rừng.

Không ai được phép vào khu phòng hộ ngoại trừ những người được phép đi tuần tra khu này, do đó khu có thể phục vụ mục đích của nó là cung cấp một khu vực yên tĩnh cho tái sinh và sinh sản tự nhiên.

Đảm bảo quyền người sử dụng tài nguyên thông qua một thỏa thuận được thương lượng xác lập 'tài sản' trên thực tế cho các thành viên NSDTN để sử dụng bền vững và chịu trách nhiệm phần lớn cho việc này. Điều này làm tăng ý thức làm chủ tài nguyên dẫn đến việc bảo vệ tài nguyên được cải thiện và hiệu quả hơn.

Có thể thu nhặt cái gì, khi nào và thế nào?

Để đạt đến thỏa thuận về có thể thu nhặt cái gì, khi nào và như thế nào trong từng khu cần đến một số cuộc họp. Các đại diện NSDTN muốn các thành viên của họ không bị quá hạn chế về tài nguyên thu nhặt đánh bắt bởi vì họ phụ thuộc vào việc thu nhặt đánh bắt tài nguyên cho sinh kế của họ. Chính quyền địa phương mặt khác lại muốn các hạn chế quyết liệt do họ tin rằng chỉ những hạn chế quyết liệt như thế sẽ cho phép tái sinh và bảo vệ tài nguyên rừng. Trong các cuộc thảo luận về những vấn đề này tư vấn thúc đẩy đóng một vai trò chính trong việc đảm bảo quan điểm của cả hai bên được nêu ra và cũng được lý giải dựa trên nền tảng sự việc, đặc biệt thông qua sử dụng thông tin thu thập được trong bước tổ chức như thông tin đóng góp chính.

Tư vấn thúc đẩy giải thích rằng việc phân khu cho phép quan điểm của cả chính quyền và NSDTN được điều chỉnh cho phù hợp trong các khu vực nào đó của rừng. Ví dụ như để đảm bảo chức năng phòng hộ của rừng ngập mặn cần có các quy định đảm bảo các cây trưởng thành không bị chặt và các cây con không bị làm tổn hại và có thể tăng trưởng đến đủ độ lớn. Để đảm bảo chức năng sinh kế của rừng, cần thiết có các quy định đảm bảo tất cả nguồn tài nguyên có các khu vực cho tái sinh

tự nhiên để cung cấp nguồn cung bền vững tài nguyên cho tương lai và cũng có các khu vực cho thu nhặt bền vững củ khô (củ khô từ nhánh cây đã chết tự nhiên) và đánh bắt bền vững nguồn lợi thủy sản mà không làm tổn hại đến các cây.

Cuộc họp đồng ý không được thu nhặt đánh bắt trong khu phòng hộ căn cứ vào mục đích khu này. Việc thu nhặt đánh bắt trong các khu khác được thảo luận theo từng khu chủ yếu qua xem xét hai chủ đề thu nhặt đánh bắt chính là củ khô và nguồn lợi thủy sinh.

Thu nhặt củ khô

Các người sử dụng tài nguyên thường nhặt củ từ rừng ngập mặn mà họ phụ thuộc vào để nấu ăn (Hình 20). Họ không thể có đủ khả năng mua than, ga hoặc trả tiền điện (vài hộ có điện). Việc thu nhặt củ khô trong rừng hiện thời được cho phép nhưng việc thu nhặt củ từ cây sống bị cấm (Chính Phủ Việt Nam 1999). Trong thực tiễn có trường hợp những người thu nhặt chặt cây/nhánh sống trong rừng, để chúng lại đổ cho đến khi khô và sau đó lấy các cây/nhánh khô ra khỏi rừng như củ khô khi thiếu nguồn cung củ khô tự nhiên. Vì thực hành này nên ban đầu chính quyền địa phương không muốn bất kỳ củ nào được lấy khỏi rừng. Tuy nhiên, vì không có các lựa chọn thay thế nào cho việc sử dụng củ để nấu ăn đối với các hộ nghèo, cuộc họp đã quyết định cần thiết cho phép một mức độ thu nhặt củ. Nếu không, nhiều người sử dụng tài nguyên sẽ không có nhiên liệu để nấu ăn. Các đại diện NSDTN nhìn nhận rằng việc chặt cây sống làm giảm chức năng phòng hộ của rừng và đồng ý chỉ củ khô tự nhiên có thể được thu nhặt.



Hình 20: Củ nhặt từ rừng để nấu ăn.

Việc thu nhặt củ khô trong khu phục hồi (bên trong rừng) và khu sử dụng bền vững đã được thảo luận rất chi tiết. Để ngăn chặn việc chặt cây sống cuộc họp đồng ý hạn chế các công cụ mang vào rừng. Việc mang rìu, dao và cưa vào cả hai khu sẽ bị cấm và chỉ có thể thu nhặt củ khô bằng tay.

Việc thu nhặt củ khô trong khu phục hồi (bên ngoài rừng) đã không được coi là một vấn đề do khu này chỉ có các cây con không thích hợp cho củ đun nhưng cuộc họp đồng ý rằng trong bất kỳ trường hợp nào bất kỳ tổn hại nào đến các cây con sẽ bị cấm.

Thời gian thu nhặt củ khô trong khu phục hồi (bên trong rừng) và khu sử dụng bền vững đã được giới hạn vào một số tháng nào đó trong năm để cho phép một mức độ tái sinh khi người dân sẽ không đi đến cùng một chỗ mỗi tháng từ đó giảm bớt sự tập trung náo động trong rừng. Cuộc họp đồng ý việc thu nhặt củ khô sẽ có thể được trong sáu tháng trong năm trong khu phục hồi và tám tháng trong năm trong khu sử dụng bền vững. Trong hai tháng của năm (tháng tư và tháng mười) việc thu nhặt củ bị cấm trong cả hai khu vì đây là những tháng có các lễ hội lớn của người Khmer (Năm mới Khmer và 'ngày lễ tổ tiên'), và nhu cầu củ rất cao. Trong thời gian nhu cầu cao, một kế hoạch thu nhặt sớm, kết hợp với việc cấm tạm thời, sẽ góp phần hơn nữa cho việc thu nhặt củ bền vững hơn và ít phá rừng hơn.

Cuộc họp cũng gợi ý việc sử dụng bếp lò đun củ hiệu quả hơn sẽ làm giảm lượng củ khô cần thu nhặt từ rừng. Phần lớn các hộ sử dụng bếp đun không hiệu quả vì bếp không kín và do đó mất rất nhiều nhiệt (Nguyễn 2009). Để sử dụng ít củ khô hơn có nghĩa là ít tổn hại hơn cho rừng và cải thiện chức năng phòng hộ của rừng. Điều này cũng dẫn đến ít chuyến đi vào rừng hơn, cho người dân thời gian rảnh làm các hoạt động hằng ngày khác cũng như giảm bớt số lượng người đi bộ xuyên qua rừng và do đó gây tổn hại cho rừng.

Đánh bắt nguồn lợi thủy sinh

Để xác định nguồn lợi thủy sinh nào có thể được đánh bắt khi nào và như thế nào, đặc biệt trong các khu phục hồi, một vấn đề chính để xem xét là làm thế nào để ngăn chặn các cây rừng ngập mặn mới trồng khỏi bị vô tình làm tổn hại hoặc bị chết do các thành viên NSDTN đánh bắt nguồn lợi thủy sản trong các khu vực này. Tổn hại chủ yếu do người dân giẫm lên các cây mới trồng khi đi bộ đến bãi bồi và bãi cát để đánh bắt nguồn lợi thủy sản và bởi những người đánh bắt cá. Tổn hại do đánh bắt

cá xảy ra khi nước lớn không thấy được các cây nhỏ. Tổn hại xảy ra theo hai cách chính. Cách thứ nhất, người dân giã lên các cây nhỏ khi thả lưới đặng bắt cá kèo con (Hình 21). Cách thứ hai, người dân đôi khi đẩy xip để đánh bắt nguồn lợi thủy sản như tôm và cá (Hình 22), dẫn đến làm bật gốc các cây nhỏ, mặc dù cách đánh bắt này chủ yếu dùng để đánh bắt trên bãi cát cách xa khu vực cây mới trồng (thông tin cá nhân từ CCKT&BV NLTS).



Hình 21: Thả lưới đặng bắt cá kèo con khi nước lớn.

Hình 22: Đẩy xip đánh bắt.

Để ngăn ngừa tổn hại các cây nhỏ nhưng vẫn cho phép người sử dụng tài nguyên đánh bắt trong các khu vực có cây mới trồng, cuộc họp đồng ý là việc đánh bắt nguồn lợi thủy sản như cá kèo con, sò, cua con có thể xảy ra nhưng chỉ vào lúc triều thấp khi mặt bùn lộ rõ và người dân có thể thấy các cây nhỏ ở đâu. Có thể đánh bắt nguồn lợi như thế nào được xác định qua việc đồng ý về loại và kích cỡ của ngư cụ có thể được sử dụng. Cuộc họp đồng ý ví dụ như đường kính vợt lưới không thể lớn hơn 50 cm, chỉ có thể sử dụng chum tre, và bắt cua lớn bằng móc hoặc bằng tay. Việc sử dụng hoá chất và các dụng cụ đánh bắt bằng điện cũng bị cấm.

Cá kèo con vẫn có thể được đánh bắt khi mặt bùn lộ rõ do có các phương pháp đánh bắt khác ngoài lưới đặng (và ngoài việc sử dụng lưới đặng dẫn đến tổn hại các cây rừng ngập mặn mới trồng, CCKT&BV NLTS cũng xem lưới đặng là một phương pháp đánh bắt không bền vững do chiều dài của lưới và kích thước mắt lưới). Cá kèo con cũng được bắt trong các rãnh nước khi triều lên và trong các vũng nước khi triều xuống với vợt tay (Hình 23). Các nguồn lợi khác như cua con, ba khía và sò thông thường không được đánh bắt khi nước lên.



Khu phục hồi (bên ngoài rừng) gồm chủ yếu các cây mới trồng do đó cuộc họp thoả thuận là người dân chỉ được phép vào khu này khi nước ròng lúc mặt bùn lộ rõ. Khu phục hồi (bên trong rừng) gồm các khu vực cây mới trồng nhỏ hơn và có các khu vực đáng kể có nhiều cây lớn hơn là nơi đánh bắt các nguồn lợi khác khi triều lên bằng tay hoặc sử dụng móc như ba khía, rắn, ốc và cá thòi lòi. Cuộc họp đồng ý là quy định cho khu này có thể cho phép người dân đi vào khu không chỉ khi nước ròng mà còn trong khi nước lớn để đánh bắt nguồn lợi trong các khu rừng có cây lớn hơn bằng tay hay bằng móc. Việc bắt cá kèo con và cua con chỉ được phép lúc nước ròng khi mặt bùn lộ rõ.

Hình 23: Xúc cá kèo con với vợt tay.

Cuộc họp đồng ý là việc đánh bắt tất cả nguồn lợi thủy sinh trong khu sử dụng bền vững có thể được tiến hành trong cả lúc nước lớn và nước ròng và chỉ có các loại ngư cụ có thể được sử dụng trong khu phục hồi có thể cũng được sử dụng trong khu sử dụng bền vững.

Cuộc họp cũng đồng ý thành viên NSDTN có thể vào các khu cho phép đánh bắt nguồn lợi thủy sinh bất kỳ thời gian nào trong năm, nhưng phải theo các giới hạn thích đáng khi vào các khu phục hồi lúc nước lớn khi mặt bùn chưa lộ rõ.

Có thể đánh bắt được bao nhiêu?

Việc phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi sử dụng tài nguyên chỉ ra rằng số lượng nguồn lợi thủy sinh trong rừng ngập mặn, đặc biệt là cá kèo con và cua con, thì rất nhiều trong khi lượng củi khô có sẵn thì ít¹⁴. NSDTN không muốn hạn chế số lượng tài nguyên mà thành viên của nhóm có thể thu nhật đánh bắt trong rừng vì họ cần chúng cho sinh kế của họ. Chính quyền địa phương đồng ý là không cần có giới hạn về số lượng tài nguyên thu nhật đánh bắt miễn là chỉ sử dụng các phương pháp đánh bắt cho phép để đánh bắt các nguồn lợi khác nhau và chỉ được lấy củi khô khỏi rừng.

Tầm quan trọng của việc biết được việc thu nhật đánh bắt tài nguyên có bền vững không được nêu ra và cuộc họp đồng ý là hiện tại không nên có giới hạn về số lượng tài nguyên có thể được thu nhật đánh bắt, cần giám sát số lượng thu nhật đánh bắt để xác định là việc thu nhật đánh bắt tài nguyên có bền vững không theo thời gian.

Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia

Tư vấn thúc đẩy giới thiệu khái niệm giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia. Điều này được giải thích rằng qua việc người sử dụng tài nguyên ghi lại số lượng tài nguyên thu được và nỗ lực cần thiết để thu nhật, có thể xác định liệu tài nguyên đang ngày càng tăng, giảm hay vẫn giữ nguyên qua thời gian hay không. Thông tin này sau đó có thể được sử dụng trong việc ra quyết định về quản lý tài nguyên rừng. Mọi người đồng ý rằng NSDTN và chính quyền địa phương cần giám sát liên tục việc thu nhật đánh bắt tài nguyên (xem chương 6.1 để biết thêm chi tiết).

Xác định thành viên NSDTN

Một điều kiện chính để đồng quản lý thành công là có quy định rõ ràng về tư cách thành viên (Pomeroy 2009). Cả hai NSDTN và chính quyền địa phương thống nhất là các thành viên NSDTN nên có thể thành viên mà họ sẽ mang theo với họ khi đi thu nhật đánh bắt tài nguyên trong rừng ngập mặn để phân biệt với người ngoài nhóm. Thành viên từ đủ 16 tuổi trở lên sẽ được cấp thẻ xanh dương và trẻ em nhỏ từ đủ 7 tuổi đến dưới 16 tuổi sẽ được cấp thẻ màu xanh lá. Cha mẹ giữ thẻ của con em mình và chỉ đưa cho con em mình khi cho phép chúng tự vào rừng để thu nhật hay có cha mẹ đi kèm.

Thực thi và xử phạt/khen thưởng

Một khía cạnh chính của đồng quản lý đối với người sử dụng tài nguyên là cũng như có được quyền sử dụng tài nguyên rừng theo các quy định cho các khu, họ cũng có một mức độ trách nhiệm quản lý rừng bao gồm hỗ trợ chính quyền địa phương thực thi các quy định của các khu. Điều này cũng góp phần làm giảm khối lượng công việc của chính quyền trong việc tuần tra các khu rừng ngập mặn.

Với việc ghi nhớ điều này, cuộc họp cũng đồng ý tất cả các người sử dụng tài nguyên phải tuân thủ các quy định của các khu và cũng phải canh phòng và báo cáo bất kỳ các hoạt động trái phép nào mà họ thấy đến chính quyền địa phương để có thể nhanh chóng thực hiện hành động tóm bắt các người vi phạm trong khi chúng vẫn còn ở trong rừng. Một kế hoạch xử phạt và khen thưởng được xây dựng trong các cuộc họp thương lượng cho người vi phạm bị bắt. Xử phạt khác nhau đối với người vi phạm là thành viên và không phải thành viên NSDTN trong khi khen thưởng giống nhau cho thành viên và không thành viên phát hiện được người vi phạm và báo cáo ngay cho chính quyền.

Việc xử phạt người vi phạm là thành viên NSDTN tùy theo số lần người này bị bắt. Vi phạm lần đầu thu hồi tang vật và giao tổ giáo dục; lần hai thu hồi tang vật và thẻ của người vi phạm và của tất cả gia đình trong ba tháng; lần ba thu hồi tang vật và họp tổ viên lấy ý kiến biểu quyết chấm dứt tư cách tổ viên. Cho các lần vi phạm tiếp theo người vi phạm bị tịch thu tang vật và bị đề nghị lên chính quyền địa phương xử lý theo pháp luật. Các quy định này áp dụng cho người lớn. Cho trẻ em dưới 16 tuổi, nếu vi phạm hơn bốn lần sẽ bị xử lý như người lớn nhưng cũng sẽ được giáo dục trong các lần vi phạm trước đó.

Đối với người ngoài NSDTN, người vi phạm lần đầu bị thu hồi tang vật và giáo dục. Cho các lần vi phạm tiếp theo người vi phạm bị tịch thu tang vật và bị đề nghị lên chính quyền địa phương xử lý theo pháp luật.

Nhóm trưởng nhóm sử dụng tài nguyên giữ sổ ghi chép tất cả các hoạt động trái phép phát hiện được và được báo cho chính quyền.

¹⁴ Bảng câu hỏi yêu cầu người trả lời ước tính xem theo họ liệu số lượng một tài nguyên là ít, trung bình hay khá nhiều. Các thuật ngữ này được định lượng bằng cách xác định xem theo ý kiến của người trả lời liệu có ít tài nguyên có sẵn để thu nhật đánh bắt khi vào mùa (ít), một số lượng hợp lý tài nguyên có sẵn (trung bình), hay rất nhiều tài nguyên có sẵn (khá nhiều). Các câu trả lời nhận được được tính trung bình để đạt được một chỉ định về số lượng bằng cách sử dụng ba thuật ngữ đơn giản.

4.1.3 Phổ biến dự thảo thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên đến thành viên NSDTN

Sau 11 cuộc họp thương lượng đã nhất trí rằng Chi Cục Kiểm Lâm với sự hỗ trợ của tư vấn thúc đẩy soạn dự thảo thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên phản ánh tất cả các kết quả của thảo luận và thương lượng, và sau đó dự thảo này sẽ được các tổ trưởng phổ biến cho các thành viên NSDTN. Điều này giúp cho các thành viên NSDTN hiểu được rõ ràng nội dung của dự thảo thỏa thuận và có ý kiến đóng góp.

Trước khi tổ chức bất kỳ cuộc họp phổ biến nào, các tổ trưởng cần quen thuộc với các định dạng và thuật ngữ sử dụng trong dự thảo thỏa thuận để tránh các nhầm lẫn khi nói chuyện với các thành viên của họ. Để trợ giúp việc này, một cuộc họp được tổ chức giữa Chi Cục Kiểm Lâm và các tổ trưởng với sự hỗ trợ của tư vấn thúc đẩy để giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo thỏa thuận (Hình 24). Dự án đã thuê một phiên dịch viên từ tiếng Việt sang tiếng Khmer để đảm bảo các tổ trưởng hiểu các thuật ngữ sử dụng trong thỏa thuận vì họ sẽ giải thích thỏa thuận cho các thành viên của họ bằng tiếng Khmer.



Hình 24: Giải thích thuật ngữ sử dụng trong thỏa thuận cho các tổ trưởng.



Hình 25: Phổ biến dự thảo thỏa thuận đến thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên.

Nhóm trưởng NSDTN tổ chức cuộc họp tổ phổ biến thông tin đầu tiên. Trong cuộc họp này có mặt đại diện chính quyền địa phương và dự án để theo dõi và hỗ trợ. Các tổ trưởng khác cũng có mặt để học cách tổ chức các cuộc họp phổ biến với các thành viên của họ.

Sau cuộc họp đầu tiên nhóm trưởng và tổ trưởng NSDTN đã họp với đại diện chính quyền địa phương và dự án để xem lại cuộc họp và đề xuất các cải tiến có thể cho các cuộc họp phổ biến khác. Một ý kiến đóng góp chính là các tổ trưởng cần để cho các thành viên có thời gian để góp ý chứ không chỉ đọc dự thảo thỏa thuận cho họ.

Các cuộc họp giúp phổ biến dự thảo thỏa thuận đến các thành viên NSDTN (Hình 25), cho họ hiểu được nội dung của thỏa thuận và cơ hội để góp ý. Các ý kiến phát biểu bao gồm cách thể thành viên sẽ hoạt động như thế nào, tuổi của người được cấp thẻ, cách thỏa thuận sẽ ngăn chặn các hoạt động trái phép như thế nào, sự thích hợp của các xử lý vi phạm, cách giám sát sử dụng tài nguyên sẽ tiến hành như thế nào và mối quan tâm nếu việc thu nhật gỗ bị giảm.

4.1.4 Cuộc họp thương lượng cuối cùng

Một khi tất cả các cuộc họp phổ biến về dự thảo thỏa thuận cho NSDTN được tổ chức và đã nhận được tất cả ý kiến kể cả ý kiến của chính quyền địa phương¹⁵, Chi Cục Kiểm Lâm soạn ra một dự thảo thỏa thuận cuối cùng để thảo luận và thống nhất lần cuối. Như một phần của cuộc họp cuối cùng tất cả các vấn đề chính đã thảo luận và thống nhất tại 11 cuộc họp trước đây được tóm tắt lại để cho mọi người được rõ ràng rằng nội dung của thỏa thuận này được cùng xây dựng và thống nhất trong quá trình các cuộc họp trước. Một vài điểm nhỏ được làm rõ và thêm vào, sau đó thỏa thuận được hoàn thành.

¹⁵ Dự thảo thỏa thuận được chuyển đến chính quyền địa phương để lấy ý kiến cùng lúc với việc tổ chức các cuộc họp phổ biến thông tin của NSDTN.

4.2 Ký kết thỏa thuận

Sau khi hoàn thành thỏa thuận, nhóm trưởng NSDTN và Chủ tịch UBND Xã Vĩnh Hải đồng ký thỏa thuận tại một buổi lễ công khai vào ngày 04/09/2009 với sự hiện diện của các thành viên NSDTN và chính quyền địa phương (Hình 26).



Hình 26: Lễ ký thỏa thuận của nhóm người sử dụng tài nguyên.

4.3 Bài học kinh nghiệm

1. Cùng một người đại diện nên luôn luôn tham dự các cuộc họp thương lượng. Khi điều này không xảy ra nhiều vấn đề cần được giải thích lại.
2. Các cuộc họp nên được tổ chức thường xuyên. Ở nơi đâu mà điều này không xảy ra, có tình trạng mất đà và người tham dự mất sự theo dõi những gì đã được thảo luận tại các cuộc họp trước và mất nhiều thời gian để giải thích lại các vấn đề.
3. Cần thiết có thúc đẩy viên độc lập để tạo thuận lợi cho các cuộc họp. Cả hai chính quyền địa phương và NSDTN đều có lợi ích riêng của họ và có khả năng xảy ra mâu thuẫn quyền lợi nếu sử dụng thúc đẩy viên của một trong hai bên và việc thiếu công bằng có thể xảy ra.
4. Phát triển một tầm nhìn chung cho tương lai ngay lúc bắt đầu các cuộc họp thương lượng xây dựng điểm trọng tâm hữu ích cho các cuộc thảo luận.
5. Khái niệm mới như phân khu thường cần được giải thích lại một số lần mà việc này cần có thời gian.
6. Đảm bảo các cuộc thảo luận và thỏa thuận được soạn thảo rõ ràng bằng tiếng Khmer cũng như tiếng Việt bởi vì nhiều thành viên NSDTN, đặc biệt là phụ nữ, nói tiếng Khmer và không thạo tiếng Việt.
7. Phổ biến dự thảo thỏa thuận cho các thành viên NSDTN để hiểu biết và góp ý trước khi hoàn thành thỏa thuận đảm bảo quá trình có sự tham gia đầy đủ.
8. Thỏa thuận nên được cùng ký tại một buổi lễ công khai để thỏa thuận được công bố cho mọi người biết và được công nhận bởi cộng đồng và chính quyền địa phương rộng hơn.

5. Thực hiện thỏa thuận

Thực hiện thỏa thuận bắt đầu ngay sau khi thỏa thuận được ký kết. Bước này là nơi hành động của người dân dẫn đến quản lý và bảo vệ tốt hơn rừng ngập mặn thông qua việc thực hiện thỏa thuận. Điều này sẽ dẫn đến một khu rừng ngập mặn phục hồi tốt hơn đối với tác động của biến đổi khí hậu và sinh kế được cải thiện vì lợi ích của người dân địa phương.

Chương này đưa ra các ví dụ của một số hoạt động thực hiện tiến hành tại Âu Thọ B. Chúng bao gồm: phân định ranh giới các khu trong rừng và ranh giới rừng/ấp để mọi người được rõ ràng nơi mà các quy định của thỏa thuận áp dụng trong nhân dân; phổ biến thông tin về các quy định của thỏa thuận để mọi người hiểu rõ chúng; và thực thi các quy định đặc biệt thông qua việc đảm bảo hoạt động hiệu quả của NSDTN với nhấn mạnh đến việc ngăn ngừa các hoạt động trái phép. Ngoài ra, các bếp lò đun củi hiệu quả hơn đang được giới thiệu đến các thành viên NSDTN với sự hỗ trợ của dự án GTZ CZM để giúp các thành viên NSDTN giảm lượng củi mà họ sử dụng để nấu ăn. Cạn ít củi hơn có nghĩa là ít chặt cây hơn do đó làm tăng chức năng phòng hộ của rừng cũng như cải thiện sinh kế qua việc cho người dân thời gian rảnh để thực hiện các hoạt động khác.

Dự án GTZ CZM cũng đã xây dựng việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giám sát các hoạt động trái phép có sự tham gia để xác định xem cả hai việc thu nhặt củi và đánh bắt tài nguyên thủy sinh có đang bền vững không và các hoạt động trái phép có đang giảm bớt theo thời gian không. Thông tin chi tiết về việc giám sát được mô tả trong chương 6.

5.1 Phân định ranh giới

Việc phân định ranh giới rừng và các khu trong rừng là bước đầu tiên chủ yếu trong quá trình thực hiện để mọi người được rõ nơi áp dụng các quy định thỏa thuận.

5.1.1 Ranh giới rừng/đất nông nghiệp

Toàn bộ chiều dài của bìa rừng áp tại Âu Thọ B tiếp giáp với đất nông nghiệp. Ranh giới này cũng là ranh giới giữa vùng phòng hộ xung yếu và vùng đệm theo Quyết định 116 của Thủ tướng Chính phủ (Chính phủ Việt Nam 1999, xem Hình 4). Ranh giới giữa hai khu này cần được khoanh định tốt hơn trên mặt đất. Chi Cục Kiểm Lâm hiện đang sử dụng các bìa của khu vực hiện hữu được che phủ bởi rừng ngập mặn như ranh giới.

Một khi thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên có hiệu lực chính quyền cho rằng ranh giới rừng/đất nông nghiệp cần được khoanh định tốt hơn để mọi người biết rõ khu vực được áp dụng thỏa thuận này. Một ranh giới được đánh dấu rõ ràng cũng làm cho việc lấn chiếm được dễ xác định hơn và có hành động đáp ứng. Cơ quan thẩm quyền quyết định ranh giới theo ranh giới cây tự nhiên càng nhiều càng tốt nhưng nó cũng cần có một cơ sở pháp lý để tránh xung đột với nông dân. Cơ quan thẩm quyền quyết định ranh giới rừng chính thức được xác định bởi ranh giới hiện tại của đất nông nghiệp được đăng ký (Hình 27).

Khoảng 95% đất nông nghiệp hiện tại giữa rừng và đê được đăng ký. 5% đất không đăng ký sẽ trở thành đất rừng vì nó nằm dọc theo ranh giới được xác định bởi đất được đăng ký (Hình 27, bên trái), và như vậy phải theo các quy định của thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên. Để tránh xung đột với nông dân về đất nông nghiệp không đăng ký, điều được đồng ý là việc sử dụng đất hiện hành có thể tiếp tục nhưng diện tích đất trước hết phải được đo để đảm bảo không được mở rộng trong tương lai. Nếu có bao giờ đất được mở rộng, nó sẽ bị thu hồi. Người sử dụng đất không đăng ký cũng có thể nộp đơn xin đăng ký đất nếu muốn và nếu được phép ranh giới rừng sẽ được thay đổi trên bản đồ cùng với bất kỳ cột mốc ranh giới nào trên mặt đất.

Ngoài ra, một tỷ lệ phần trăm nhỏ đất đăng ký mở rộng vào khu vực rừng (Hình 27, bên phải). Các khu vực này sẽ không phải theo các quy định của thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên. Cơ quan thẩm quyền đã đồng ý rằng trong các khu vực như vậy chỉ có thể chặt cây với sự cho phép của Chi Cục Kiểm Lâm và thủ tục này sẽ được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký đất.

Ranh giới hiện đang được Chi Cục Kiểm Lâm và Sở TN-MT vẽ bản đồ và phân định, có tham khảo ý kiến với chủ sử dụng đất và với sự hỗ trợ của NSDTN.



Hình 27: Ranh giới giữa rừng và đất nông nghiệp Âu Thot B (chồng lấp trên ảnh vệ tinh QuickBird).

5.1.2 Ranh giới các khu rừng

Ranh giới các khu trong rừng được vẽ trên ảnh vệ tinh¹⁶ và thống nhất trong các cuộc họp thương lượng.

Ranh giới thực sự được đánh dấu tại địa bàn theo sát ranh giới thống nhất tại các cuộc họp thương lượng. Điều này do đại diện NSDTN và cơ quan thẩm quyền thực hiện qua cùng nhau đi bộ dọc theo ranh giới và ghi lại chúng với một máy GPS cầm tay. Trong quá trình đi bộ ranh giới được phân định qua việc sử dụng sơn phun trong rừng nơi mà cây có thể được sử dụng như các cột mốc (Hình 28). Bốn cột mốc bằng bê tông được sơn đỏ được đặt trên ranh giới của khu phục hồi (bên ngoài rừng) và bãi bồi vì không có đặc điểm tự nhiên nào có thể sử dụng như cột mốc (Hình 29). Ranh giới khu phục hồi (bên ngoài rừng) theo hàng cây hiện có (Hình 30) và do đó dễ dàng nhận biết nhưng phun sơn dọc theo hàng tự nhiên này cũng được sử dụng để làm rõ ràng.

Một bản đồ phân khu sau cùng sau đó được in ra cho thấy các ranh giới dựa trên cơ sở số đo thực địa từ lưu vết đường đi của máy GPS (Hình 31).



Hình 28: Đánh dấu ranh giới các khu trong rừng.

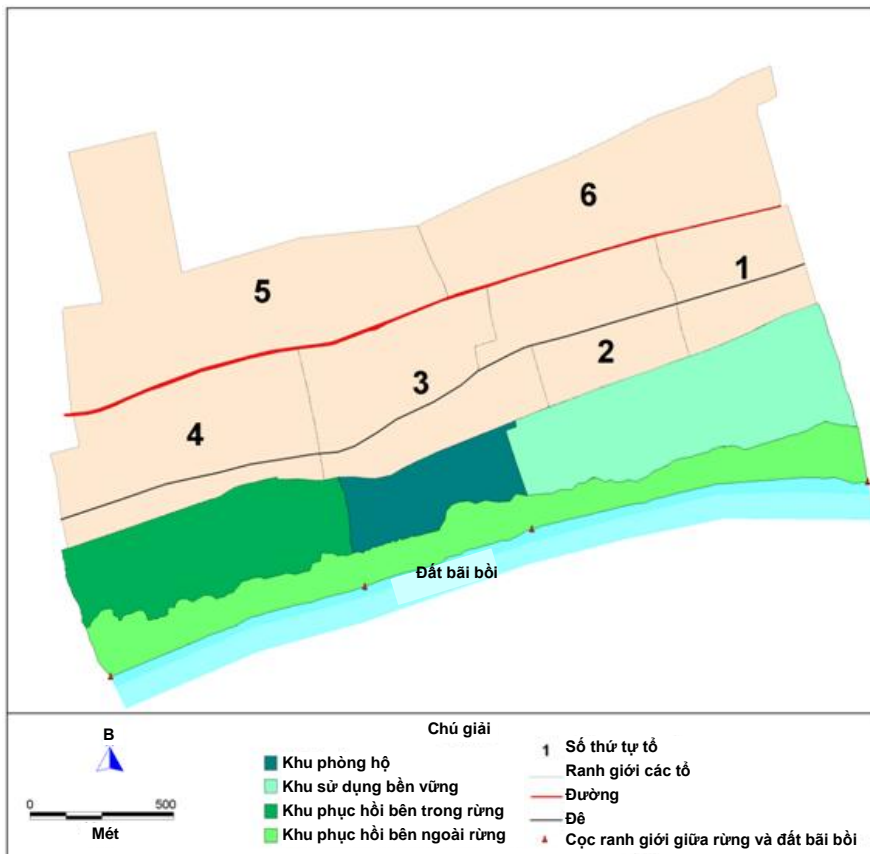
¹⁶ Ảnh Quickbird ngày 04/12/2006 và 22/01/2007, tỷ lệ 1:35.000.



Hình 29: Cọc ranh giới đánh dấu ranh giới rừng/đất bãi bồi.



Hình 30: Ranh giới khu của khu phục hồi (bên trong rừng) và khu phục hồi (bên ngoài rừng) theo hàng cây tự nhiên.



Hình 31: Bản đồ phân khu sau cùng cho rừng ngập mặn Âu Thọ B.

5.2 Phổ biến thông tin

Việc phổ biến rộng rãi thông tin về các quy định của thỏa thuận và ranh giới các khu là cần thiết để giúp mọi người làm theo thỏa thuận. Không chỉ các thành viên NSDTN nên biết các quy định mà cả các người dân không phải thành viên và chính quyền địa phương tại Ấu Thọ B và các ấp lân cận cũng nên biết.

Nhiều thành viên NSDTN biết được các quy định của thỏa thuận từ bước thương lượng nhưng việc nhắc nhở thường xuyên của các tổ trưởng về các quy định trong lúc bắt đầu bước thực hiện sẽ đảm bảo các thành viên được rõ ràng về việc ai có thể làm gì ở đâu, v.v. và cũng về trách nhiệm của họ để đảm bảo các quy định được thực thi bằng cách luôn canh phòng các người vi phạm và báo cáo chúng. Các tổ trưởng nhắc nhở các quy định tại các cuộc họp tổ và điều này sẽ tiếp tục trong một thời gian.

Việc phổ biến thông tin cho người dân không phải thành viên tại Ấu Thọ B và các xã lân cận đang do nhóm trưởng NSDTN và đại diện chính quyền, đặc biệt là CCKL và UBND xã cùng thực hiện.



Hình 32: Bảng thông báo tại lối vào đường vào rừng.

Các cuộc họp bao gồm cả chính quyền và người dân xã lân cận và chú trọng vào thỏa thuận và các quy định của thỏa thuận. Tư cách thành viên NSDTN cũng được thảo luận và người sử dụng thường xuyên rừng ngập mặn Ấu Thọ B có thể trở thành thành viên NSDTN.

Ngoài ra, các bảng thông báo đã được đặt tại các lối vào của mỗi một của bốn đường vào xuyên qua rừng ngập mặn và cũng đặt tại ranh giới của rừng với các ấp lân cận. Các bảng cung cấp thông tin bằng tiếng Việt về các quy định cơ bản như vào rừng, sử dụng các đường vào rừng và việc xử lý người vi phạm. Hình 32 thể hiện một ví dụ.

5.3 Thực thi các quy định của thỏa thuận

Các quy định của thỏa thuận cần được NSDTN và chính quyền địa phương cùng thực thi. Việc thực thi của NSDTN chủ yếu thông qua các thành viên khi họ ở trong rừng canh phòng các hoạt động trái phép. Các hoạt động trái phép cần được báo ngay cho nhóm trưởng NSDTN và chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương sau đó sẽ hỗ trợ NSDTN để ngăn chặn các hoạt động trái phép. Chỉ có chính quyền có quyền hợp pháp buộc tội các người vi phạm, mặc dù các thành viên NSDTN có thể hỗ trợ các người vi phạm đến chính quyền trong vòng một tiếng sau khi bị bắt. (NSDTN 2009).

Điều then chốt của việc thực thi các quy định là thông tin và hợp tác giữa nhóm trưởng và các tổ trưởng và giữa các nhóm tổ trưởng, thành viên của họ và chính quyền địa phương. Một hệ thống thông tin sử dụng điện thoại di động đang được giới thiệu với sự hỗ trợ của dự án GTZ CZM để đảm bảo có thể thực thi một cách hiệu quả các quy định bảo vệ rừng. Các tổ trưởng và một số thành viên NSDTN sinh sống tại các vị trí chiến lược gần rừng đang được cấp điện thoại di động để họ có thể nhanh chóng báo cáo các hoạt động trái phép đến chính quyền địa phương và hành động ngay lập tức có thể được tiến hành.

Việc thực thi quy định thỏa thuận được thảo luận tại các cuộc họp hằng tháng của “Ban đồng quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại ấp Ấu Thọ B”. Đây là ban quản trị nhiều thành phần gồm có NSDTN, chính quyền địa phương, các ban ngành chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý rừng ngập mặn, Hội Phụ nữ và Hội Nông dân thảo luận và cùng ra quyết định về các vấn đề về đồng quản lý. Quyết định của UBND thành lập ban này sẽ được thêm vào phiên bản sửa đổi của thỏa thuận đồng quản lý (xem phụ lục 4).

Dự án GTZ cũng hỗ trợ tăng cường năng lực lãnh đạo đặc biệt về mặt truyền thông, thúc đẩy cuộc họp và quản lý thời gian là tất các kỹ năng cần thiết để thực hiện hiệu quả thỏa thuận. Điều này chủ yếu được thực hiện thông qua công tác tư vấn và đào tạo tại chỗ. Đào tạo chính thức đã được tiến

hành và sẽ tiến hành nếu và khi cần thiết. Hoạt động hiệu quả của nhóm người sử dụng tài nguyên là cần thiết cho việc thực hiện thành công thỏa thuận và thực thi các quy định.

5.4 Giới thiệu bếp lò đun củi tiết kiệm hơn

Trong các cuộc họp thương lượng, có ý kiến cho rằng việc sử dụng các bếp lò đun củi tiết kiệm hơn sẽ làm giảm lượng củi khô thu nhật từ rừng. Đại đa số các hộ sử dụng các lò đun củi ba chân (Hình 33) không hiệu quả vì bếp không hoàn toàn kín và mất rất nhiều nhiệt (Nguyễn 2009). Sử dụng ít củi khô hơn có nghĩa là ít tổn hại hơn cho rừng và cải thiện chức năng phòng hộ của rừng. Điều này cũng dẫn đến ít chuyển đi vào rừng hơn, cho người dân thời gian rảnh làm các hoạt động hằng ngày khác cũng như giảm bớt số lượng người đi bộ xuyên qua rừng và do đó gây tổn hại.



Hình 33: Lò ba chân hiện được sử dụng tại Âu Thọ B.

Nhóm người sử dụng tài nguyên yêu cầu dự án GTZ hỗ trợ để giới thiệu bếp lò đun củi tiết kiệm và dự án hiện đang giới thiệu các bếp lò được xây kín nhiều hơn, và tiết kiệm 30-50% vật liệu đốt và thời gian nấu ăn (Trung tâm Dân số, Môi trường và Phát triển 2009). Các bếp lò đang được Trung tâm này là một tổ chức Việt Nam chuyên về bếp lò tiết kiệm giới thiệu.

Nhóm người sử dụng tài nguyên quyết định loại hình bếp lò họ muốn và các tổ đã chọn cùng một loại bếp lò (Hình 34). Đại diện Trung tâm Dân số, Môi trường và Phát triển sau đó huấn luyện các thành viên nhóm người sử dụng tài nguyên cách xây lò để họ có thể tự họ xây bếp lò giống như thế.



Hình 34: Bếp lò đun củi tiết kiệm tại Âu Thọ B.

Các bếp này sau đó được thử nghiệm tại mỗi tổ trong một tháng. Trong khoảng thời gian này các hộ khác trong tổ quan tâm đến việc có bếp lò như thế được xác định. Sau đó các thành viên NSDTN đã được Trung tâm Dân số, Môi trường và Phát triển tập huấn xây lò tiến hành xây tại các hộ quan tâm. Dự án GTZ cung cấp tiền cho chi phí vật liệu của bếp lò và thành viên NSDTN cung cấp lao động để xây lò.

Việc giới thiệu bếp lò để hỗ trợ thành viên NSDTN thì quan trọng không chỉ nhằm giảm sự tiêu thụ củi mà còn được sử dụng như một kích lệ cho NSDTN trong cam kết của nhóm với thỏa thuận sử dụng tài nguyên.

5.5 Bài học kinh nghiệm

1. Việc thực hiện thỏa thuận phải bắt đầu ngay sau khi thỏa thuận được ký kết.
2. Cả hai ranh giới rừng và ranh giới các khu trong rừng phải được đánh dấu và xác định rõ.
3. Truyền thông cần rõ ràng trong phạm vi NSDTN và giữa NSDTN và chính quyền để việc thực thi có hiệu quả.
4. Tập huấn liên tục cần thiết cho lãnh đạo NSDTN để hoạt động của nhóm có hiệu quả.
5. Sự hỗ trợ của dự án cho các sáng kiến bền vững của NSDTN khuyến khích sự cam kết của nhóm với thỏa thuận sử dụng tài nguyên.

6. Giám sát và đánh giá

Giám sát và đánh giá là một nguyên tắc chính của đồng quản lý và là bước thứ tư của quy trình đồng quản lý. Giám sát nói cho chúng ta biết các can thiệp đã thành công hay không. Nó là một quy trình nhằm phát hiện các thay đổi, xây dựng phương hướng thay đổi và đo lường mức độ hay cường độ thay đổi (Schmitt 2009). Các thông tin từ giám sát giúp quyết định xem có cần thương lượng lại hay không các mặt của thỏa thuận sử dụng tài nguyên để đảm bảo tính bền vững của việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ hiệu quả rừng ngập mặn (quản lý thích ứng).

Việc sử dụng tài nguyên và giám sát hoạt động trái phép có sự tham gia hiện đang được áp dụng tại Âu Thọ B.

Chương này mô tả mục tiêu và thực hiện giám sát và đánh giá được tiến hành qua sử dụng phương pháp quản lý thích ứng.

6.1 Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia

Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia bởi chính những người sử dụng tài nguyên đang được tiến hành. Các người sử dụng tài nguyên hoàn thành phiếu giám sát sau mỗi chuyến đi vào rừng và các phiếu được thu lại mỗi tháng và dữ liệu được nhập vào cơ sở dữ liệu. Kết quả giám sát chỉ ra việc tái sinh tự nhiên có thể hỗ trợ bền vững khối lượng thu hoạch hiện tại không (BQL CZM 2008d), và giúp lấy quyết định về việc quản lý và bảo vệ hiệu quả tài nguyên đang được thu nhật đánh bắt. Các điều kiện tiên quyết cần thiết cho một hệ thống giám sát bền vững là: các phiếu dữ liệu để sử dụng, các giao thức rõ ràng để thu thập dữ liệu, nhập dữ liệu đơn giản, chương trình cơ sở dữ liệu để sử dụng và báo cáo thường xuyên các kết quả giám sát cho tất cả các bên liên quan (Schmitt 2009).

6.1.1 Mục tiêu và chỉ số

Mục tiêu của việc giám sát sử dụng tài nguyên là phát hiện, ghi lại và trình bày cho những người sử dụng tài nguyên và chính quyền địa phương dưới một hình thức toàn diện bất kỳ thay đổi và xu hướng về số lượng thu nhật đánh bắt được và nỗ lực cần thiết cho việc thu nhật đánh bắt trong các khu khác nhau của rừng ngập mặn Âu Thọ B (Schmitt 2009).

Chương trình giám sát sử dụng hai chỉ số¹⁷ để giám sát việc tuân thủ thỏa thuận đồng quản lý và tính bền vững của việc thu hoạch tài nguyên (nguồn lợi). Các chỉ số được sử dụng và ví dụ về việc áp dụng chúng được trình bày trong hộp dưới đây.

Chỉ số

Hai chỉ số cần thiết để giám sát tác động thu hoạch trên cơ sở tài nguyên (nguồn lợi):

- (1) số lượng nguồn lợi thu hoạch được, và
- (2) nỗ lực cần thiết cho việc thu hoạch một số lượng xác định.

Nếu số lượng thu hoạch được hằng tháng ít nhiều không thay đổi theo thời gian (hay theo sát mẫu hình thu hoạch theo mùa vụ), người ta có thể kết luận rằng việc tái sinh tự nhiên đủ để hỗ trợ khối lượng thu hoạch hiện tại. Nếu cùng lúc nỗ lực để thu hoạch một số lượng nhất định (nghĩa là thời gian cần thiết) tăng một cách đáng kể, điều này có thể chỉ ra rằng việc tái sinh tự nhiên không hỗ trợ khối lượng thu hoạch hiện tại và việc thu hoạch tài nguyên (nguồn lợi) do đó không bền vững. Nói cách khác, nếu cùng một số lượng tài nguyên (nguồn lợi) cần nhiều thời gian hơn để thu hoạch, điều này chỉ ra có sự suy giảm nguồn lợi đó; nếu cùng một số lượng nguồn lợi mất ít thời gian hơn để thu hoạch, điều này chỉ ra có sự gia tăng. Thông tin thu thập được từ công việc giám sát tạo điều kiện lấy quyết định cho việc quản lý và bảo vệ hiệu quả tài nguyên (nguồn lợi) đang được thu hoạch. (Schmitt 2009)

6.1.2 Giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia trong thực tiễn

Khái niệm giám sát sử dụng tài nguyên có sự tham gia được giới thiệu với các nhóm, tổ trưởng NSDTN và chính quyền địa phương trong các cuộc họp thương lượng, được đồng ý và lồng ghép vào thỏa thuận của người sử dụng tài nguyên. Thỏa thuận quy định việc giám sát sử dụng tài nguyên phải được tiến hành liên tục với mỗi hộ giữ một bản ghi chép chi tiết về thời gian vào rừng và số lượng tài nguyên khai thác của từng thành viên của hộ mỗi khi vào rừng (NSDTN 2009). Đối

¹⁷ Các chỉ số cung cấp thước đo mật độ tương đối. Chúng có thể được sử dụng trong so sánh đối với giám sát mà không cần dữ liệu gốc tồn kém. Chỉ số có thể được tính toán qua sử dụng dữ liệu không quy chiếu địa lý (Schmitt 2009).

với việc giám sát sử dụng tài nguyên do thành viên NSDTN tiến hành, một phiếu dữ liệu đơn giản để sử dụng đã được phát triển.

Phát triển phiếu dữ liệu giám sát

Dự án GTZ đầu tiên hỗ trợ NSDTN phát triển phiếu giám sát đối với dữ liệu sử dụng tài nguyên. Phiếu giám sát do các nhóm, tổ trưởng NSDTN phối hợp với dự án và chính quyền địa phương cùng thiết kế thông qua một số cuộc họp. Cuộc họp đầu tiên thảo luận dữ liệu nào nên ở đâu trên phiếu để cho các thành viên NSDTN dễ dàng theo dõi và điền vào (Hình 35).

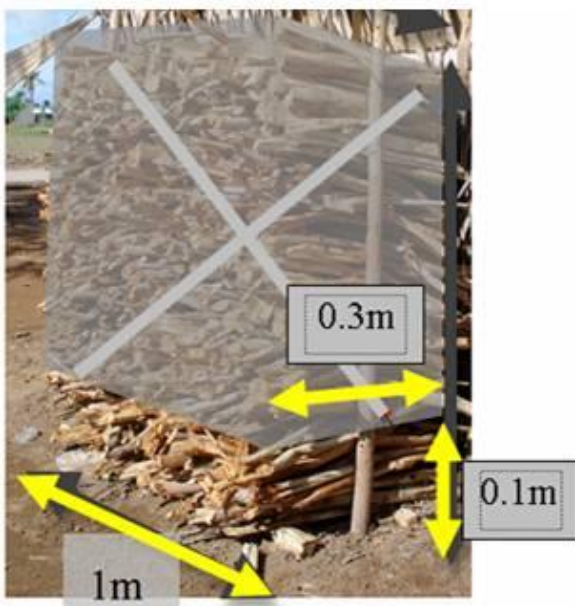


Hình 35: Phát triển phiếu dữ liệu giám sát.

Các nhóm, tổ trưởng NSDTN xem việc minh họa với tranh ảnh trên phiếu trình bày các nguồn tài nguyên được thu nhặt đánh bắt là đặc biệt quan trọng vì nhiều thành viên NSDTN không thể đọc. Giữ những gì cần viết trên phiếu ở mức tối thiểu cũng quan trọng vì nhiều thành viên NSDTN không thể viết. Như vậy phiếu đã được thiết kế sao cho chỉ có các con số và biểu tượng được đưa vào trên phiếu.

Điều quan trọng là các đơn vị cho mỗi loại tài nguyên có thể được đo lường một cách dễ dàng mà không cần đến các công cụ đo lường tinh vi.

Phát triển các đơn vị khá dễ dàng vì nhiều nguồn lợi thủy sinh đặc biệt là cá kèo con, cua con, ba khía, sò và ốc len được bán ra thị trường và do đó thước đo đơn vị được đưa ra và giống nhau. Các đơn vị được sử dụng hoặc là số con, hoặc kí lô gam hoặc gam tùy thuộc vào loại tài nguyên ngoại trừ củi khô. Củi khô được đo theo đơn vị 'tác' tương đương với một đồng củi có kích thước 0.3m x 1m x 0.1m (Hình 36). Củi được mua và bán sử dụng thước đo đơn vị này. Tất cả các đơn vị tài nguyên (nguồn lợi) được bao gồm trên phiếu giám sát. Các nguồn lợi thủy sinh được bán cho người trung gian (thương lái) được tính theo trọng lượng. Trọng lượng này sau đó được ghi lại trên phiếu dữ liệu.



Phiếu giám sát do dự án GTZ thiết kế được thống nhất và việc sử dụng phiếu được thử nghiệm với năm hộ thành viên NSDTN. Chi tiết về cách sử dụng các phiếu do nhóm trưởng NSDTN và dự án GTZ hướng dẫn cho các hộ gia đình thử nghiệm. Các kết quả từ phiếu dữ liệu thử nghiệm và các cuộc thảo luận với các thành viên tham gia vào việc thử nghiệm cho thấy phiếu được thiết kế dễ sử dụng và chỉ cần một vài cải tiến nhỏ. Phiếu dữ liệu sau đó được hoàn thành (Hình 37).

Hình 36: Một 'tác' củi khô (phóng theo từ ảnh của Nguyễn Dũng 2009).

Phiếu giám sát cộng đồng rừng ngập mặn ấp Ấu Thọ B សិប្បកម្មសហគមន៍ក្រៅកម្រិតបណ្តុះបណ្តាល		Số tổ người sử dụng tài nguyên ចំនួនក្រុមប្រើធនធាន		Tháng/ Năm 19/9/1		Mã hiệu (do Kiểm Lâm ghi vào) ៧៩៣ (ពាក្យសម្រាប់ត្រួតពិនិត្យ)					
Số thẻ thành viên người sử dụng (ដើម្បីសម្រាប់ត្រួតពិនិត្យ)	Thời gian * លាន	1 Củ khô ខ្នុរស្ងាត់	2 Cua con ក្របីតូច(ចំនួន)	3 Ba khía ប្រដី (ដើម្បីត្រួតពិនិត្យ)	4 Ốc len ឡូតែ(គ.ត)	5 Sò huyết ស្រី (គ.ត)	6 Cá kèo con ត្រីក្របី (គ.ត)	7 Cá thối lòi ត្រី (គ.ត)	8 Rắn biển រាវ(ចំនួន)	9 Chuồn ក្រណាត់(គ.ត)	
		Tắc	số con	kilogram (kg)	kilogram (kg)	kilogram (kg)	gram (g)	kilogram (kg)	số con	kilogram (kg)	
Số lượng ចំនួន	Khu vực	Số lượng ចំនួន	Khu vực	Số lượng ចំនួន	Khu vực	Số lượng ចំនួន	Khu vực	Số lượng ចំនួន	Khu vực	Số lượng ចំនួន	Khu vực
* Thời gian (00): < >	ít hơn 2 tiếng តិចជាង២ម៉ោង nhiều hơn 2 tiếng ច្រើនជាង២ម៉ោង		** Khu: 1 2 3		1 Khu sử dụng bên vững 2 Khu khôi phục bên ngoài 3 Khu khôi phục bên trong		Xem giải thích đơn vị tính của tài nguyên trong số tay hướng dẫn មើលការបញ្ជាក់របស់គណនាខាងលើក្នុងសៀវភៅណែនាំ				

Hình 37: Phiếu dữ liệu giám sát sử dụng tài nguyên.

Tập huấn giám sát

Trước khi phiếu giám sát được phân phát cho tất cả thành viên NSDTN, họ cần được tổ trưởng tập huấn về giám sát là gì, tại sao giám sát quan trọng và cách sử dụng phiếu giám sát để dữ liệu thu thập được có ý nghĩa.



Để hỗ trợ các tổ trưởng trong việc cung cấp thông tin được rõ ràng cho các thành viên của họ, dự án GTZ phát triển một sổ tay tập huấn ngắn để sử dụng tại các cuộc họp (Phụ lục 5). Dự án GTZ tập huấn ngắn các tổ trưởng cách sử dụng sổ tay này trước khi họ tập huấn các thành viên của tổ.

Các tổ trưởng tổ chức tập huấn giám sát trong các tổ của họ trong tháng 12/2009 (Hình 38), và sau đó phân phát các phiếu dữ liệu đến từng hộ thành viên NSDTN.

Hình 38: Tập huấn giám sát cho thành viên NSDTN.

Thu thập phiếu dữ liệu giám sát và phản hồi

Các tổ trưởng thu hồi các phiếu giám sát một tháng một lần và sau đó giao cho dự án GTZ để nhập vào cơ sở dữ liệu tạm thời. Dự án sẽ giới thiệu một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu mã nguồn mở để sử dụng trong nửa năm sau của 2010. Việc nhập dữ liệu sẽ do các người sử dụng tài nguyên thực hiện qua việc sử dụng giao diện nhập dữ liệu trên điện thoại di động của họ. Các dữ liệu này sau đó sẽ được tải vào cơ sở dữ liệu trung tâm tại CCKL. Nhập dữ liệu dễ dàng và đơn giản, để sử dụng và

duy trì cơ sở dữ liệu được thiết kế theo nhu cầu khách hàng và làm báo cáo dễ dàng sẽ đảm bảo tính bền vững của giám sát.

Các tổ trưởng sẽ báo cáo lại cho các thành viên NSDTN các kết quả giám sát hàng tháng. Điều rất quan trọng đối với các thành viên NSDTN là cho họ có thể thấy nỗ lực của họ để hoàn thành các phiếu giám sát là hữu ích bởi vì việc phản hồi như thế khuyến khích họ tiếp tục tham gia hoạt động giám sát.

Giám sát cũng được thảo luận trong các cuộc họp hàng tháng của ban đồng quản lý và các kết quả sẽ được sử dụng cho việc lấy quyết định chung và quản lý thích ứng.

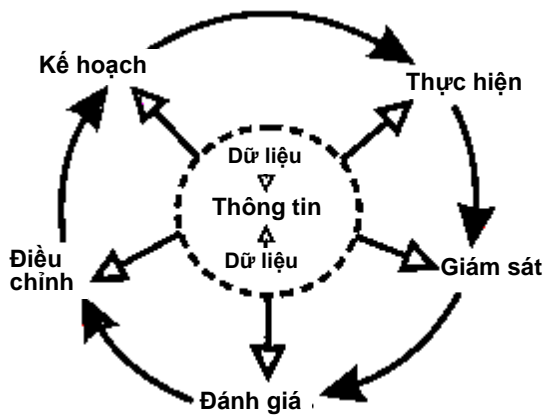
6.2 Giám sát các hoạt động trái phép

Mục tiêu giám sát các hoạt động trái phép là phát hiện và báo cáo chúng để có hành động đối phó. Thỏa thuận của các người sử dụng tài nguyên yêu cầu NSDTN họ phải quan sát khi thu nhật đánh bắt tài nguyên và báo cáo cho nhóm trưởng, tổ trưởng NSDTN và chính quyền (NSDTN 2009).

Một báo cáo về các hoạt động trái phép cùng với các khuyến nghị làm thế nào để ngăn chặn chúng trong tương lai do các tổ trưởng nộp cho nhóm trưởng hàng tháng (NSDTN 2009) và cũng được thảo luận tại các cuộc họp hàng tháng của đồng quản lý. Từ báo cáo này có thể giám sát số lượng hoạt động trái phép và điều này sẽ là một chỉ báo về tính hiệu lực của các biện pháp thực thi. Dự án GTZ đã phối hợp với các tổ trưởng cùng phát triển mẫu phiếu báo cáo đơn giản về các hoạt động trái phép để làm cho việc báo cáo càng dễ dàng càng tốt.

6.3 Đánh giá và quản lý thích ứng

Đánh giá là một yếu tố không thể thiếu của chu trình tổng thể về quản lý tài nguyên. Chu trình bao gồm lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, đánh giá và điều chỉnh (Hình 39, BPAMP 2005). Chu trình quản lý này dự kiến sự thay đổi của các kế hoạch ban đầu thông qua việc phản hồi từ giám sát và đánh giá và điều chỉnh các kế hoạch ban đầu theo yêu cầu. Quản lý có dự kiến thay đổi, và bao gồm vòng lặp phản hồi và điều chỉnh được gọi là *quản lý thích ứng* (cùng nguồn như trên). Quản lý thích ứng dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu giúp cho việc ra quyết định quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ.



Hình 39: Chu trình quản lý thích ứng

Quy trình quản lý thích ứng đang được sử dụng trong khi thực hiện thỏa thuận. Việc đánh giá tất cả các kết quả giám sát được tiến hành hàng tháng và được báo cáo lại cho các thành viên NSDTN và chính quyền. Một đánh giá hằng năm tất cả dữ liệu giám sát thu thập được cũng sẽ được tiến hành. Các phản hồi phát sinh từ quy trình này sẽ được sử dụng để điều chỉnh thỏa thuận như cần thiết thông qua việc thương lượng lại giữa NSDTN và chính quyền địa phương.

6.4 Bài học kinh nghiệm

1. Các phiếu giám sát phải đơn giản và dễ sử dụng.
2. Các người sử dụng tài nguyên phải hiểu rõ về cách sử dụng các phiếu giám sát.
3. Một hệ thống báo cáo đơn giản cần thiết cho các hoạt động trái phép.
4. Giám sát và đánh giá cần thiết là một phần của quản lý thích ứng để nhận ra và thích ứng với hoàn cảnh đang thay đổi.

Tài liệu tham khảo

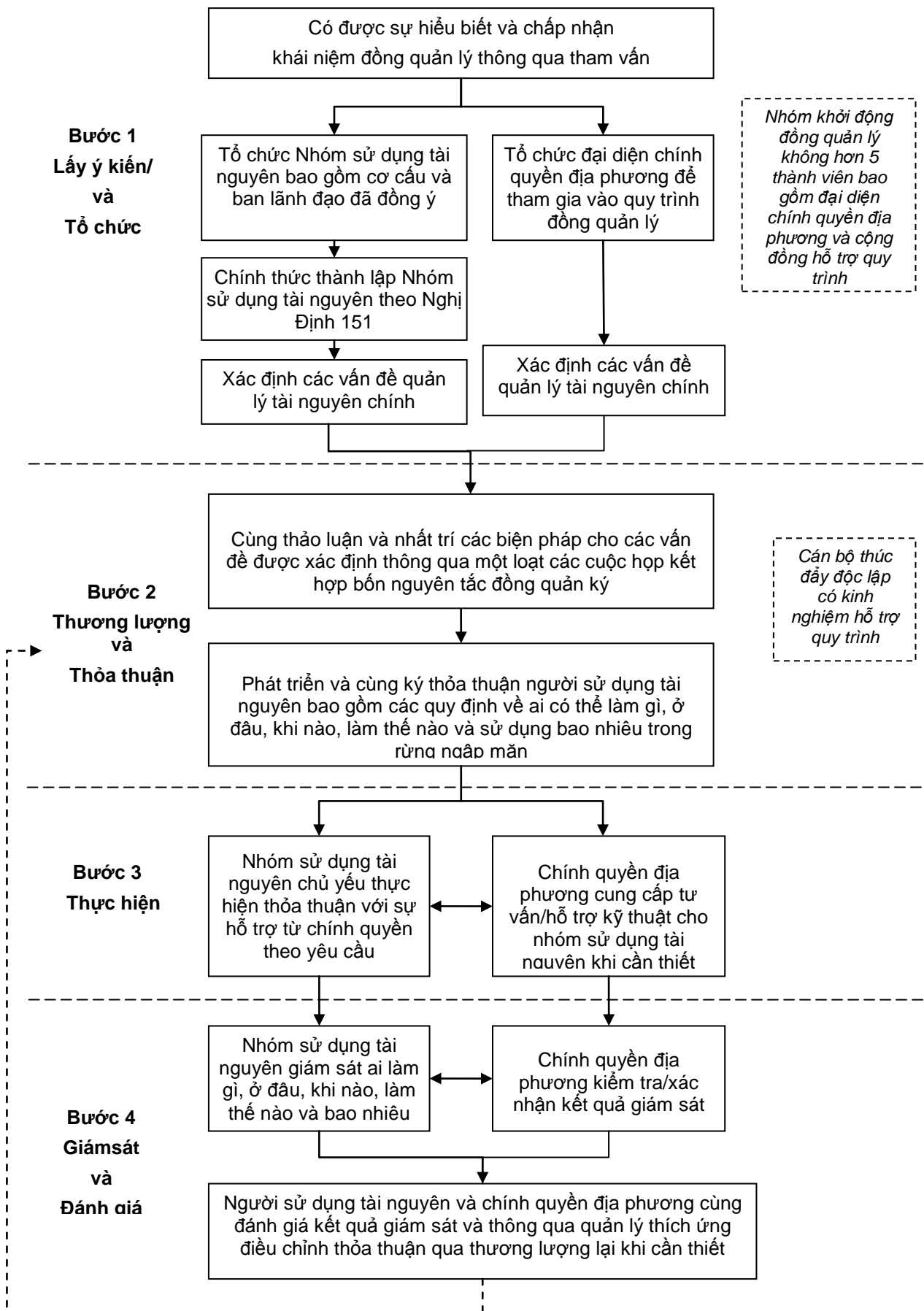
- Borrini-Feyerabend, G. 2000. *Co-management of Natural Resources: Organising, Negotiating and Learning by Doing*, IUCN, Yaoundé, Cameroon. 79 pp.
- Borrini-Feyerabend G., M. Pimbert, M.T. Farvar, A. Kothari & Y. Renard 2004. *Sharing Power: Learning-by-Doing in Co-Management of Natural Resources Throughout the World*. IIED, IUCN-CEESP-CMWG, Cenesta, Tehran.
- BPAMP 2005. *Participatory Development of Management Plans for Protected Areas in Cambodia*. Biodiversity and Protected Area Management Project. Department of Nature Conservation and Protection. Ministry of Environment, Phnom Penh, Cambodia. 55 pp.
- CWPDP 1999. *Draft Resettlement Action Plan*. Coastal Wetlands Protection and Development Project. World Bank and Socialist Republic of Vietnam, Vietnam. 164 pp.
- CWPDP 2007. *Project Completion Report*. Coastal Wetlands Protection and Development Project. World Bank and Socialist Republic of Vietnam, Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 128 pp.
- Dang, T L. 2008. *Process and Results of Participatory Land Use Mapping in Au Tho B*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 10 pp.
- DARD 2007. *Planning Project on Changing Production Structure and Development of Rural Agriculture in Vinh Chau Towards 2015 with a Vision to 2020*. Department of Agriculture and Rural Development. Vinh Chau, Soc Trang Province, Vietnam. 99 pp.
- DoNRE 2009. *Reports on villages' boundaries*. Vinh Chau Department of Natural Resources and Environment.
- Eucker, D 2009. *Project Analysis and Impact Monitoring*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 47 pp.
- FPSD 2009. *Investigation for Forest Change*. Soc Trang Sub-department of Forest Protection, Soc Trang, Vietnam.
- GoV 1999. The Prime Minister of Government. *Decision No. 116/1999/QĐ-TTg of May 3, 1999 Ratifying the Zoning Plan for Restoration of Submerged Forests (Project Area) in Ca Mau, Bac Lieu, Soc Trang and Tra Vinh Provinces*. Government of Vietnam, Hanoi, Vietnam. 3 pp.
- GoV 2003. The National Assembly. *Law on Fisheries (No: 17/2003/QH11)*. Government of Vietnam. Hanoi, Vietnam. 22 pp.
- GoV 2007. The Government. *Decree No. 151/2007/ND-CP of October 10, 2007, on the Organization and Operation of Cooperative Groups*. Government of Vietnam. Hanoi, Vietnam. 6 pp.
- GTZCZM Website 2010. *GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province Website: <http://czm-soctrang.org.vn/en>*. Accessed on 15 February 2010.
- Joffre, O and Luu, H T. 2007. *A Baseline Survey in the Coastal Zone of Soc Trang Province Livelihood Assessment and Stakeholders Analysis*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 93 pp.
- Joffre, O and Schmitt, K. 2010. *Community Livelihood and patterns of natural resources uses in the shrimp-farm impacted Mekong Delta*. *Aquaculture Research*, 41(12):1855 - 1866
- MARD 2007. *Decree No. 151/2007/ND-CP October 10, 2007, on the Organisation and Operation of Cooperative Groups (NGHỊ ĐỊNH VỀ tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác)*. - Minister of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam. 6 pp.
- Nguyen, D. 2009. *Results of Stove Survey*. Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam (unpublished). 5 pp.
- PED 2009. *Training Document for Building Improved Cookstoves*. Centre for Population Environment and Development. Enabling Access to Sustainable Energy Program, Hanoi, Vietnam. 35 pp.
- Phan T.G., Hoang H.C., Nguyen Q.B., Nguyen T.K. 2009. *Final Report - Training Workshop on Communication and Natural Resource Co-management*. Department of Social Forestry and Agroforestry, Nong Lam University, Ho Chi Minh City, Vietnam. 28 pp.

- PMU CZM 2008a. *Fact Sheet: Soc Trang Province*. Project Management Unit. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam (<http://czm-soctrang.org.vn/en/Publications.aspx> Accessed on 5 March 2010).
- PMU CZM 2008b. *Study visit on "Co-management of Mangrove Forest Resources" in Koh Kong Province, Cambodia*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam.
- PMU CZM 2008c. *Report on Results of Activity CZM 0061 Implementation*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 2pp.
- PMU CZM 2008d. *Fact Sheet: Monitoring*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam (<http://czm-soctrang.org.vn/en/Publications.aspx> Accessed on 8 March 2010).
- Pommeroy, R. 2009. *Conditions for Successful Fisheries and Coastal Resources Co-management: Lessons Learned in Asia, Africa and the Wider Caribbean*. Department of Agricultural and Resource Economics/CT Sea Grant, University of Connecticut, USA. 13 pp.
- Primmer, R. 2007. *Report on the Workshop for the Introduction to the Concept of Co-management*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 40 pp.
- RUG 2009. Au Tho B Resource Users Group. *Regulations on Co-operation*. The Natural Resource Users' Co-management Group, Au Tho B Village, Vinh Hai Commune, Vinh Chau District, Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 7 pp.
- Schmitt, K. 2009. *Protection and sustainable use of coastal wetlands through co-management and mangrove rehabilitation with emphasis on resilience to climate change*. GTZ Project Management of Natural Resources in the Coastal Zone of Soc Trang Province. Soc Trang, Vietnam. 15 pp.
- Shepherd, G. 2004. *The Ecosystem Approach: Five Steps to Implementation*. IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK. 30 pp.
- Sub-DECAFIREP 2009. *Investigation and Assessment on Volume and Seasonal Time of Juvenile Clams in Soc Trang Province*. Soc Trang Sub-department of Captive Fisheries and Resource Protection, Soc Trang, Vietnam.
- Swan, S. 2009. *Co-management: Concepts and Practices in Vietnam*. Report to the GTZ Nature Conservation and Sustainable Management of Natural Resources in the Phong Nha-Ke Bang National Park Region Project. 15 pp.

Phụ lục 1 **Biểu đồ quy trình đồng quản lý**

Người sử dụng tài nguyên

Chính quyền địa phương



Phụ lục 2 Bảng câu hỏi về sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại Âu Thọ B

BẢNG CÂU HỎI CHO NGƯỜI SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

Khu vực tổ

ÁP ÂU THỌ B

1. **Loại hộ theo giàu nghèo:** Rất nghèo Nghèo (đánh dấu theo xếp loại giàu nghèo của dự án)
2. **Quan hệ gia đình của người được phỏng vấn:** Cha Mẹ Con trai Con gái Người khác (ghi rõ là ai) Tuổi...
3. **Số khẩu trong hộ:** 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4. **Dân tộc:** Việt Khmer Hoa
5. **Nghề nghiệp của chủ hộ:**
6. **Ước tính thu nhập năm của hộ:**
7. **Xin cho biết có ai trong hộ vào rừng ngập mặn để thu nhặt tài nguyên không?**
Có Không
8. **Nếu có, xin cho biết có bao nhiêu người trong hộ thu nhặt tài nguyên trong rừng ngập mặn?**
1 2 3 4 5 6 7 8

VUI LÒNG ĐIỀN CÂU TRẢ LỜI CHO CÂU HỎI 9-15 VÀO BẢNG 1 KÈM THEO

9. **Xin cho biết loại tài nguyên nào các thành viên trong gia đình thu nhặt trong rừng ngập mặn?**
10. **Xin cho biết trong khu vực nào mỗi loại tài nguyên thu nhặt được trong rừng ngập mặn, đi bằng đường nào để thu nhặt mỗi loại tài nguyên, và chất lượng/số lượng tài nguyên riêng biệt trong mỗi khu vực tài nguyên?**
11. **Xin cho biết phương pháp thu nhặt mỗi loại tài nguyên trong rừng ngập mặn?**
12. **Xin cho biết các tháng mà mỗi loại tài nguyên thu nhặt được trong rừng ngập mặn?**
13. **Xin cho biết số lượng hàng ngày ước chừng của mỗi loại tài nguyên thu nhặt được trong rừng ngập mặn?**
14. **Xin cho biết tài nguyên thu nhặt được trong rừng ngập mặn, chủ yếu để gia đình tiêu dùng hay bán?**
15. **Xin cho biết nếu tài nguyên thu nhặt được trong rừng ngập mặn để bán, thì bán được ước chừng bao nhiêu tiền?**
16. **Xin vui lòng cho biết củi lượm được trong rừng ngập mặn được dùng làm gì? Củi đốt Khác (nếu khác, xin mô tả)**
17. **Xin cho biết có ai trong hộ đi ra bãi bồi đánh bắt nguồn lợi không?**
Có Không
18. **Nếu có, xin cho biết có bao nhiêu người trong hộ đánh bắt nguồn lợi trên bãi bồi?**
1 2 3 4 5 6 7 8

VUI LÒNG ĐIỀN CÂU TRẢ LỜI CHO CÂU HỎI 19 - 25 VÀO BẢNG 2 KÈM THEO

19. **Xin cho biết nguồn lợi nào các thành viên trong gia đình đánh bắt trên bãi bồi?**
20. **Xin cho biết trong khu vực nào mỗi loại nguồn lợi đánh bắt được trên bãi bồi, đi bằng đường nào để đánh bắt mỗi loại nguồn lợi, và chất lượng/số lượng của nguồn lợi riêng biệt trong mỗi khu vực nguồn lợi?**
21. **Xin cho biết phương pháp đánh bắt mỗi loại nguồn lợi trên bãi bồi?**
22. **Xin cho biết các tháng đánh bắt mỗi loại nguồn lợi trên bãi bồi?**
23. **Xin cho biết số lượng hàng ngày ước chừng của mỗi loại nguồn lợi đánh bắt được trên bãi bồi?**
24. **Xin cho biết nguồn lợi thủy sản đánh bắt được trên bãi bồi, chủ yếu để gia đình tiêu dùng hay bán?**
25. **Xin cho biết nếu nguồn lợi đánh bắt được trên bãi bồi để bán, thì bán được ước chừng bao nhiêu tiền?**

Bảng 1 – Thu nhặt tài nguyên trong RỪNG NGẬP MẶN

Tên tài nguyên thu nhặt được (viết tên tài nguyên thu nhặt được)	Khu vực thu nhặt (mô tả khu vực thu nhặt, sử dụng bản đồ như hướng dẫn tham khảo, xác định đường đi thu nhặt trên bản đồ và có được sự biểu thị về số lượng và chất lượng của tài nguyên trong khu vực này và gạch dưới tính chất thích hợp)	Phương pháp thu nhặt/ (mô tả phương pháp thu nhặt; phương pháp có thể bao gồm lưới, lưới đăng, móc cào, riu, v.v.)	Tháng thu nhặt (viết ra các tháng trong năm khi thu nhặt được tài nguyên)	Số lượng hằng ngày ước chừng thu nhặt được (viết số lượng hằng ngày ước chừng của tài nguyên thu nhặt được với đơn vị đo lường, ví dụ như kí lô, mét, trái, v.v.)	Tài nguyên thu nhặt được có bán không? (đánh dấu vào ô thích hợp)	Giá trị tài nguyên để bán (viết giá trị ước chừng của tài nguyên bán được với đơn vị bán, ví dụ như kí lô, mét, trái, v.v.)
1.	Khu vực: Đường đi thu nhặt: Số lượng tài nguyên: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng tài nguyên: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
2.	Khu vực: Đường đi thu nhặt: Số lượng tài nguyên: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng tài nguyên: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3.	Khu vực: Đường đi thu nhặt: Số lượng tài nguyên: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng tài nguyên: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
4.	Khu vực: Đường đi thu nhặt: Số lượng tài nguyên: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng tài nguyên: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	

Bảng 2 – Đánh bắt nguồn lợi trên BÃI BÒI

Tên nguồn lợi đánh bắt được (viết tên nguồn lợi đánh bắt được)	Khu vực đánh bắt (mô tả khu vực đánh bắt, sử dụng bản đồ như hướng dẫn tham khảo, xác định đường đi đánh bắt trên bản đồ và có được sự biểu thị về số lượng và chất lượng của nguồn lợi trong khu vực này và gạch dưới tính chất thích hợp)	Phương pháp đánh bắt (mô tả phương pháp đánh bắt; phương pháp có thể bao gồm lưới, lưới đăng, móc cào, riu, v.v.)	Tháng đánh bắt (viết ra các tháng trong năm khi đánh bắt được nguồn lợi)	Số lượng hằng ngày ước chừng đánh bắt được (viết số lượng hằng ngày ước chừng đánh bắt được với đơn vị đo lường, ví dụ như kí lô, mét, con v.v.)	Nguồn lợi đánh bắt được có bán không? (đánh dấu vào ô thích hợp)	Giá trị nguồn lợi để bán (viết giá trị ước chừng nguồn lợi bán được với đơn vị bán, ví dụ như kí lô, mét, con, v.v.)
1.	Khu vực: Đường đi đánh bắt: Số lượng nguồn lợi: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng nguồn lợi: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
2.	Khu vực: Đường đi đánh bắt: Số lượng nguồn lợi: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng nguồn lợi: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3.	Khu vực: Đường đi đánh bắt: Số lượng nguồn lợi: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng nguồn lợi: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
4.	Khu vực: Đường đi đánh bắt: Số lượng nguồn lợi: khá nhiều/trung bình/ít Chất lượng nguồn lợi: tốt/trung bình/xấu				Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Hải, ngày 01 tháng 01 năm 2009

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

Nhóm Đồng quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên
Áp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;
- Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 9 tháng 7 năm 2008 về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Chúng tôi gồm 240 tổ viên của 6 tổ thuộc Nhóm đồng quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên áp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải cùng nhau cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác của Nhóm đồng quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên áp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu với các nội dung sau:

Điều 1. Tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch của nhóm

1. Tên gọi của tổ hợp tác: **NHÓM ĐỒNG QUẢN LÝ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN ÁP ÂU THỌ B – XÃ VĨNH HẢI**
2. Tên gọi tắt: **NHÓM ĐỒNG QUẢN LÝ ÁP ÂU THỌ B.**
3. Biểu tượng: Chưa xác định.
4. Địa chỉ giao dịch: Nhà sinh hoạt cộng đồng áp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
5. Số điện thoại/fax: Tạm thời sử dụng số máy: 079.3507698

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhóm

2.1/ Mục đích:

Các tổ viên 6 tổ thuộc Nhóm đồng quản lý áp Âu Thọ B sau khi thảo luận, thống nhất đi đến quyết định hợp tác thực hiện các công việc sau:

a) Thực hiện thí điểm mô hình đồng quản lý của cộng đồng những người sử dụng tài nguyên thiên nhiên khu vực ven biển tại ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải trên cơ sở thực thi các thỏa thuận của Nhóm đồng quản lý với chính quyền địa phương;

b) Thực hiện lồng ghép các hoạt động, công việc cụ thể của cộng đồng cùng với sự tài trợ của Chính phủ, chính quyền địa phương và các dự án tài trợ khác để phát triển đời sống, văn hóa, môi trường của cộng đồng và hộ tổ viên;

c) Tham gia các hoạt động trước mắt và lâu dài nhằm hướng tới mục tiêu chung của Nhóm đồng quản lý và chính quyền địa phương là: *Rừng và nguồn lợi thủy sản được quản lý bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý theo quy định của Pháp luật; không còn hộ nghèo, người dân có thu nhập ổn định, trẻ em được học cao hơn, môi trường sạch đẹp, tác hại do thiên tai ít hơn.*

2.2/ Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhóm

- Nhóm được thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, công khai và cùng có lợi;

- Nhóm được tổ chức theo hình thức có nhiều tổ trực thuộc gắn với địa bàn cư trú của các tổ viên; Nhóm được hình thành ban đầu gồm 6 tổ có các tổ trưởng đại diện cho mỗi tổ và bầu chọn 1 người làm Nhóm trưởng;

- Hoạt động chính của nhóm là thực hiện các quy ước, quy chế đồng quản lý của cộng đồng những người sử dụng tài nguyên thiên nhiên khu vực ven biển tại ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải trên cơ sở thực thi các thỏa thuận của Nhóm đồng quản lý với chính quyền địa phương;

- Các nội dung hoạt động thường niên và công việc cụ thể của nhóm được biểu quyết theo nguyên tắc đa số và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật;

Điều 3. Thời hạn hợp đồng hợp tác

Hợp đồng này có hiệu lực 01 (Một) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009, thời hạn hợp đồng hợp tác sẽ được kéo dài trên cơ sở biểu quyết của tổ viên để làm cơ sở xin chứng thực lại.

Điều 4. Tài sản của nhóm

4.1/ Tài sản của nhóm hiện tại (khi mới thành lập) chưa có;

4.2/ Các loại tài sản có được về sau (sau khi thành lập) sẽ được coi là tài sản chung bao gồm:

a) Tài sản (bằng tiền và hiện vật) từ sự đóng góp của tổ viên;

b) Các tài sản của tập thể tổ viên của nhóm cùng tạo lập ra;

c) Các loại tài sản chung của tập thể do được tặng, cho chung; hoặc được các tổ chức, cá nhân tạm giao, tạm cấp cho nhóm;

d) Các loại tài sản khác được hình thành do biểu quyết của tổ viên.

4.3/ Tài sản riêng của hộ tổ viên được trưng dụng, sử dụng trong các hoạt động của nhóm đồng quản lý không phải là tài sản chung.

4.4/ Tài sản của nhóm được quản lý, sử dụng theo quy chế của nhóm đã được đa số tổ viên biểu quyết.

Điều 5. Công tác tài chính, kế toán của nhóm

- Công tác tài chính kế toán hiện nay chưa có quy định cụ thể;

- Nhóm sẽ xây dựng quy chế quản lý tài chính, tài sản chung trên cơ sở được sự biểu quyết của đa số tổ viên; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch để tất cả các tổ viên trong nhóm biết, theo dõi và kiểm tra; hình thức và nội dung báo cáo tài chính do các tổ viên bàn bạc, quyết định;

- Những tài sản chung, những hoạt động tài chính chung của nhóm phải có sổ sách kế toán theo dõi và ghi chép rõ ràng về vốn, và các hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của chính quyền địa phương; hình thức, nội dung công khai hóa quản lý tài chính, tài sản trong nội bộ sẽ được cụ thể hóa trong quy chế của Nhóm.

- Báo cáo hoạt động tài chính của nhóm theo định kỳ 3 tháng 1 lần phải được thông tin cho tổ trưởng các tổ để báo cáo lại với tổ viên và bản báo cáo công khai tài chính phải được niêm yết tại điểm sinh hoạt của tổ, nhóm.

Điều 6. Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ, xử phạt

Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ, xử phạt sẽ được nêu cụ thể trong quy chế của nhóm dựa trên các thỏa thuận của Nhóm đồng quản lý với chính quyền địa phương;

Điều 7. Điều kiện, thủ tục kết nạp tổ viên

- Cá nhân cư trú trong ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải từ đủ 18 tuổi trở lên, không phân biệt dân tộc, giới tính, có năng lực, có sức khỏe lao động, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc khai thác, đánh bắt, sử dụng tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản khu vực ven biển ấp Âu Thọ B nếu tán thành mục đích, nguyên tắc tổ chức, hình thức hoạt động; các điều khoản quy định của nhóm đều có thể gia nhập vào nhóm;

- Để được kết nạp vào nhóm, cá nhân có nguyện vọng phải làm đơn gửi tổ trưởng, trong đó nêu rõ nguyện vọng tham gia và cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác của tổ; tổ trưởng tổ chức họp tổ viên xem xét, biểu quyết và công nhận tổ viên mới khi được tối thiểu 70% tổ viên đồng ý.

Điều 8. Điều kiện, thủ tục ngừng hợp đồng hợp tác với tổ viên

- Tổ viên có thể đề nghị ngừng hợp đồng hợp tác vì nguyện vọng riêng nếu không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các tổ viên khác; các trường hợp khác phải thực hiện đúng theo các nội dung đã thỏa thuận;

- Tổ viên của nhóm có thể bị buộc ngừng hợp đồng hợp tác nếu vi phạm các quy định hợp đồng và quy chế của nhóm;

- Việc ngừng hợp đồng hợp tác đối với tổ viên phải được sự đồng ý của tối thiểu 70% tổ viên của tổ;

- Các trường hợp bất khả kháng khác do hội nghị tổ viên quyết định.

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của tổ viên

9.1/ Quyền của tổ viên:

Mọi tổ viên đều có quyền ngang nhau trong việc tham gia quyết định các công việc của tổ, của nhóm:

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ các hoạt động của nhóm;
- Được quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhóm;
- Được quyền ngừng hợp tác với tổ, nhóm vì nguyện vọng riêng.

9.2/ Nghĩa vụ của tổ viên:

Mọi tổ viên đều có nghĩa vụ như nhau, cùng hợp tác thực hiện các hoạt động của nhóm theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ lẫn nhau và đảm bảo lợi ích chung của tổ, nhóm:

- Chấp hành sự điều hành của tổ, nhóm trong thực hiện các hoạt động, công việc cụ thể do tổ, nhóm giao;

- Tự giác và ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thực thi các quy định, các thỏa thuận của nhóm với chính quyền địa phương;

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của tổ trưởng

10.1/ Quyền của tổ trưởng:

Tổ trưởng do tập thể tổ viên chọn ra là người đại diện cho tổ thực hiện các giao dịch của tổ:

- Được quyền kết nạp tổ viên, ngừng hợp đồng hợp tác với tổ viên theo quyết định của đa số tổ viên;

- Được ủy quyền thực hiện các hình thức, thủ tục về yêu cầu bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ viên khi còn hợp tác; hoặc khi ngừng hợp tác;

- Được quyền can thiệp, bảo vệ quyền và lợi ích của tổ viên trong các tranh chấp giữa tổ viên trong tổ với nhau; và với bên ngoài;

- Đề xuất chỉ định 1 hoặc 2 tổ viên tham gia điều hành, tổ chức thực hiện những công việc cụ thể theo sự biểu quyết của đa số tổ viên trong tổ.

10.2/ Trách nhiệm của tổ trưởng:

Là người đại diện cho tổ thực hiện các giao dịch, đề xuất với nhóm trưởng và chính quyền địa phương trong việc thực thi các thỏa thuận đồng quản lý:

- Điều hành các cuộc họp, sinh hoạt định kỳ của tổ để triển khai thực hiện các hoạt động của tổ, của nhóm theo kế hoạch chung;

- Trực tiếp ghi nhận những phản ánh của tổ viên trong quá trình thực hiện các công việc của tổ, của nhóm theo kế hoạch điều hành của nhóm;

- Truyền đạt thông tin về các hoạt động của nhóm đồng quản lý cho tổ viên biết và phổ biến cách thức, hướng dẫn công việc cho tổ viên thực hiện;

- Tổ chức thực hiện và điều hành các hoạt động của tổ theo đề xuất của tổ viên mà không trái với các thỏa thuận và quy chế của nhóm.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của nhóm trưởng

11.1/ Quyền của nhóm trưởng:

Nhóm trưởng do tập thể tổ trưởng bầu chọn ra trong các tổ trưởng; là người đại diện cho Nhóm thực hiện các quyền giao dịch, quyết định:

- Ký kết các hợp đồng dân sự, các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong khuôn khổ quy định của pháp luật;

- Là người đại diện mở tài khoản riêng tại ngân hàng theo quy định của pháp luật và theo cơ chế người đại diện được ghi trong hợp đồng hợp tác;

- Quyết định việc phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý các khoản lỗ của nhóm trên cơ sở quy chế của nhóm;

- Quyết định thực hiện, hoặc ủy quyền cho các tổ trưởng thực hiện các hình thức, thủ tục về kết nạp tổ viên, ngừng hợp đồng hợp tác với tổ viên theo quyết định của đa số tổ viên; thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ viên khi còn hợp tác; hoặc khi ngừng hợp tác;

- Được quyền can thiệp, giải quyết các tranh chấp nội bộ; là người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của tổ viên trong các tranh chấp giữa tổ viên trong tổ với nhau; và với bên ngoài.

11.2/ Trách nhiệm của nhóm trưởng:

Là người đại diện và chịu trách nhiệm chính về các hoạt động của nhóm và tổ viên:

- Thương lượng, xác lập các giao dịch dân sự vì mục đích hoạt động của nhóm với các tổ chức, cá nhân và chính quyền địa phương trong việc thực thi các thỏa thuận đồng quản lý;

- Tham dự điều hành cuộc họp các tổ trưởng định kỳ; triển khai thực hiện các hoạt động của nhóm theo kế hoạch chung;

- Trực tiếp ghi nhận những phản ánh của các tổ trong quá trình thực hiện các công việc của tổ, của nhóm theo kế hoạch điều hành của nhóm;

- Truyền đạt thông tin về các hoạt động của nhóm đồng quản lý cho các tổ trưởng biết để phổ biến cho tổ viên;

- Tổ chức thực hiện và điều hành các hoạt động của nhóm theo đề xuất chung mà không trái với các thỏa thuận và quy chế của nhóm.

- Giúp việc cho nhóm trưởng trong điều hành các hoạt động, công việc cụ thể của nhóm có một số thành viên là tổ viên được chỉ định; những thành viên giúp việc cho nhóm trưởng phải được đa số các tổ trưởng đồng ý.

Điều 12. Điều kiện chấm dứt hợp đồng của nhóm

Hợp đồng hợp tác chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Các tổ viên thỏa thuận chấm dứt, ngừng hợp đồng hợp tác;

- Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác mà chưa được chứng thực lại;

- Chuyển đổi quy mô, nội dung, hình thức hoạt động trái với quy định;

- Tổ hợp tác chấm dứt theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những trường hợp do pháp luật quy định.

Điều 13. Quy định phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ

13.1/ Giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với tổ viên

- Tổ viên khi ngừng hợp đồng hợp tác có quyền yêu cầu nhận lại tài sản mà mình đã đóng góp vào tổ, nhóm; được chia phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của tổ hợp tác, trừ tài sản không chia đã được thỏa thuận của đa số tổ viên. Nếu việc phân chia tài sản bằng hiện vật làm ảnh hưởng đến việc tiếp tục hoạt động của tổ thì tài sản được trị giá bằng tiền để chia;

- Khi ra khỏi tổ hợp tác, tổ viên phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với tổ, nhóm theo thỏa thuận.

13.2/ Giải quyết tranh chấp trong nội bộ

Tranh chấp giữa các tổ viên trong phạm vi của hợp đồng hợp tác được tiến hành hoà giải tại tổ trên cơ sở ý kiến đồng thuận của đa số tổ viên trong tổ; trường hợp không hoà giải được thì tranh chấp đó được giải quyết thông qua cộng đồng thôn, bản, tổ hòa giải cấp xã hoặc khởi kiện ra toà án.

13.3/ Giải quyết tranh chấp giữa các tổ, giữa nhóm với bên ngoài

- Tranh chấp giữa các tổ trong nhóm được tiến hành thông qua hình thức hòa giải và thỏa thuận chung giữa các bên, trường hợp cần thiết Trưởng nhóm triệu tập họp lấy ý kiến và biểu quyết đa số các tổ trưởng trong nhóm để Trưởng nhóm quyết định. Trường hợp các bên không đồng ý cách giải quyết đó thì được quyền đề xuất chính quyền giải quyết hoặc khởi kiện ra toà án.

- Tranh chấp giữa các tổ, giữa nhóm đồng quản lý với các cá nhân, tổ chức khác thì tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các thoả thuận khác của nhóm

(Không có)

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng hợp tác này đã được thông qua tại cuộc họp toàn thể tổ viên của nhóm ngày 18 tháng 01 năm 2009.

2. Các tổ viên của tổ có trách nhiệm thi hành Hợp đồng hợp tác này.

3. Mọi sự thay đổi hợp đồng hợp tác này phải được tối thiểu 70% tổ viên của nhóm thống nhất thông qua.

4. Chúng tôi, gồm tất cả tổ viên của 6 tổ thuộc Nhóm đồng quản lý tài nguyên thiên nhiên ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải (có danh sách kèm theo) đều thống nhất ký tên (hoặc điểm chỉ) vào Hợp đồng hợp tác này./.

CHỨNG THỰC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Vĩnh Hải, ngày 20 tháng 01 năm 2009

Chứng thực Hợp đồng hợp tác của Nhóm đồng quản lý ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật về Tổ hợp tác

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH HẢI

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hoàng Nhị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG THỰC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải.

Tôi tên là: THẠCH SOAL.

Giới tính: Nam.

Sinh ngày tháng 10 năm 1946.

Dân tộc: Khmer.

Chứng minh nhân dân số: 365000000

Ngày cấp 12/12/2002.

Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 123, ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 123, ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Số điện thoại/fax: Không có.

Là Nhóm trưởng(đại diện cho) Nhóm Đồng quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên Ấp Âu Thọ B đề nghị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải chứng thực Hợp đồng hợp tác của Nhóm đồng quản lý ấp Âu Thọ B chúng tôi được gửi kèm theo.

Kính đề nghị./.

Vĩnh Hải, ngày 01 tháng 01 năm 2009

NHÓM TRƯỞNG

(Ký tên)

THẠCH SOAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đồng quản lý bảo vệ rừng, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của Nhóm đồng quản lý tại vùng ven biển ấp Ấu Thọ B, xã Vĩnh Hải

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Trong khuôn khổ thực hiện Dự án Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên tại tỉnh Sóc Trăng;

Trên cơ sở Hợp đồng hợp tác của Nhóm đồng quản lý ấp Ấu Thọ B đã được UBND xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu chứng thực ngày 20 tháng 01 năm 2009. Qua quá trình thương lượng với sự đồng thuận từ phía chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan; Nhóm đồng quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên ấp Ấu Thọ B, xã Vĩnh Hải (sau đây gọi tắt là Nhóm Đồng quản lý) xây dựng và ban hành quy chế đồng quản lý về quản lý bảo vệ rừng, khai thác sử dụng các nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên tại vùng ven biển ấp Ấu Thọ B, xã Vĩnh Hải với những điều khoản như sau:

CHƯƠNG 1

MỤC TIÊU

Điều 1: Để thực hiện mô hình Đồng quản lý bảo vệ rừng và khai thác hợp lý, bền vững các nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên vùng ven biển ấp Ấu Thọ B theo đúng mục tiêu đề ra trong Hợp đồng hợp tác của Nhóm Đồng quản lý là: *“Rừng và nguồn lợi thủy sản được quản lý bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý theo quy định của Pháp luật; không còn hộ nghèo, người dân có thu nhập ổn định, trẻ em được học cao hơn, môi trường sạch đẹp, tác hại do thiên tai ít hơn”*.

Điều 2: Các quy định của bản quy chế này được thực hiện nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa người sử dụng tài nguyên với chính quyền địa phương và các tổ chức khác có liên quan để góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của người dân tại vùng ven biển ấp Ấu Thọ B.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 3: Quy chế này được áp dụng cho khu vực rừng ngập mặn ven biển, và khu bãi bồi rộng 500m về phía Biển Đông để trồng rừng lán biển thuộc ấp Ấu Thọ B có ranh giới phía Tây giáp xã Lạc Hòa; phía Đông giáp ấp Ấu Thọ A, xã Vĩnh Hải.

Điều 4: Các nguồn lợi được nói đến trong quy chế này bao gồm củi, các loài thủy sản như: tôm, cua, cá, tép, nghêu, sò huyết, ba khía và các loài hải sản khác... có từ rừng, đất bãi bồi ven biển và biển trong khu vực ấp Ấu Thọ B.

Điều 5: Tất cả các thành viên trong Nhóm Đồng quản lý, các tổ chức cá nhân từ nơi khác đến, cộng đồng dân cư ấp Ấu Thọ B phải chấp hành thực hiện các quy định tại bản quy chế này.

CHƯƠNG 3

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 6: Ranh giới quản lý của Nhóm Đồng quản lý ấp Ấu Thọ B được thể hiện rõ trên bản đồ hoặc được đóng cột mốc ngoài thực địa, do người dân ấp Ấu Thọ B thực hiện dưới sự hướng dẫn của chính quyền địa phương. Những người không phải thành viên của nhóm hoặc thành viên của Nhóm Đồng quản lý ấp Ấu Thọ B chỉ được sử dụng 4 đường đi sẵn có để đi ra biển, bãi bồi ven biển.

Điều 7: Tất cả thành viên trong hộ của Nhóm Đồng quản lý ấp Ấu Thọ B được cấp thẻ để phân biệt với người ngoài nhóm. Thành viên từ đủ 16 tuổi trở lên sẽ được cấp thẻ chính (màu xanh

duong) để vào rừng. Trẻ em nhỏ từ đủ 7 tuổi đến dưới 16 tuổi sẽ được cấp thẻ phụ (màu xanh lá); cha mẹ của các em có trách nhiệm giữ những thẻ phụ này và chỉ đưa cho con em mình khi cho phép chúng vào rừng.

Thẻ cấp cho thành viên trong nhóm do chủ hộ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, không được đưa cho người khác. Trong trường hợp mất thẻ, chủ hộ thành viên phải kịp thời trình báo với người có trách nhiệm và đăng ký làm lại thẻ mới. Chỉ những thành viên trong Nhóm Đồng quản lý có thẻ thành viên mới được phép vào rừng để thu lượm củi và đánh bắt thủy sản thông qua 4 đường đi sẵn có đảm bảo đúng quy định trong quy chế này.

Điều 8: Tất cả thành viên của Nhóm Đồng quản lý phải có trách nhiệm tham gia vào việc quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên tại vùng ven biển ấp Âu Thọ B, theo dõi và báo cáo với chính quyền địa phương các hoạt động vi phạm quy chế này.

CHƯƠNG 4

QUẢN LÝ NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Điều 9: Khu vực áp dụng của quy chế này được chia ra thành bốn khu chức năng, được thể hiện rõ trên bản đồ kèm theo bản quy chế này gồm:

1. Khu phòng hộ: Là khu rừng được, được xác lập nhằm để bảo vệ tốt cho các loài thủy sản có nơi trú ngụ, và sinh sản tự nhiên, duy trì tính đa dạng của hệ sinh thái rừng ngập mặn, có diện tích 12 ha phân bố ở tổ 3 và tổ 4.

2. Khu phục hồi bên trong rừng: Là 1 phần của đai rừng bên trong, nơi có mật độ thưa, đang được trồng thêm rừng để ngăn cản sóng và làm nơi trú ẩn của sinh vật biển, có diện tích 22 ha phân bố ở tổ 4.

3. Khu phục hồi bên ngoài rừng: Là khu rừng mới trồng bên ngoài, có bề rộng 90 mét tính từ đai rừng lớn trở ra biển, được xác lập nhằm tăng cường bề rộng đai rừng, để ngăn cản sóng biển và che chở cho các loài sinh vật biển. Diện tích 26,5 ha phân bố trên các tổ 1,2,3,4.

4. Khu sử dụng bền vững: Là phần đai rừng bên trong, nơi có nhiều cây rừng đã phát triển rậm rạp, có thể cung cấp tài nguyên cho con người, nếu được sử dụng bền vững. có diện tích 34 ha phân bố ở tổ 1 và 2.

Điều 10: Quy định về những việc được phép, và cấm không được phép làm đối với từng khu vực rừng như sau:

a) Khu phòng hộ:

Khu phòng hộ	Cấm:
	<ul style="list-style-type: none"> - Người không được giao quyền vào rừng - Tất cả các hoạt động khác (ngoài việc tuần tra của những người có trách nhiệm)
	Được phép:
	<ul style="list-style-type: none"> - Đi tuần tra (khi được trao quyền) để ngăn ngừa người vào rừng trái phép

b) Khu phục hồi bên trong rừng:

Khu phục hồi bên trong rừng	Cấm:
	<ul style="list-style-type: none"> - Người ngoài nhóm vào - Mang và sử dụng dao, búa, cưa vào rừng - Sử dụng len, cuốc đào bới đất rừng và cây rừng. - Làm tổn hại cây con - Sử dụng dụng cụ đánh bắt bằng điện và hóa chất - Dùng vợt lưới có đường kính lớn hơn 50cm - Lượm củi khô vào các tháng 2, 4, 6, 8, 10, 12

	<p>Được phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thành viên của nhóm mới được vào đánh bắt - Bắt ba khía, cua và ốc khi nước lớn và ròng - Bắt cua con và cá kèo con khi nước ròng - Đánh bắt bằng tay hoặc dùng vợt có đường kính nhỏ hơn 50cm. - Sử dụng móc để bắt cua - Nhặt cành, nhánh, củi khô bằng tay vào các tháng 1, 3, 5, 7, 9, 11
--	---

c) Khu phục hồi bên ngoài rừng:

Khu phục hồi bên ngoài rừng	<p>Cấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người ngoài nhóm vào - Đi vào rừng khi mặt bùn chưa lộ rõ - Làm tổn hại cây con - Sử dụng hóa chất và các dụng cụ đánh bắt bằng điện - Sử dụng vợt lưới đường kính lớn hơn 50cm - Sử dụng lưới đăng
	<p>Được phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thành viên của nhóm mới được vào đánh bắt - Bắt cua con, cá kèo con và sò huyết (lúc thủy triều thấp và nổi rõ mặt bùn) - Chỉ được đánh bắt bằng tay hoặc với các ngư cụ như: vợt đường kính nhỏ hơn 50cm, móc dài để bắt cua, chum tre để bắt cá thòi lòi

d) Khu sử dụng bền vững:

Khu sử dụng bền vững	<p>Cấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người ngoài nhóm vào - Mang và sử dụng dao, búa, cưa vào rừng - Đào bới đất rừng và cây rừng. - Dẫm đạp hoặc làm tổn hại cây con - Sử dụng dụng cụ đánh bắt bằng điện và hóa chất - Sử dụng vợt lưới có đường kính lớn hơn 80cm - Sử dụng lưới đăng - Lượm củi khô vào các tháng 1,4,7,10
	<p>Được phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thành viên của nhóm mới được vào đánh bắt - Bắt ba khía, cua, đên biển, ốc, cua con và cá kèo con khi nước lớn và ròng - Chỉ được đánh bắt bằng tay hoặc với các ngư cụ như: vợt đường kính nhỏ hơn 80cm, móc dài để bắt cua, chum tre để bắt cá thòi lòi - Nhặt cành, nhánh, củi khô bằng tay vào các tháng 2, 3, 5, 6, 8, 9, 11, 12

Điều 11: Việc kiểm soát, đánh giá mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và các hoạt động diễn ra trong từng khu vực phải liên tục và có người phụ trách:

a) Mỗi hộ thành viên của nhóm đồng quản lý phải có một bản ghi chép chi tiết về thời gian vào rừng và số lượng tài nguyên khai thác của từng thành viên của hộ mỗi khi vào rừng. Bản ghi chép này sau đó phải được đưa cho người phụ trách để tổng hợp.

b) Kết quả ghi chép phải được Tổ trưởng tổng hợp và báo cho Nhóm trưởng mỗi tháng một lần để phân tích.

c) Tất cả các thành viên của Nhóm Đồng quản lý ấp Âu Thọ B có trách nhiệm giám sát thường xuyên các hoạt động diễn ra bên trong khu vực quản lý.

d) Đối với khu phòng hộ, nhiệm vụ tuần tra giám sát được giao cho những người có trách nhiệm trong nhóm đảm nhận dưới sự hướng dẫn của chính quyền địa phương.

e) Những hoạt động vi phạm quy chế, mọi thành viên phải có nhiệm vụ báo kịp thời cho người có trách nhiệm, Tổ trưởng hay Nhóm trưởng. Khi phát hiện vi phạm Nhóm trưởng, Tổ trưởng và tổ viên được quyền lập biên bản, chuyển giao cho chính quyền địa phương xử lý trong thời gian không quá 1 giờ.

f) Mỗi Tổ trưởng phải có một sổ ghi chép những hành vi vi phạm quy chế đã bị phát hiện, và các biện pháp ngăn chặn những hành vi đó để báo cáo cho Trưởng nhóm mỗi tháng một lần.

g) Những trường hợp khẩn cấp, thành viên nhóm cần báo trực tiếp bằng điện thoại cho Trưởng ban Nhân dân ấp (0985.594.616) hoặc Chủ tịch UBND xã (0918.362.132). Khi nhận được tin báo khẩn cấp, UBND xã có trách nhiệm phân công ngay cán bộ có thẩm quyền xuống hiện trường trong thời gian sớm nhất để giải quyết sự việc (không quá 1 giờ).

Điều 12: Các cơ quan, ban ngành liên quan gồm: Ban nhân dân ấp, dân quân tự vệ, công an, xã đội, UBND xã Vĩnh Hải, Hạt Kiểm lâm, Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Đồn Biên phòng 642 tạo điều kiện thuận lợi cho Nhóm hoạt động, thường xuyên phối hợp với Nhóm Đồng quản lý để thực hiện tốt mục đích và yêu cầu như điều 2 đã đề ra.

CHƯƠNG 5

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13: Đối với tổ viên, hoặc người bên ngoài không phải là tổ viên, nếu phát hiện các vi phạm và trình báo kịp thời sẽ được khen thưởng theo quy định. Tất cả mọi trường hợp vi phạm nghiêm trọng Luật Bảo vệ và phát triển Rừng, Luật Thủy sản sẽ bị giao cho chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật mà không tính số lần vi phạm.

Điều 14: Trường hợp là thành viên của Nhóm Đồng quản lý:

a) Vi phạm lần đầu thu hồi tang vật và thẻ của người vi phạm giao tổ giáo dục, lần 2 thu hồi hết thẻ của gia đình 3 tháng, lần 3 họp tổ viên lấy ý kiến biểu quyết đuổi ra khỏi tổ. Trường hợp có tình vi phạm đề nghị chính quyền địa phương xử lý theo pháp luật.

b) Tổ viên vắng mặt và không tham gia họp tổ 3 lần sẽ cho ra khỏi tổ.

c) Trẻ em dưới 16 tuổi, nếu vi phạm quy chế 5 lần sẽ bị xử lý như người lớn.

Điều 15: Trường hợp người ngoài Nhóm Đồng quản lý:

Vi phạm lần đầu thu hồi tang vật giao cho Tổ trưởng, Trưởng Nhóm Đồng quản lý và Trưởng ban Nhân dân ấp giáo dục, lần 2 thu hồi tang vật vi phạm giao chính quyền địa phương xử lý theo pháp luật.

CHƯƠNG 6

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 16: Tổ trưởng có nhiệm vụ báo cáo bằng văn bản các hoạt động và kết quả giám sát đến nhóm trưởng vào ngày 18 hàng tháng.

Điều 17: Nhóm trưởng và Trưởng ban Nhân dân ấp có nhiệm vụ báo cáo đến Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải bằng văn bản vào ngày 20 hàng tháng.

CHƯƠNG 7

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18: Nhóm đồng quản lý ấp Âu Thọ B và chính quyền địa phương phải phổ biến cho tổ viên biết, tổ viên có nhiệm vụ tuân thủ và thực hiện tốt các điều khoản quy định tại bản quy chế này.

Điều 19: Trong quá trình thực hiện, bản quy chế này vẫn được điều chỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung trong những trường hợp cần thiết với sự đồng ý biểu quyết của đa số hộ thành viên của Nhóm Đồng quản lý và chỉ có hiệu lực thi hành khi được UBND xã Vĩnh Hải chứng thực.

Điều 20: Quy chế này đã được UBND xã Vĩnh Hải chứng thực và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2009.

NHÓM ĐỒNG QUẢN LÝ ẤP ÂU THỌ B

CHỨNG THỰC CỦA UBND XÃ VĨNH HẢI

Vĩnh Hải, ngày 04 tháng 09 năm 2009

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH HẢI

CHỦ TỊCH UBND

Lê Hoàng Nhị

Sổ tay tập huấn dành cho các tổ trường để hướng dẫn các tổ viên về giám sát sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại các cuộc họp tổ

1. Chào mừng

- a. Giới thiệu đại biểu tham dự
- b. Giải thích lý do cuộc họp:
 - Tìm hiểu về giám sát sử dụng tài nguyên và làm thế nào để làm việc này qua sử dụng các phiếu giám sát

2. Giải thích giám sát là gì và tại sao giám sát là quan trọng:

- Giám sát là khi mỗi một người chúng ta ghi lại bao nhiêu tài nguyên chúng ta thu lượm được, phải mất bao lâu để chúng ta thu lượm chúng và ở đâu chúng ta thu lượm chúng cho mỗi lần chúng ta đi vào rừng.
- Giám sát là quan trọng bởi vì khi biết được bao nhiêu tài nguyên chúng ta đang thu lượm và đang phải mất bao lâu để chúng ta thu lượm chúng và ở đâu, qua thời gian chúng ta có thể thấy được là số lượng tài nguyên đang ngày càng tăng, giảm hay không đổi.
- Thông tin này sẽ rất quan trọng để chúng ta biết khi nào chúng ta quyết định cách quản lý rừng tốt hơn trong tương lai. Ví dụ như nếu chúng ta biết rằng số lượng tài nguyên ngày càng giảm, chúng ta sẽ cần thay đổi cách chúng ta làm để tìm cách làm tăng lại số lượng tài nguyên. Mặt khác, nếu chúng ta biết số lượng tài nguyên ngày càng nhiều hơn bởi vì có các kiểm soát đã giới hạn việc thu hoạch tại các khu vực nhất định, chúng ta có thể sau đó có lẽ nghĩ đến việc giảm bớt các hạn chế.
- Giám sát do đó rất quan trọng và mọi người có trách nhiệm ghi lại bao nhiêu của một loại tài nguyên thu lượm được, ở đâu, và phải mất bao lâu để thu lượm tài nguyên này.

Hãy hỏi xem mọi người có thắc mắc gì không

3. Chúng ta làm giám sát như thế nào?

- a. Mỗi hộ gia đình sẽ có các phiếu giám sát mà trên các phiếu này cần được ghi lại bao nhiêu tài nguyên mỗi thành viên trong hộ thu lượm được, ở đâu, và mất bao nhiêu thời gian để thu lượm tài nguyên này cho mỗi lần thành viên này đi vào rừng.
- b. Các phiếu giám sát điền xong sẽ cần nộp lại cho tổ trường vào cuối mỗi tháng và tổ trường sẽ cung cấp thêm các phiếu giám sát cho tháng tiếp theo.

Hãy hỏi xem mọi người có thắc mắc gì không

4. Chúng ta điền vào phiếu giám sát như thế nào?

- a. Hãy chắc chắn rằng mọi người đều có một phiếu giám sát để xem xét và hãy nói rằng điều quan trọng là mọi người phải chú ý bởi vì mọi người sẽ bị yêu cầu điền vào phiếu giám sát của họ như bài tập thực hành vào cuối cuộc họp.
- b. Giải thích các loại tài nguyên khác nhau trên phiếu giám sát.
- c. **Hãy hỏi** xem mọi người có thể nhận biết các loại tài nguyên.
- d. Giải thích các đơn vị đo lường được sử dụng cho mỗi loại tài nguyên.
- e. **Hãy hỏi** vài câu hỏi để xác nhận tất cả mọi người hiểu các đơn vị đo lường, ví dụ: nếu tối bất ốc len thì tôi sử dụng đơn vị đo lường nào?
- f. Giải thích là số lượng tài nguyên thu lượm được cần được viết trên phiếu giám sát trong cột 'số lượng'.
- g. Nhấn mạnh là số lượng được viết ra là cho mỗi chuyến đi vào rừng. Vì vậy một hàng trên phiếu giám sát ghi lại tài nguyên thu lượm được trong một chuyến đi vào rừng của một người.

- h. Người đi thu lượm tài nguyên phải viết số thẻ thành viên người sử dụng trong cột ‘số thẻ thành viên’ mỗi lần người này mang tài nguyên về từ rừng.
- i. Người đi thu lượm tài nguyên cũng phải viết ra phải mất bao nhiêu lâu để thu lượm tài nguyên trong một chuyến đi. Người này cần ghi lại chuyến đi vào rừng của ông ta hay bà ta để thu lượm tài nguyên nhiều hơn hay ít hơn hai tiếng trong cột ‘thời gian’ với dấu < nếu chuyến đi ít hơn 2 tiếng và > nếu chuyến đi nhiều hơn 2 tiếng.
- j. Thông tin cuối cùng mà người đã thu lượm được tài nguyên cần điền vào phiếu giám sát là ở đâu người này đã thu lượm được tài nguyên. Các khu vực trong rừng mà các thành viên nhóm đồng quản lý có thể thu lượm tài nguyên được phân thành ba khu được đánh số:
 1. khu sử dụng bền vững
 2. khu khôi phục bên ngoài rừng
 3. khu khôi phục bên trong rừng

Hãy hỏi xem mọi người có biết các khu này ở đâu, hãy hỏi mọi người giải thích các khu này ở đâu.

- k. Số lượng một khu, hay nhiều khu nếu tài nguyên đã thu lượm được từ hơn một khu, cần phải được ghi lại trên phiếu giám sát trong cột “khu”.
- l. Bây giờ chắc là mọi người đã hiểu được cách hoàn thành việc điền thông tin vào phiếu giám sát.

Hãy hỏi xem tất cả mọi người có hiểu về phiếu giám sát. Nếu mọi người không hiểu, hãy làm rõ điều gì không hiểu và lập lại các hướng dẫn nào ở trên mà có liên quan đến câu hỏi.


- m. Nếu mọi người đã hiểu, thử nghiệm bằng cách hỏi mọi người về cảm nang/phiếu hướng dẫn.
- n. Xây dựng một vài ví dụ cho mọi người điền vào phiếu giám sát. Ví dụ như: Bạn đi vào rừng và thu được 3 tác củi khô, 2 kg ốc len, 100 cua con và 20 cá kèo con. Bạn phải mất hơn 2 giờ để thu được các nguồn lợi này và bạn đi vào khu sử dụng bền vững và khu khôi phục bên ngoài rừng để thu lượm chúng. Bạn hoàn thành việc điền vào phiếu giám sát như thế nào để cho thấy việc này?
- o. Một khi mọi người đã hiểu, cần phải nói cho mọi người biết là bây giờ mỗi khi mọi người trở về nhà sau khi đi vào rừng thu lượm tài nguyên họ phải điền vào phiếu giám sát như đã mô tả ở trên và nộp lại phiếu đã điền xong cho tổ trưởng vào cuối tháng. Các tổ trưởng phải đảm bảo rằng tất cả các phiếu phải nộp lại cho anh ta vào cuối mỗi tháng.
- p. Thông tin có được từ công việc giám sát sẽ được các tổ trưởng báo cáo lại cho tất cả tổ viên mỗi tháng.

Cuối cùng, nhắc lại tầm quan trọng của việc hoàn thành việc điền thông tin vào phiếu giám sát cho mỗi một lần mọi người trở về nhà sau khi thu lượm tài nguyên trong rừng:

- Qua thời gian, thông tin thu thập được sẽ cho chúng ta biết nguồn tài nguyên của chúng ta đang tăng lên, giảm đi hay không đổi. Thông tin này sẽ giúp chúng ta quyết định cách quản lý rừng trong tương lai.

Hãy nói là trong bìa cứng chứa các phiếu giám sát có một bản hướng dẫn cơ bản về hoàn thành việc điền thông tin vào phiếu giám sát bằng tiếng Việt và tiếng Khmer sẽ giúp nhắc nhở mọi người về những gì họ đã được nghe trong cuộc họp.

Hãy cảm ơn tất cả mọi người đã dành thời gian của họ cho cuộc họp và bạn mong muốn thu thập nhiều phiếu giám sát được điền xong vào cuối tháng và nếu có ai có bất cứ câu hỏi nào sau này, họ nên hỏi tổ trưởng của họ.



Deutsche Gesellschaft für
Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH

Dự án Quản lý Nguồn Tài nguyên Thiên nhiên
vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng
134 Trần Hưng Đạo,
Tp Sóc Trăng, Việt Nam

ĐT + 84 79 3622164
F + 84 79 3622125
I www.gtz.de
www.czm-soctrang.org.vn